



Mãi mãi với thời gian

Báo cáo thường niên 2014



Mục lục

1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	04
2. Tổng quan về công ty	06
2.1 Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi.....	08
2.2 Ngành nghề kinh doanh chính.....	12
2.3 Các sản phẩm chính.....	14
2.4 Các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2014.....	18
2.5 Định hướng kinh doanh.....	20
2.6 Nhân sự chủ chốt & Sơ đồ tổ chức.....	22
Sơ đồ tổ chức.....	23
Nhân sự chủ chốt.....	24
Những thay đổi trong ban điều hành.....	28
Chính sách đối với người lao động.....	28
2.7 Công ty con, công ty liên kết và công ty có vốn đầu tư.....	29
3. Chiến lược phát triển	30
3.1 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	31
4. Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2014	32
4.1 Tổng quan hoạt động & Kết quả kinh doanh năm 2014 của công ty.....	34
4.2 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	35
Tình hình đầu tư.....	35
Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết.....	36
4.3 Các dự án tiêu biểu.....	38
Các dự án tiêu biểu trong lĩnh vực bất động sản.....	38
Các dự án tiêu biểu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.....	39
Các dự án đã đi vào sản xuất ổn định, phát huy công suất, hiệu quả.....	39
Các dự án đang triển khai đầu tư và nghiên cứu chuẩn bị đầu tư.....	39
4.4 Các chỉ tiêu tài chính nổi bật năm 2014.....	40
4.5 Báo cáo đánh giá của Ban Giám đốc.....	42
4.6 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Công ty.....	50
5. Báo cáo quản trị doanh nghiệp	57
5.1 Hội đồng quản trị.....	57
5.2 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.....	59
5.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	61
5.4 Báo cáo quản trị rủi ro.....	62
6. Các mục tiêu phát triển bền vững	64
6.1 Viglacera – Định hướng khách hàng.....	65
6.2 Viglacera – Chất lượng sản phẩm.....	65
6.3 Viglacera – Trách nhiệm xã hội.....	65
7. Báo cáo hoạt động năm 2014	66
8. Kế hoạch hoạt động giai đoạn 2015 - 2018	88
8.1 Kế hoạch tăng trưởng giai đoạn 2015 – 2018.....	88
8.2 Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2015 – 2018.....	89
9. Thông tin khác	90
9.1 Thông tin Cổ đông và Quản trị công ty.....	92
9.2 Thông tin doanh nghiệp.....	93
10. Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán	95

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị



Thư các cổ đông và toàn thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty,

Ngày 25 tháng 7 năm 2014, Viglacera vui mừng kỷ niệm 40 năm thành lập trong bối cảnh Tổng Công ty vừa chuyển sang hoạt động theo mô hình mới và tên gọi mới "Tổng Công ty Viglacera – Công ty Cổ phần". Trải qua nhiều lần thay đổi tên gọi, thay đổi mô hình tổ chức hoạt động, lần chuyển đổi này là một bước ngoặt hết sức quan trọng với Tổng công ty.

Thư Quý vị,

Năm vừa qua, Tổng công ty đã hoạt động có hiệu quả và các chỉ tiêu giá trị sản xuất kinh doanh và doanh thu đều vượt kế hoạch. Các nhóm sản phẩm đều có lợi nhuận, đặc biệt lĩnh vực bất động sản do công ty mẹ trực tiếp điều hành có kết quả hoạt động vượt 15% so với kế hoạch, doanh thu vượt kế hoạch từ 14-15%. Về lĩnh vực vật liệu xây dựng, doanh thu vượt 3-5% so với kế hoạch. Nhóm kính xây dựng, sứ - sen vòi, gạch ốp lát có lợi nhuận tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm ngoái.

Đại hội cổ đông đầu tiên của Tổng công ty cũng đã đề ra được chiến lược phát triển mới năng động hơn và rõ ràng hơn cho chặng đường phía trước.

Mục tiêu chúng tôi đề ra:

Viglacera trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam về sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản; Nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm truyền thống, nâng dần các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; Nâng cao công tác quản trị của Tổng công ty theo mô hình quản trị minh bạch và hiệu quả; Đầu tư mới chỉ tập trung các sản phẩm có tính cạnh tranh cao về công nghệ, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, có hiệu quả cao.

Nhìn lại chặng đường đã qua và hướng đến tương lai, chúng tôi cũng biết rằng với các thành công bước đầu đáng ghi nhận trong những năm vừa qua, con đường trước mắt vẫn **còn nhiều** thử thách. Với các mục tiêu **đã đề ra**, Viglacera càng phải củng cố **năng lực**, tiềm lực, phát huy mọi **khả năng** cạnh tranh và khẳng định **khả năng** phát triển và tầm nhìn chiến **lược** của một doanh nghiệp có bề dày **40 năm** không ngừng vượt qua gian **khó**, **đảm** bảo các lợi ích của cổ đông, **của cộng** đồng và cán bộ công nhân viên Tổng công ty.

Thư Quý vị,

Chúng tôi - lãnh đạo Tổng công ty vô cùng trân trọng và tri ân công sức và đóng góp của tập thể cán bộ công nhân viên Viglacera cũng như quý vị cổ đông để Viglacera có được những thành tựu của ngày hôm nay. Trong những năm tới, chúng tôi mong toàn thể quý vị cũng như các cán bộ công nhân viên Viglacera tiếp tục đồng lòng nhất trí ủng hộ và góp sức cùng chúng tôi xây dựng một Tổng công ty Viglacera ngày càng vững mạnh và phát triển bền vững với các sản phẩm được ưa chuộng và có tính cạnh tranh trên thị trường, để thương hiệu Viglacera Mãi mãi với thời gian.

Trân trọng,

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Luýen Công Minh

Tổng quan về Tổng Công ty





Giá trị cốt lõi

Tổng công ty Viglacera – CTCP là doanh nghiệp đứng đầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng tại Việt Nam, đồng thời Viglacera cũng được biết đến là thương hiệu uy tín trong lĩnh vực đầu tư bất động sản với các sản phẩm gồm khu công nghiệp cho thuê, khu đô thị, nhà ở để bán và khu thương mại – văn phòng cho thuê.

Sản phẩm của Tổng công ty đóng góp 20 triệu USD kim ngạch xuất khẩu/năm của ngành xây dựng, hiện có mặt tại trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. VIGLACERA chú trọng đa dạng hóa sản xuất và sản phẩm nhằm cung cấp trọn gói và đồng bộ các loại vật liệu xây dựng cho các dự án lớn tại thị trường trong nước và quốc tế, xây dựng chuỗi cung ứng từ nguyên liệu đầu vào đến đầu ra sản phẩm.

Trong hoạt động sản xuất, các đơn vị thành viên cũng rất tích cực hỗ trợ lẫn nhau trong công nghệ và phát triển thị trường. Đối với mỗi lĩnh vực sản xuất đều có những đầu mối tạo lập thị trường cho các đơn vị thành viên nhằm đảm bảo đồng bộ hóa hoạt động bán hàng và quản lý chất lượng sản phẩm.

Tầm nhìn, Sứ mệnh

Viglacera chuyên cung cấp các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực vật liệu xây dựng với chất lượng hàng đầu Việt Nam, là chủ đầu tư tin cậy trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản.

Viglacera quyết tâm giữ vững vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, đầu tư và kinh doanh bất động sản tại Việt Nam, phát triển nhanh chóng, bền vững để trở thành thương hiệu hàng đầu ở thị trường Đông Nam Á.



Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Gạch ngói Sành sứ Xây dựng được thành lập vào năm 1974 theo Quyết định số 366/BXD ngày 25/07/1974 của Bộ Xây dựng.

1974



1995

Ngày 20/11/1995, Bộ Xây dựng có Quyết định số 991/BXD-TCLĐ thành lập Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng là doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Xây dựng hoạt động theo mô hình Tổng công ty 90.

2006

Tháng 3/2006, Tổng công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 576/BXD-QĐ ngày 29/3/2006 của Bộ Xây dựng, Bộ máy của Công ty mẹ được tổ chức lại cho phù hợp với đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh và đồng thời là đơn vị quản lý, đầu tư vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

2010

Năm 2010, theo định hướng của Thủ tướng Chính phủ, Tổng công ty được sắp xếp lại và tham gia vào mô hình công ty mẹ - công ty con gồm Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị là Công ty mẹ (trên cơ sở tổ chức lại bộ máy Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị) và các doanh nghiệp là Tổng công ty Xây dựng Hà Nội, Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng, Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng và Tổng công ty VIWASEEN).

Ngày 30/6/2010, Tập đoàn phát triển nhà và Đô thị ban hành Quyết định số 153/HUD – HĐTV về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng thành công ty TNHH một thành viên và đổi tên thành Tổng công ty Viglacera.

Ngày 07/09/1979, Công ty được chuyển đổi thành Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng theo Quyết định số 308/CP của Chính phủ.

Ngày 13/10/1984, theo Quyết định số 1387/BXD – TCLĐ của Bộ Xây dựng, Liên hiệp được chia thành 3 phần, trong đó Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng chỉ quản lý các đơn vị từ Bình Trị Thiên trở ra.

Ngày 24/12/1992, theo Quyết định số 761/BXD-TCLĐ của Bộ Xây dựng, Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng được đổi tên thành Liên hiệp các Xí nghiệp Thủy tinh và Gốm Xây dựng.

Theo Quyết định số 442/BXD-TCLĐ ngày 30/09/1993, Liên hiệp các Xí nghiệp Thủy tinh và Gốm Xây dựng được đổi tên thành Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng.

1979

1984

1992

1993



2012

2013

2014

Ngày 02/10/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1428/QĐ-TTg về việc kết thúc thí điểm hình thành Tập đoàn Phát triển Nhà và đô thị Việt Nam, theo đó Tổng công ty Viglacera được chuyển về trực thuộc Bộ Xây dựng.

Quyết định số 919/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 về việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ Chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng công ty Viglacera từ Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị về Bộ Xây dựng.

Ngày 02/12/2013, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Tổng công ty Viglacera thành công ty cổ phần tại Quyết định số 2343/QĐ-TTg;

Căn cứ quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 24/6/2014 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc điều chỉnh Phương án cổ phần hóa của Tổng công ty Viglacera, vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera là: 2.645.000.000.000 đồng (Hai ngàn sáu trăm bốn mươi lăm tỷ đồng);

Ngày 02/07/2014, Tổng công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Tổng công ty Viglacera – CTCP và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy CNĐKDNCTCP số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2014.

Ngành nghề kinh doanh

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: - Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua. - Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua. - Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại. - Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng. - Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.
2	7110	Hoạt động về kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Lập dự án đầu tư xây dựng
3	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
4	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Tư vấn chuyển giao công nghệ (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán) - Tư vấn về môi trường - Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sản xuất, thực hiện các dịch vụ thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định nguyên liệu, vật liệu xây dựng
5	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị.
6	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh.
7	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất các chủng loại vật liệu xây dựng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh.
8	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.

STT	Mã ngành	Tên ngành
9	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị thi công và dịch vụ vận tải.
10	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ và công nhân kỹ thuật, công nhân sản xuất vật liệu xây dựng; đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.
11	7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Đưa người Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.
12	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng
13	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: khách sạn
14	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ thể thao, vui chơi, giải trí.
15	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Dịch vụ siêu thị.
16	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các chủng loại vật liệu xây dựng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh
17	0899	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác, chế biến khoáng sản
18	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ môi giới bất động sản (Chỉ hoạt động tại sàn giao dịch bất động sản của Tổng công ty) - Dịch vụ quảng cáo bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ định giá bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ đấu giá bất động sản (Chỉ hoạt động theo chứng chỉ của người đại diện theo pháp luật)

Các sản phẩm chính

Vật liệu xây dựng

Kính xây dựng

Sản phẩm chiếm 40% tổng công suất thiết kế toàn ngành với cơ sở hạ tầng công nghệ hiện đại, trong đó nhiều sản phẩm lần đầu tiên được đưa ra thị trường như sản phẩm kính đạt chất lượng Châu Âu: EN 572-2:2004 đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng phối kính sản xuất kính tiết kiệm năng lượng (Low-E)...

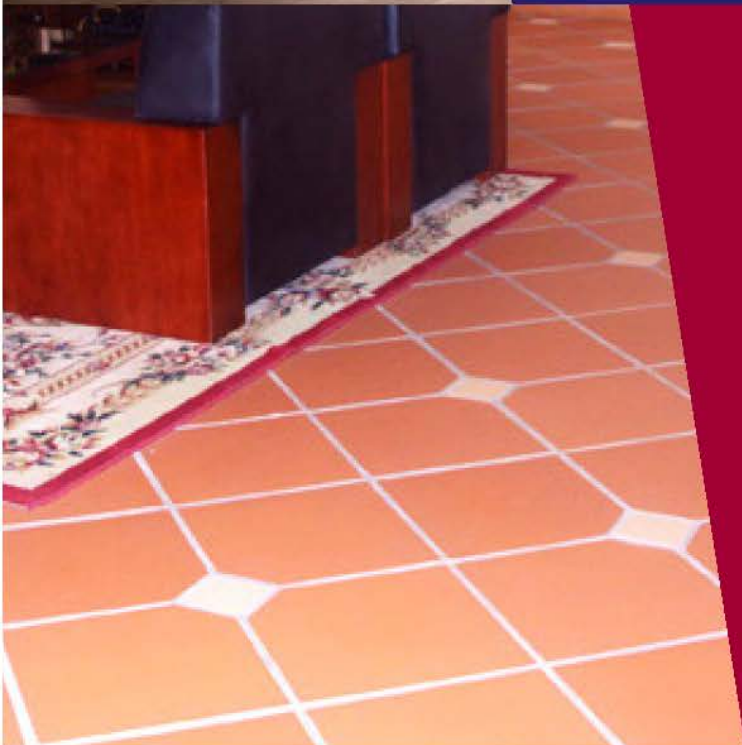
Sản phẩm gạch ceramic & granite

Tổng công suất khoảng 20 triệu m²/năm, gạch ceramic 14 triệu m²/năm tương đương 6% năng lực sản xuất ngành, gạch granite 6 triệu m²/năm tương đương 11% năng lực sản xuất ngành.



Sứ vệ sinh

Sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đại đa số người dân Việt Nam và tiếp cận đến thị trường cao cấp, năng lực sản xuất sản phẩm sứ tương đương với 10% năng lực sản xuất toàn ngành. Sen vòi là sản phẩm phụ trợ và được đồng bộ hóa cùng với nhóm sứ vệ sinh truyền thống và tạo nên giá trị gia tăng cho các sản phẩm sứ vệ sinh.



Sản phẩm đất nung

Tổng sản lượng sản xuất gạch xây, ngói lợp, gạch chế đạt trên 1,4 tỷ viên QTC/năm chiếm 3% năng lực ngành. Gạch cotto đạt 6,6 triệu m²/năm, khoảng 50% năng lực ngành

Các sản phẩm chính

Bất động sản

Viglacera được đánh giá là doanh nghiệp hàng đầu miền Bắc trong lĩnh vực đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN với tổng diện tích cho thuê lấp đầy 66%. Đã có 180 doanh nghiệp trong và ngoài nước thuê đất tại các khu CN do Viglacera đầu tư, trong đó có nhiều thương hiệu lớn như Samsung, Canon, Orion Vina, Vinamilk, Vinasoy, Rượu Hà Nội, Texhong Ngân Long...





Khu đô thị và nhà ở

Viglacera đã và đang thực hiện các khu đô thị, nhà ở xã hội như khu đô thị Đặng Xá (gần 73 ha) (Gia Lâm – Hà Nội), khu đô thị Xuân Phương (Từ Liêm – Hà Nội) với quy mô 14 ha, khu tổ hợp nhà ở cao cấp Thăng Long No.1 với quy mô 2 tháp 40 tầng và 3 tầng hầm



Khu công nghiệp và dịch vụ

Viglacera đã và đang triển khai 1.327 ha diện tích khu công nghiệp và dịch vụ gồm 04 khu công nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh (KCN Tiên Sơn - 348 ha, KCN Yên Phong - 340 ha, KCN Hải Yên - 129 ha, KCN Đông Mai - 160 ha) và KCN Phú Hà ở Phú Thọ (350 ha). Với lựa chọn chiến lược về địa điểm và hướng đầu tư bài bản, bền vững, Viglacera đã đạt được các thành công đáng kể. Công ty đang có kế hoạch triển khai trong thời gian tới hơn 1390 ha diện tích khu công nghiệp và dịch vụ mới, có thể kể tên như KCN Phong Điền ở Huế (284 ha), KCN Yên Phong mở rộng (315 ha) ở Bắc Ninh với vị trí rất gần mỏ cát có chất lượng tốt nhất Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của ngành sản xuất kính – thủy tinh, gạch bê tông khí. ..., KCN Thuận Thành (200-300ha) tại Bắc Ninh, KCN Hạ Vàng ở Hà Tĩnh (100ha GDD), KCN Tiên Hải ở Thái Bình với diện tích 400 ha và vị trí thuận lợi rất gần mỏ cung cấp sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên.

Các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2014

Thương hiệu Viglacera đã giành được giải thưởng Thương hiệu Quốc gia năm 2014 và giải Vàng Chất lượng Quốc gia, cùng 5 năm liên tiếp giành giải Thương hiệu mạnh Việt Nam VN500.



Tổ hợp Thăng Long No1 đạt giải thưởng "Safe Home - Ngôi nhà an toàn" và Khu Đô thị Đặng Xá đạt giải thưởng "Mixed Use - dự án phức hợp bất động sản đạt chuẩn quốc tế" trong khuôn khổ giải thưởng Bất động sản Quốc tế khu vực Châu Á Thái Bình



Sản phẩm kính nổi Viglacera đạt tiêu chuẩn châu Âu EN 572-2:200, được khách hàng đánh giá là chất lượng top đầu trên thị trường; được Tổ chức quốc tế Định hướng Sáng kiến Kinh doanh trao tặng Giải Vàng "Cam kết chất lượng quốc tế 2014" (Word Quality Commitment-WQC).





Định hướng kinh doanh

LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Nhà sản xuất & kinh doanh VLXD hàng đầu tại Việt Nam

Củng cố vị thế các dòng sản phẩm hiện tại như kính xây dựng, sứ vệ sinh, gạch ốp lát cao cấp, gạch ngói đất sét nung

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển sản phẩm mới để tạo lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững

Hướng tới phát triển các dòng sản phẩm yêu cầu công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao (kính low-e, kính siêu trắng, gạch block thủy tinh, VLXD siêu nhẹ, gạch bê tông khí, gạch không nung...)

LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN

Ưu tiên phát triển hạ tầng khu công nghiệp, đô thị và nhà ở

Vận hành, khai thác các KCN, KĐT hiện có

Chuẩn bị phương án mở rộng, phát triển quỹ đất



Nhân sự chủ chốt & Sơ đồ tổ chức



Sơ đồ tổ chức



Hội đồng quản trị - Ban tổng giám đốc điều hành



Ông LUYỆN CÔNG MINH

Chủ tịch HĐQT

Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ
Quản trị kinh doanh

Sinh ngày 10/11/1957

- + Tháng 5/1983 - 2/1998: Cán bộ lao động tiền lương Liên hiệp các Xí nghiệp gạch ngói sành sứ - Bộ Xây dựng.
- + Tháng 3/1988 - 10/1993: Chuyên viên lao động tiền lương; Quản đốc phân xưởng Xí nghiệp gạch ngói Đại Thanh - Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng.
- + Tháng 11/1993 - 6/2007: Chuyên viên tổ chức lao động; Phó phòng tổ chức lao động; Trưởng phòng tổ chức lao động; Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng.
- + Tháng 7/2007 - 5/2008: Phó tổng giám đốc Tổng công ty kiêm Giám đốc công ty kính nổi Viglacera.
- + Tháng 6/2008 - 6/2014: Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Viglacera.
- + Từ tháng 7/2014 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP.



Ông NGUYỄN ANH TUẤN

Thành viên HĐQT
Tổng giám đốc

Kỹ sư VLXD, Thạc sỹ QTKD

Sinh ngày 18/11/1961

- + Tháng 1/1985 - 6/1995: Cán bộ kỹ thuật, quản đốc phân xưởng gạch lát nhà máy ngói xi măng Hà Nội - Liên hiệp các Xí nghiệp gạch ngói sành sứ xây dựng.
- + Tháng 7/1995 - 5/1998: Phó tổng giám đốc công ty liên doanh Johnson - Viglacera.
- + Tháng 6/1998 - 8/2007: Giám đốc công ty đầu tư phát triển hạ tầng Viglacera.
- + Tháng 9/2007 - 10/2007: Phó tổng giám đốc Tổng công ty kiêm Giám đốc công ty đầu tư phát triển hạ tầng, kiêm Giám đốc ban Land.
- + Tháng 11/2007 - 9/2012: Ủy viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc Tổng công ty Viglacera; Ủy viên Hội đồng thành viên Tập đoàn phát triển nhà và đô thị Việt Nam (từ 2/2010 - 9/2012).
- + Tháng 10/2012 - 6/2014: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Viglacera.
- + Từ tháng 7/2014 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Viglacera.



Ông TRẦN NGỌC ANH

Thành viên HĐQT
Phó Tổng giám đốc



Ông NGUYỄN QUÝ TUẤN

Thành viên HĐQT - Chủ
tịch Công đoàn Tổng công
ty Viglacera



Ông LƯU VĂN LẤU

Thành viên HĐQT

Kỹ sư Xây dựng

Sinh ngày 1/3/1972

- + Tháng 6/1995 - 3/1997: Chuyên viên Thiết kế các công trình giao thông xây dựng- Công ty Tư vấn thiết kế Trường Sơn;
- + Tháng 4/1997 - 10/2000: Quản lý thi công hiện trường của Tập đoàn TAISEI-Nhật Bản tại Việt Nam;
- + Tháng 11/2000 - 5/2005: Phó giám đốc điều hành Liên danh nhà thầu Thăng Long Sông Đà-NECCO
- + Tháng 6/2005 - 7/2007: Phó giám đốc, Giám đốc Xí nghiệp Thi công cơ giới thuộc Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Viglacera;
- + Tháng 8/2007 - 8/2009: Giám đốc Công ty Thi công cơ giới Viglacera
- + Tháng 9/2009 đến 6/2011: Giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng Viglacera.
- + Tháng 7/2011 đến nay: Phó tổng giám đốc Tổng công ty.

Kỹ sư Vật liệu Xây dựng

Sinh ngày 7/8/1965

- + Tháng 9/1983 - 8/1986: Chiến sỹ C12-D3- E141;
- + Tháng 11/1992 - 11/2009: Kỹ sư- Quản đốc Phân xưởng, Phó Giám đốc, Giám đốc- Công ty Gốm Xây dựng Hữu Hưng;
- + Tháng 12/2009 - 7/2010: Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Viglacera;
- + Tháng 8/2010 - 9/2011: Phó chủ tịch Công đoàn, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Viglacera; Bí thư Chi bộ số 1 thuộc Đảng bộ Cơ quan Tổng công ty Viglacera;
- + Tháng 10/2011 - 6/2014: Ủy viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Viglacera; Tháng 7/2014 đến nay: UVHĐQT TCT kiêm Chủ tịch CĐ TCT.

Cử nhân KT, Khoa tài chính

Sinh ngày 17/9/1956

- + Tháng 6/1981 - 9/1987: cán bộ Liên hiệp Gạch ngói sành sứ- Bộ Xây dựng
- + Tháng 10/1987 - 10/1991: Phụ trách phòng Tài chính kế toán Công ty Gốm xây dựng Đại Thành
- + Tháng 10/1991 - 12/1997: Phụ trách kế toán, Kế toán trưởng công ty Sứ Thanh Trì; Kế toán trưởng Công ty Liên doanh Johnson-Viglacera
- + Tháng 1/1998 - 7/2003: Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng; Kế toán trưởng Trường Trung cấp nghề Viglacera; Kế toán trưởng Công ty Gốm XD Xuân Hoà
- + Tháng 8/2003 - 1/2004: Chuyên viên chính Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng
- + Tháng 2/2004 đến 6/2014: Ủy viên Hội đồng thành viên- Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng
- + Tháng 7/2014 đến nay: Ủy viên HĐQT Tổng công ty

Hội đồng quản trị - Ban tổng giám đốc điều hành



Ông NGUYỄN MINH TUẤN

Phó Tổng giám đốc



Ông HOÀNG KIM BỔNG

Phó Tổng giám đốc



Ông NGUYỄN ANH TUẤN

Phó Tổng giám đốc

Kỹ sư hóa, Thạc sỹ QTKD Sinh ngày 3/4/1959

Số lượng cổ phần sở hữu: 183.000

- + Tháng 05/1983 - 6/1990 là cán bộ kỹ thuật, Phụ trách KCS Công ty Sứ Thanh trì
- + Tháng 7/1990- 5/2001: Phụ trách Lò nung, Trưởng phòng Kinh doanh, Đảng ủy viên - Phó Giám đốc Công ty Sứ Thanh trì
- + Tháng 6/2001 - 2004: Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Gốm xây dựng Hạ long
- + Tháng 5/2004 - nay : Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.

Kỹ sư VLXD, Thạc sỹ QTKD Sinh ngày 3/6/1961

Số lượng cổ phần sở hữu: 45.100

- + Tháng 2/1986 - 11/1994: Kỹ sư Xưởng ngói, Phó quản đốc, Phụ trách sản xuất- Xí nghiệp gạch ngói 382 Đông Anh
- + Tháng 12/1994- 4/1998 : Kỹ sư, Trưởng phòng Công ty Tư vấn xây dựng và Phát triển vật liệu xây dựng
- + Tháng 5/1998 - 9/2003: Phó giám đốc, Giám đốc Công ty Gốm xây dựng Từ Sơn
- + Tháng 10/2003- 8/2004: Giám đốc Công ty Sứ Bình Dương
- + Tháng 9/2004 : Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Tổng công ty
- + Tháng 10/2004 - 3/2008: Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty VLCL Cầu Đường Viglacera
- + Tháng 4/2008- 3/2011: Bí thư Đảng ủy, CTHDQT kiêm Giám đốc Công ty CP Viglacera Đông Anh
- + Tháng 4/2011 - 4/2012: Bí thư Đảng ủy, Tổng giám đốc Công ty CP Kính Viglacera Đáp cầu
- + Tháng 5/2012 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty

Kỹ sư KT mở, Thạc sỹ QTKD Sinh ngày 19/11/1966

Số lượng cổ phần sở hữu: 104.500

- + Tháng 11/1988- 10/1993: Chuyên viên Phòng Kế hoạch cung tiêu- Xí nghiệp nhựa bách hóa- Tổng công ty Bách hóa
- + Tháng 11/1993- 12/1995: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Nguyên liệu vật tư và thiết bị- Tổng công ty Viglacera
- + 1/1996- 8/1997: Chuyên viên Kinh tế kế hoạch - Phòng Kế hoạch Tổng công ty Viglacera
- + Tháng 9/1997 đến 4/1998: Phó Phòng Kinh doanh Tổng công ty Viglacera
- + 5/1998- 4/2001: Phó giám đốc Công ty Kinh doanh và Xuất nhập khẩu - Tổng công ty Viglacera
- + Tháng 1/2006: 10/2006: Trưởng Ban quản lý các dự án đầu tư hạ tầng và Đô thị của Tổng công ty
- + Tháng 11/2006- đến 7/2007: Giám đốc Công ty Đầu tư hạ tầng và Đô thị Viglacera
- + Tháng 8/2007 đến 6/2011: Phó giám đốc Ban Land kiêm Giám đốc Công ty Đầu tư hạ tầng và Đô thị Viglacera
- + Tháng 7/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Viglacera

Ban kiểm soát



Bà NGÔ THÙY TRANG

Trưởng ban kiểm soát



Bà NGUYỄN CẨM VÂN

Thành viên ban kiểm soát



Ông NGUYỄN HẢI LONG

Thành viên Ban kiểm soát

Cử nhân KT, Cử nhân Luật
Sinh ngày: 26/2/1972

Số lượng cổ phần sở hữu: 36.000

Quá trình công tác:

- + Nhân viên kế toán; Phó phòng tài chính kế toán Công ty Tân Xuyên
- + Chuyên viên, Phó phòng Tài chính kế toán, Kế toán trưởng Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng Viglacera
- + Kiểm soát viên- Tổng công ty Viglacera
- + Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Viglacera

Cử nhân kinh tế
Sinh ngày: 2/7/1972

Số lượng cổ phần sở hữu: 13.900

Quá trình công tác:

- + Làm việc tại Công ty Kiểm toán Việt Nam VACO – Trợ lý kiểm toán viên
- + Kế toán Tổng công ty Viglacera
- + Kiểm soát viên Tổng công ty Viglacera
- + Kiểm soát viên kiêm nhiệm, Chuyên viên phòng Kiểm soát nội bộ Tổng công ty Viglacera
- + Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty

Kỹ sư kinh tế xây dựng
Sinh ngày: 10/11/1980

Số lượng cổ phần sở hữu: 12.400

Quá trình công tác:

- + Từ tháng 9/2003 đến nay: Cán bộ kỹ thuật Công ty Cổ phần Tu tạo và Phát triển nhà Hà Nội; Chuyên viên Phòng Kiểm soát nội bộ, Chuyên viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Viglacera, Kiểm soát viên kiêm nhiệm - Chuyên viên Phòng Kiểm soát nội bộ- Tổng công ty Viglacera
- + Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty

Chính sách đối với người lao động

- Tại Viglacera, nguồn lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm và từng bước được hoàn thiện công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách Lương thưởng & đãi ngộ; Tuyển dụng và Đào tạo và phát triển.

Các chính sách lương, thưởng, trợ cấp, ... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thoả đáng, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

- Trong các năm gần đây, Công ty Mẹ - Tổng công ty nói chung và các đơn vị trong Tổng công ty nói riêng đã chú trọng tăng cường bổ sung nguồn chuyên gia cao cấp. Tuy lực lượng này chiếm tỷ lệ khiêm tốn trong cơ cấu nguồn lực nhưng cũng đáp ứng được một phần nhu cầu về nguồn lực của Tổng công ty. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng đã thực hiện triển khai công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác quy hoạch cán bộ, công tác đầu tư phát triển Trường Đào tạo, Viện nghiên cứu.

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, ...



Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2014, Ông Đào Đình Thi, PTGD TCT xin chuyển công tác theo nguyện vọng cá nhân từ 5/2014.

Số lượng CBCNV

Tổng số CBCNV toàn Tổng công ty: 11.582
Số lượng CBCNV Công ty mẹ - Tổng công ty Viglacera-CTCP: 1.763



Hiện tại, Tổng công ty đã đầu tư hình thành Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera với cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại đồng bộ đáp ứng cho nhu cầu nghiên cứu và thí nghiệm; đồng thời hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 và tiếp tục triển khai giai đoạn 2 Trường Cao đẳng nghề Viglacera phục vụ và đáp ứng nhu cầu cần thiết trong đào tạo nguồn nhân lực ngay trong các doanh nghiệp của VIGLACERA. Bên cạnh đó, VIGLACERA cũng tiếp tục mở rộng mối quan hệ hợp tác quốc tế đối với các đối tác có kinh nghiệm trong các lĩnh vực sản xuất vật liệu, nghiên cứu phát triển và đào tạo. Đây cũng chính là mô hình được các tập đoàn trên thế giới áp dụng trong hoạt động.

Công ty con, công ty liên kết

CÔNG TY CON	TL biểu quyết	Vốn đầu tư tại 31/12/2014
Công ty CP Viglacera Thăng Long	51.07%	21,420,000,000
Công ty CP Bao bì và Má Phanh Viglacera	51.00%	6,553,719,948
Công ty CP Viglacera Bá Hiến	52.64%	4,349,543,500
Công ty CP Viglacera Từ Liêm	55.92%	22,876,640,252
Công ty CP Viglacera Đông Anh	51.00%	3,895,380,000
Công ty CP Tư vấn Viglacera	76.89%	2,823,344,712
Công ty CP Việt Trì Viglacera	97.47%	11,482,163,862
Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	51.00%	62,220,000,000
Công ty CP Cơ khí và XD Viglacera	52.72%	3,570,000,000
Công ty CP Viglacera Hữu Hưng	51.00%	5,246,606,312
Công ty CP Viglacera Tiên Sơn	51.00%	56,548,800,000
Công ty CP Thương mại Viglacera	62.66%	22,171,173,382
Công ty CP Viglacera Vân Hải	60.00%	13,550,721,562
Công ty CP Khoáng sản Viglacera	51.00%	7,447,460,436
Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	60.00%	11,565,708,925
Công ty CP Viglacera Hạ Long	50.48%	180,707,594,000
Công ty CP Viglacera Hà Nội	51.00%	14,280,000,000
Công ty CP Bê tông khí Viglacera	95.69%	62,200,000,000
Công ty CP Viglacera Đông Triều	67.47%	9,175,920,000
CÔNG TY LIÊN KẾT	TL biểu quyết	Vốn đầu tư tại 31/12/2014
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	29.28%	286,821,000,000
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	24.93%	4,837,506,400
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	26.00%	2,002,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	26.15%	6,789,858,319
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	25.00%	3,482,862,617
Công ty Cổ phần Vinafacade	42.37%	2,753,256,336



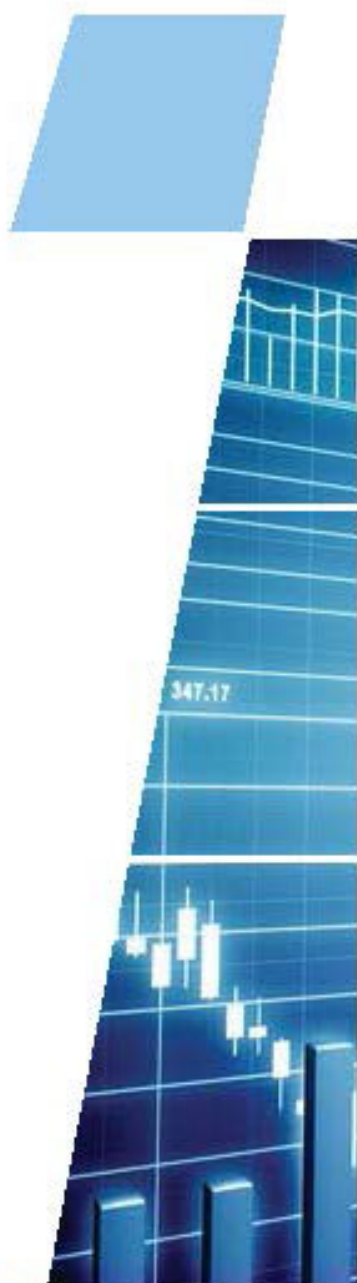
Mục tiêu phát triển bền vững

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- 1** Nghiên cứu phát triển và tiên phong đưa vào sản xuất các sản phẩm xanh, thân thiện môi trường.
- 2** Tiếp tục đầu tư chiều sâu vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, mở rộng & chiếm lĩnh thị phần.
- 3** Đa dạng hóa danh mục sản phẩm BĐS, gắn nhu cầu thực tế với thị trường.
- 4** Đẩy mạnh hoạt động của hệ thống bán hàng, công tác thị trường, xúc tiến thương mại nâng cao doanh số bán trong và xuất khẩu.
- 5** Xây dựng đội ngũ nhân lực trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến.
- 6** Nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.
- 7** Chú trọng công tác nghiên cứu thị trường, tìm hiểu nhu cầu khách hàng; phối hợp với hoạt động nghiên cứu phát triển nhằm đưa ra sản phẩm phù hợp thị hiếu khách hàng trong nước cũng như các thị trường xuất khẩu mục tiêu.

Báo cáo hoạt động kinh doanh 2014

(Từ 22/7/2014 - 31/12/2014)





Tổng quan hoạt động & Kết quả kinh doanh năm 2014 của công ty



Những kết quả và thành tựu nổi bật đã đạt được trong năm 2014



Triển khai giao và ký cam kết các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD cho từng Ban, từng phòng nghiệp vụ, tổ công tác ngay từ đầu năm, chủ động điều hành từng tháng, từng quý. Thực hiện tổng kết đánh giá kết quả thực hiện năm 2014 và thông qua kế hoạch, giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm năm 2015.

Hoàn thành việc cấp sổ cổ đông, các thủ tục đăng ký công ty đại chúng tại Sở giao dịch chứng khoán.

Thương hiệu Viglacera đã giành được giải thưởng Thương hiệu Quốc gia năm 2014 và giải Vàng Chất lượng Quốc gia, cùng 5 năm liên tiếp giành giải Thương hiệu mạnh Việt Nam VN500.

Sản phẩm kính nổi Viglacera đạt tiêu chuẩn châu Âu EN 572-2:200, được khách hàng đánh giá là chất lượng top đầu trên thị trường; được Tổ chức quốc tế Định hướng Sáng kiến Kinh doanh trao tặng Giải Vàng “Cam kết chất lượng quốc tế 2014” (Word Quality Commitment-WQC).

Hoàn thành và bàn giao theo đúng tiến độ hơn 2500 căn nhà ở xã hội, nhà ở thu nhập thấp tại Khu đô thị Đặng Xá.

Bàn giao 405 căn hộ tại dự án Tổ hợp chung cư cao cấp Thăng Long No1 theo cam kết với khách hàng. Ký và triển khai hợp tác với các đối tác, chuyên gia nước ngoài trong nghiên cứu các giải pháp công nghệ, kết hợp với đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm mới.

Tiếp tục triển khai Chương trình hợp tác đã ký kết với Hội đồng kỹ năng nghề Proskill (Anh), thực hiện các bước nhằm nâng cao chuẩn chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng nghề Viglacera; hoàn thiện 5 bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề Kính, Sứ, gạch granite, creamic và gạch ngói đất sét nung đạt tiêu chuẩn Vương quốc Anh để đáp ứng nhu cầu đào tạo và chuẩn bị nguồn nhân lực cho Chiến lược phát triển của Tổng công ty.

Tình hình đầu tư

1.756 TỶ

Tổng giá trị thực hiện đầu tư 6 tháng cuối năm 2014 đạt 1.756 tỷ đồng bằng 117% KH Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 2/7/2014. Trong đó:

Đầu tư phát triển

- Lĩnh vực vật liệu xây dựng: Trong 6 tháng cuối năm chưa thực hiện đầu tư để tập trung nghiên cứu, khảo sát kỹ phương án đầu tư, lựa chọn công nghệ để đảm bảo khi triển khai dự án đạt được mục tiêu đặt ra; đặc biệt đối với dự án kính tiết kiệm năng lượng là dự án có công nghệ cao và được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn là dự án công nghệ cao được hưởng các ưu đãi theo chương trình phát triển công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao vào cuối năm 2014.

106 TỶ



Lĩnh vực đầu tư hạ tầng KCN và dịch vụ

đạt 106 tỷ đồng/KH 15 tỷ đồng. Giá trị đầu tư thực hiện tăng so với dự kiến kế hoạch dự kiến do:

+ Đẩy nhanh công tác triển khai chuẩn bị đầu tư để khởi công đầu năm 2015 Khu công nghiệp Phú Hà (thủ tục đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng) trong kế hoạch xúc tiến triển khai công tác chuẩn bị đầu tư trên 1000 ha KCN mới là KCN Phú Hà (Phú Thọ), KCN Phong Điền (Thừa Thiên Huế), KCN Yên Phong mở rộng đã đặt ra.

+ Tập trung đầu tư mới, nâng công suất các dự án/hạng mục Trạm cung cấp nước sạch tại các KCN Tiên Sơn, Yên Phong để đáp ứng việc mở rộng năng lực của các nhà đầu tư thứ cấp, có hiệu quả cao; đồng thời đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư tại KCN Phú Hà (giải phóng mặt bằng, chuẩn bị hạ tầng...).

+ Tiếp tục triển khai xây dựng các hạng mục hạ tầng đảm bảo đồng bộ tại các dự án KCN Yên Phong, KCN Hải Yên và Đông Mai; lập và triển khai phương án vận hành với chất lượng dịch vụ tương đương với các KCN do nước ngoài đầu tư.

1.633 TỶ



Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà

đạt 1.633 tỷ đồng/KH 1.388 tỷ đồng. Trong đó, tập trung triển khai đầu tư các dự án trọng điểm đã và đang triển khai là Khu đô thị Đặng Xá 2, Xuân Phương, Khu nhà ở cao cấp Thăng Long No1, dự án nhà ở giai đoạn III tại Đặng Xá, với giá trị đầu tư đạt 1.583 tỷ đồng. Trong đó, các dự án nhà ở xã hội, nhà ở thu nhập thấp tại Khu đô thị Đặng Xá, Nhà ở OCT2 tại Xuân Phương và Nhà ở cao cấp Thăng Long No1 được đẩy nhanh tiến độ để bàn giao sớm và vượt tiến độ đã cam kết với khách hàng.

17 TỶ



Lĩnh vực nghiên cứu phát triển

đạt 17 tỷ đồng/KH 17 tỷ đồng, bao gồm đầu tư cơ sở vật chất (thiết bị thí nghiệm) cho Viện Nghiên cứu phát triển Viglacera, vốn cho các Đề tài nghiên cứu khoa học theo Kế hoạch đã đặt ra; trong đó tập trung triển khai Dự án KH&CN: "Nghiên cứu thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất gạch bê tông khí chưng áp công suất 200.000 m³/năm".

Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết trong năm 2014



35,333 TỶ

Tăng vốn tại Công ty CP Viglacera Hạ Long 53,333 tỷ đồng; mục tiêu tăng vốn để triển khai dự án Nhà máy gạch clinker Viglacera, tái cơ cấu vốn và thành lập Công ty TNHH Thương mại Viglacera Hạ long.

41,855 TỶ

Tăng vốn tại các công ty: Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera (955 triệu đồng); Công ty CP Bê tông khí Viglacera (40,9 tỷ đồng) để đảm bảo tái cơ cấu vốn cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

26,1 TỶ

Dự kiến tăng vốn tại Công ty CP Tiên sơn vào năm 2015 (26,1 tỷ đồng) để thực hiện đầu tư mở rộng gạch ốp lát cao cấp giai đoạn 2 - Nhà máy Viglacera Thái Bình.

Tình hình tài chính công ty con, công ty liên kết

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính	Tổng tài sản 31/12/2014
Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	Vinh Phúc	51,07%	Sản xuất và kinh doanh gạch men	232.829.476.795
Công ty CP Bao bì và Má phanh Viglacera	Hà Nội	51,00%	Sản xuất và kinh doanh bao bì, má phanh	69.485.424.914
Công ty CP Viglacera Bá Hiến	Vinh Phúc	52,64%	Sản xuất và kinh doanh gạch	45.294.802.637

Công ty CP Viglacera Từ Liêm	Hà Nội	55,92%	Sản xuất và kinh doanh gạch	89.700.417.776
Công ty CP Viglacera Đông Anh	Hà Nội	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch	41.857.051.367
Công ty CP Tư vấn Viglacera	Hà Nội	76,89%	Lập dự án, thiết kế các công trình	20.834.912.028
Công ty CP Việt Trì Viglacera	Vĩnh Phúc	97,47%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh	82.892.522.737
Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	Bắc Ninh	51,00%	Sản xuất và kinh doanh kính	273.109.626.154
Công ty CP Cơ khí và XD Viglacera	Hà Nội	52,72%	Xây dựng	152.447.867.891
Công ty CP Viglacera Hữu Hùng	Hà Nội	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch	39.588.112.595
Công ty CP Viglacera Tiên Sơn	Bắc Ninh	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch	513.814.956.150
Công ty CP Thương Mại Viglacera	Hà Nội	62,66%	Kinh doanh vật liệu xây dựng	166.510.506.461
Công ty CP Viglacera Vân Hải	Quảng Ninh	60,00%	Khai thác và kinh doanh cát	30.312.838.180
Công ty CP Khoáng sản Viglacera	Yên Bái	51,00%	Khai thác và kinh doanh khoáng sản	52.086.626.738
Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	Hà Nội	60,00%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh	100.585.449.642
Công ty CP Viglacera Hạ Long	Quảng Ninh	50,48%	Sản xuất và kinh doanh gạch	888.692.746.950
Công ty CP Viglacera Hà Nội	Hà Nội	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch	281.242.125.158
Công ty CỘP Bê tông khí Viglacera	Bắc Ninh	95,69%	Sản xuất gạch chịu áp lực	139.971.298.574
Công ty CP Viglacera Đông Triều	Quảng Ninh	67,47%	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	230.665.891.484

Công ty liên kết

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính	Tổng tài sản 31/12/2014
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	Bắc Ninh	29,28%	Sản xuất và kinh doanh gạch	743.642.300.165
Công ty CP Viglacera Từ Sơn	Bắc Ninh	24,93%	Sản xuất và kinh doanh gạch	66.825.450.695
Công ty CP Viglacera Hạ Long I	Quảng Ninh	26,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch	47.760.298.970
Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Hà Nội	26,15%	Kinh doanh xuất nhập khẩu	105.143.413.413
Công ty CP Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Hà Nội	25,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch chịu lửa	42.065.796.617

Các dự án tiêu biểu

Khu đô thị và nhà ở

1. Khu đô thị Đặng Xá - Gia Lâm, Hà Nội
Quy mô: Giai đoạn 1 (33,59ha),
Giai đoạn 2 (39ha).
Thời gian thực hiện: 2004-2016 (giai đoạn 1),
2011-2020 (giai đoạn 2)
2. Khu đô thị Xuân Phương – Từ Liêm, Hà Nội
Quy mô: 14ha. Thời gian thực hiện: 2011-2016
3. Tổ hợp khu nhà ở cao cấp Thăng Long No1
Quy mô: 02 tháp 40 tầng và 03 tầng hầm.
Thời gian thực hiện: 2010 – 2015
4. Tổ hợp Khu chung cư 671 giai đoạn II
Hoàng Hoa Thám, Hà Nội
Quy mô: 02 tháp 21 tầng và 02 tầng hầm.
Thời gian thực hiện: 2008-2013

Khu công nghiệp và dịch vụ

Đã và đang triển khai 1.327 ha gồm:

1. KCN Tiên sơn – Bắc Ninh
Quy mô: 348ha.
Thời gian thực hiện: 1999-2011,
đã lấp đầy diện tích cho thuê
2. KCN Yên Phong – Bắc Ninh
Quy mô: 340ha.
Thời gian thực hiện: 2006-2015
3. KCN Hải Yên – Quảng Ninh
Quy mô: 129 ha.
Thời gian thực hiện: 2005-2016
4. KCN Đông Mai – Quảng Ninh
Quy mô: 160ha.
Thời gian thực hiện: 2010-2016
5. KCN Phú Hà – Phú Thọ
Quy mô: 350ha.
Thời gian thực hiện: 2015-2020



Chuẩn bị đầu tư 1.390 ha

1. KCN Phong Điền (284ha) - Huế;
2. KCN Yên Phong mở rộng (315ha) – Bắc Ninh (Vị trí KCN gần với mỏ cát có chất lượng tốt nhất Việt Nam, đáp ứng cho ngành sản xuất kính-thủy tinh, gạch bê tông khí...)
3. KCN Thuận Thành (200-300ha) - Bắc Ninh
4. KCN Hạ Vàng (100ha GĐI) - Hà Tĩnh
5. KCN Tiên Hải (400ha) - Thái Bình (Có vị trí thuận lợi gần mỏ cung cấp sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên)

Các dự án tiêu biểu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng Các dự án đã đi vào sản xuất ổn định, phát huy công suất, hiệu quả

1. Nhà máy kính nổi Viglacera công suất 420 tấn/ngày tại Bình Dương Chất lượng sản phẩm số 1 tại Việt Nam, đạt Tiêu chuẩn châu Âu EN 572-4

2. Nhà máy sứ Viglacera tại Bình Dương, công suất 400 ngàn sản phẩm/năm.
3. Nhà máy sen vôi Viglacera tại Hà Nội, công suất 500 ngàn sản phẩm/năm Công nghệ và dây chuyền thiết bị của châu Âu

Các dự án đang triển khai đầu tư và nghiên cứu chuẩn bị đầu tư

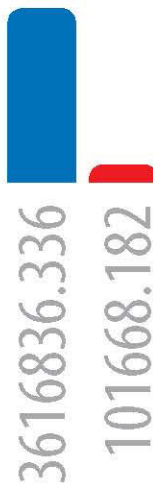
1. Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng (low-e) tại Bình Dương, công suất 2,3 triệu m²/năm; công nghệ sản xuất và tiêu chuẩn sản phẩm châu Âu.
2. Nghiên cứu đầu tư các cụm công nghiệp sản xuất kính và thủy tinh tại Miền Trung, Miền Nam gồm các dây chuyền sản xuất kính siêu trắng, kính chịu lửa v.v



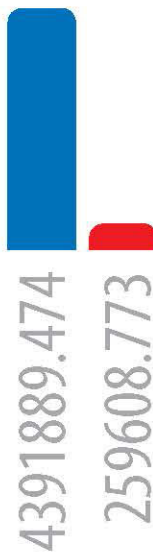
Các chỉ tiêu tài chính năm 2014

Đơn vị: Triệu đồng

Từ 01/01/2014
đến 21/07/2014



Từ 22/07/2014
đến 31/12/2014



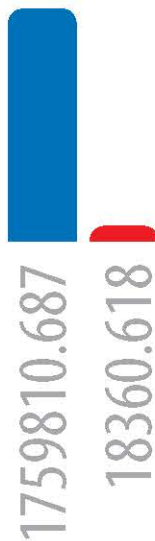
■ Doanh thu thuần
■ Lợi nhuận sau thuế

Hợp nhất

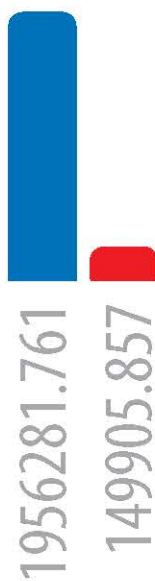
Chỉ tiêu	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Tăng (+)/ Giảm (-)	Tỷ lệ Tăng (+)/ Giảm (-)
a) Tình hình tài chính				
Tổng giá trị tài sản	12.406.719.172.440	12.219.691.584.414	(187.027.588.026)	-1,5%
Doanh thu thuần	3.616.836.336.209	4.391.889.473.912	775.053.137.703	21,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	153.189.310.013	321.398.118.189	168.208.808.176	109,8%
Lợi nhuận khác	(20.793.753.498)	(8.282.954.973)	12.510.798.525	
Lợi nhuận trước thuế	130.334.696.758	323.384.730.147	193.050.033.389	148,1%
Lợi nhuận sau thuế	101.668.182.062	259.608.772.662	157.940.590.600	155,3%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	N/A	799		
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức				
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu				
1) Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn:	1,0	1,1	0,1	
+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh:	0,4	0,4	0,0	
2) Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	79%	76%	-3%	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	399%	351%	-48%	
3) Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho	0,8	1,0	0,2	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,3	0,4	0,1	
4) Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	2,8%	5,9%	3,1%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	5,6%	10,2%	4,6%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,9%	2,1%	1,2%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	4,2%	7,3%	3,1%	

Đơn vị: Triệu đồng

Từ 01/01/2014
đến 21/07/2014



Từ 22/07/2014
đến 31/12/2014



Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Tăng (+)/ Giảm (-)	Tỷ lệ Tăng (+)/ Giảm (-)
a) Tình hình tài chính				
Tổng giá trị tài sản	9.803.223.244.863	9.650.963.828.409	(152.259.416.454)	-1,6%
Doanh thu thuần	1.759.810.687.373	1.956.281.760.570	196.471.073.197	11,2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.841.187.206	187.037.526.054	179.196.338.848	2285,3%
Lợi nhuận khác	(15.532.041.149)	4.544.739.999	20.076.781.148	
Lợi nhuận trước thuế	(7.690.853.943)	191.582.266.053	199.273.119.996	
Lợi nhuận sau thuế	(18.360.618.404)	149.905.857.172	168.266.475.576	
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu				
1) Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn:	1,2	1,4	0,2	
+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh:	0,5	0,6	0,1	
2) Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	73%	71%	-2%	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	270%	245%	-25%	
3) Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho	0,5	0,6	0,1	
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,2	0,2	0,0	
4) Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	-1,0%	7,7%	8,7%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	-0,9%	5,5%	6,4%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	-0,2%	1,5%	1,7%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,4%	9,6%	9,2%	

■ Doanh thu thuần
■ Lợi nhuận sau thuế

Báo cáo đánh giá của Ban Giám đốc

1/ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014, đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Tổng công ty Viglacera, khi chuyển đổi mô hình sang Công ty cổ phần từ ngày 2/7/2014. Đây là bước chuyển đổi quan trọng tạo điều kiện cho Tổng công ty phát triển cả về lượng và chất lên tầm cao mới, với chiến lược phát triển ổn định, bền vững, để trở thành một Tổng công ty quốc tế, đa sở hữu.

Bám sát các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua, Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm đối với từng lĩnh vực cụ thể. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2014 (Theo kết quả đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC)

Chỉ tiêu	ĐVT	KH ĐHCĐ giao 6 tháng cuối năm 2014	Thực hiện 6 tháng cuối năm 2014	
			Giá trị	% KH ĐHCĐ
1. Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	155.666	270.602	174
Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ		101.800	191.582	188
Lợi nhuận trước thuế của các công ty cổ phần có sở hữu vốn	-	53.866	79.020	147
- Công ty con (tính theo tỷ lệ sở hữu vốn)	-	53.193	68.570	129
- Công ty liên kết (tính theo tỷ lệ sở hữu vốn)	-	673	10.270	1.526
2. Doanh thu Công ty Mẹ	tr.đồng	2.096.709	2.463.649	117
3. Thực hiện đầu tư	tỷ đồng	1.500	1.756	117
+ Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà	-	1.388	1.633	117
+ Lĩnh vực vật liệu	-	80	0	-
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	-	17	17	100
+ Lĩnh vực đầu tư HTKT, dịch vụ KCN	-	15	106	706
4. Vốn điều lệ của TCT Viglacera-CTCP	tỷ đồng	2.645	2.645	

Tất cả các chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2014 thực hiện đều đạt và vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất giao. Đánh giá từng lĩnh vực như sau:

- Lĩnh vực vật liệu xây dựng: Kết quả các chỉ tiêu giá trị SXKD, doanh thu vượt 3-5% so với kế hoạch. Các nhóm sản phẩm đều có lãi, đặc biệt nhóm sứ-sen vôi, gạch ốp lát có lợi nhuận tăng trưởng cao so với thực hiện năm 2013

- Lĩnh vực bất động sản: Đây là lĩnh vực do Công ty Mẹ trực tiếp điều hành, kinh doanh; kết quả hoạt động vượt 15% KH; các chỉ tiêu giá trị SXKD, doanh thu đều vượt kế hoạch từ 14-15%, trong đó

+ Công tác đầu tư kinh doanh nhà: triển khai tốt phân khúc nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp với hơn 2500 căn hộ được bàn giao đúng tiến độ tại Khu đô thị Đặng Xá – Gia Lâm và Tây Mỗ - Nam Từ Liêm. Tổ chức triển khai đầu tư đúng tiến độ các dự án Chung cư Thăng Long No1; OCT2 Xuân Phương

+ Công tác đầu tư và kinh doanh hạ tầng KCN: tiếp tục triển khai xây dựng hạ tầng đồng bộ tại các dự án KCN Yên Phong, KCN Hải Yên và Đông Mai. Đồng thời xúc tiến, triển khai công tác chuẩn bị đầu tư trên 1000 ha KCN mới là KCN Phú Hà (Phú Thọ), KCN Phong Điền (Thừa Thiên Huế), KCN Hạ Vàng (Hà Tĩnh), KCN Yên Phong mở rộng và KCN Thuận Thành (Bắc ninh)



Các giải pháp và công việc trọng tâm đã triển khai thực hiện

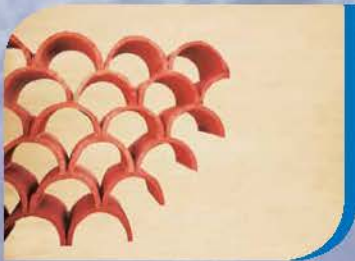
1- Triển khai đề án tái cơ cấu

Sắp xếp lại mô hình tổ chức Công ty Mẹ - Tổng công ty Viglacera-CTCP, thành lập mới các Ban Kính, Ban Gạch ốp lát- Sứ vệ sinh, Ban gạch ngói. Định biên lại nhân sự các phòng, ban của Tổng công ty. Tập trung xây dựng và trình Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành 16 Quy chế hoạt động phù hợp với mô hình quản trị của doanh nghiệp cổ phần tiên tiến bao gồm: Quy chế quản trị, Quy chế quản lý hoạt động đầu tư, Quy chế tài chính, các Quy chế hoạt động của các đơn vị trực thuộc. Hoàn thành việc cấp sổ cổ đông, đăng ký công ty đại chúng. Chuẩn bị các bước thực hiện niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty trên sàn giao dịch chứng khoán. Xây dựng phương án tăng vốn điều lệ của Tổng công ty, giảm tỷ lệ vốn nhà nước xuống 51%. Tập huấn các đơn vị triển khai các quy định về công bố thông tin, chế độ báo cáo, thời hạn báo cáo tài chính theo quy định của UBCK đối với công ty cổ phần đại chúng.



2- Công tác quản trị sản xuất

Tiếp tục triển khai các giải pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc kiểm soát chặt chẽ nguyên nhiên vật liệu đầu vào, các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá tiền lương, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động. Tập trung chỉ đạo trực tiếp các lĩnh vực gạch ngói, kính xây dựng là những lĩnh vực cần tái cấu trúc về sản phẩm. Cử cán bộ Tổng công ty xuống các đơn vị để cùng nắm bắt, chấn chỉnh kịp thời những bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các giải pháp về cơ cấu sản phẩm, chất lượng và giá thành sản phẩm để nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất kinh doanh.



3- Tổ chức tái cấu trúc lại hệ thống kinh doanh theo từng lĩnh vực sản phẩm để chuyên nghiệp hóa công tác bán hàng, tập trung nguồn lực đầu tư thị trường. Rà soát, xây dựng và ban hành quy chế bán hàng đảm bảo tính cạnh tranh, xây dựng lại hệ thống các đại lý tin cậy phủ rộng khắp từ thành phố tới các quận, huyện và khu vực dân cư. Tổ chức khảo sát đánh giá thị trường, các đối thủ cạnh tranh để từ đó xây dựng các chính sách về cơ cấu sản phẩm, mẫu mã sản phẩm, chất lượng sản phẩm, chính sách bán hàng và giá cả sản phẩm phù hợp với thị trường, năng lực thiết bị công nghệ của Tổng công ty.

Xây dựng chiến lược xuất khẩu sản phẩm của Tổng công ty trung và dài hạn; có chính sách riêng biệt đối với từng sản phẩm và từng vùng của thị trường xuất khẩu, thực hiện mục tiêu xuất khẩu tối thiểu 20% sản lượng sản xuất của Tổng công ty, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động xuất khẩu.



4- Công tác quản lý chất lượng

Ban hành bộ tiêu chuẩn cơ sở cho từng sản phẩm của Tổng công ty, đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở cao hơn TCVN, tương đương các đối thủ trong top đầu trên thế giới. Tổ chức lấy mẫu, phân tích đánh giá các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn cơ sở đã ban hành, so sánh với các đối thủ cạnh tranh qua đó đề xuất các giải pháp về công nghệ và kỹ thuật sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm. Phát huy vai trò của Viện nghiên cứu phát triển Viglacera trong việc quản lý chất lượng, hợp tác với các chuyên gia đầu ngành và chuyên gia, tổ chức nước ngoài nghiên cứu phát triển các sản phẩm có tính năng kỹ thuật cao, chất lượng cao để tăng tính cạnh tranh và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



5- Công tác nghiên cứu phát triển

Xác định mục tiêu đi tắt đón đầu công nghệ tiên tiến của thế giới trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tập trung vào các công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm chi phí tài nguyên, ít tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường với các sản phẩm bền vững với mọi điều kiện tự nhiên, sản phẩm cho biển đảo... Tổng công ty đã triển khai hợp tác với nhiều đối tác trên thế giới để triển khai các dự án kính tiết kiệm năng lượng, gạch clinker, kính siêu trắng, v.v và xây dựng kế hoạch triển khai đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế của Tổng công ty, đảm bảo Tổng công ty phát triển ổn định, bền vững.



6- Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Triển khai các bước nâng cao chuẩn chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Viglacera đạt tiêu chuẩn Vương quốc Anh theo chương trình hợp tác đã ký kết với Hội đồng kỹ năng nghề Proskill (Anh). Liên kết với Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Xây dựng Hà Nội mở các lớp đào tạo thạc sĩ kỹ thuật chuyên ngành cho cán bộ của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, triển khai đào tạo tay nghề cho đội ngũ công nhân của Tổng công ty, thực hiện mục tiêu tất cả công nhân sản xuất tại các đơn vị công nghệ cao như kính xây dựng, sứ vệ sinh, gạch ốp lát, sen vòi, v.v đạt trình độ cao đẳng.

Tổ chức tuyển dụng các sinh viên năm cuối của các Trường đại học theo chuyên ngành của Tổng công ty về nghiên cứu thực tập, làm đồ án tốt nghiệp gắn với thực tế sản xuất của các đơn vị trong Tổng công ty. Tuyển dụng các kỹ sư mới ra trường cho các đơn vị. Xây dựng và ban hành chính sách đãi ngộ cho sinh viên thực tập sản xuất và các kỹ sư mới ra trường phù hợp để giữ được người tài. Xây dựng bộ quy tắc ứng xử, văn hóa doanh nghiệp Viglacera



7- Công tác đầu tư phát triển

- Đối với lĩnh vực vật liệu xây dựng: Tập trung nghiên cứu và triển khai đầu tư dự án kính low-e là dự án công nghệ cao được Chính phủ ưu đãi, hỗ trợ. Tại các công ty con: đầu tư dự án nhà máy gạch clinker và chuẩn bị đầu tư dự án nhà máy 100% ngói lợp với công nghệ châu Âu, thiết bị tối đa sản xuất trong nước.

- Đối với lĩnh vực bất động sản: Tập trung chuyển dịch đầu tư kinh doanh sản phẩm bất động sản có thị trường và tính thanh khoản cao như nhà ở xã hội tại Đặng Xá, Tây Mỗ; bất động sản cho thuê như Khu công nghiệp Tiên Sơn, Yên Phong, Đông Mai, Hải Yên nhằm phát huy ngay những lợi thế về quỹ đất và các KCN của Tổng công ty; đồng thời cũng đưa vào công trình một số sản phẩm mới của Tổng công ty. Triển khai làm việc với các đối tác để hợp tác đầu tư trong lĩnh vực nhà ở. Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư các dự án KCN mới tại các tỉnh Phú Thọ, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế.



8- Công tác tài chính

- Triển khai từng bước công khai minh bạch tình hình tài chính của Tổng công ty, thiết lập các quy trình công bố thông tin đối với công ty đại chúng theo quy định của UBCK nhà nước. Thực hiện việc Kiểm toán nhà nước kiểm tra kết quả hoạt động SXKD và đầu tư năm 2013, chốt các số liệu về báo cáo kiểm toán của Tổng công ty Viglacera – CTCP; kết quả kiểm tra cho thấy hoạt động của Tổng công ty đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, không có sai phạm trọng yếu vi phạm chế độ chính sách của Nhà nước.

- Chỉ đạo triển khai các giải pháp để tiết giảm chi phí trong hoạt động, tổng chi phí tiết giảm được trong năm 2014 toàn Tổng công ty là 62,18 tỷ đồng, trong đó tiết giảm chi phí trong sản xuất là 48,47 tỷ đồng, tiết giảm chi phí quản lý là 13,71 tỷ đồng.

- Thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán 1.637 tỷ đồng vốn đầu tư XD/CB hoàn thành của 14 dự án/hạng mục.

2/ Tình hình tài chính

Tổng Công ty vẫn luôn có tình hình tài chính vững mạnh.

Giai đoạn sau khi chuyển đổi sang Công ty Cổ phần, các chỉ số tài chính đều được cải thiện hơn so với giai đoạn trước khi chuyển đổi. Cụ thể:

- Cơ cấu tài sản và nợ phải trả thay đổi theo hướng tăng Tài sản ngắn hạn, giảm Nợ ngắn hạn, đảm bảo cải thiện hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh;
- Số dư các khoản phải thu giảm đáng kể, đồng thời với sự tăng lên về doanh thu trong 6 tháng cuối năm, dẫn đến vòng quay các khoản phải thu tăng lên tránh tình trạng bị chiếm dụng vốn, tăng hiệu quả năng lực hoạt động;
- Từ sau khi chuyển đổi đến thời điểm 31/12/2014, các khoản nợ xấu đã được rà soát tổng thể, trích lập dự phòng đầy đủ và lập kế hoạch xử lý trong giai đoạn tiếp theo, nhằm thu hồi dần và tất toán các khoản công nợ khó đòi, cũng như đảm bảo số liệu tài chính được phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Tăng (+)/ Giảm (-)	Tỷ lệ Tăng (+)/ Giảm (-)
a) Cơ cấu tài sản				
HỢP NHẤT				
Tổng giá trị tài sản	12.406.719.172.440	12.219.691.584.414	(187.027.588.026)	-1,5%
- Tài sản ngắn hạn	5.981.475.263.380	6.193.474.955.933	211.999.692.553	3,5%
- Tài sản dài hạn	6.425.243.909.060	6.026.216.628.481	(399.027.280.579)	-6,2%
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	48,2%	50,7%	2,5%	5,1%
Chỉ tiêu				
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.487.607.570.994	1.302.064.726.870	(185.542.844.124)	-12,5%
+ Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(54.800.164.394)	(96.058.719.361)	(41.258.554.967)	75,3%
CÔNG TY MẸ				
Tổng giá trị tài sản	9.803.223.244.863	9.650.963.828.409	(152.259.416.454)	-1,6%
- Tài sản ngắn hạn	4.767.586.207.446	4.933.565.331.017	165.979.123.571	3,5%
- Tài sản dài hạn	5.035.637.037.417	4.717.398.497.392	(318.238.540.025)	-6,3%
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	48,6%	51,1%	2,5%	5,1%
Chỉ tiêu				
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.365.349.755.123	1.229.794.991.455	(135.554.763.668)	-9,9%
+ Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(5.606.109.911)	(5.606.109.911)	



- Các khoản Nợ phải trả, đặc biệt là các khoản Vay và nợ dài hạn đến cuối năm 2014 đã giảm đáng kể so với thời điểm chuyển đổi cổ phần hoá, góp phần làm giảm cơ cấu Nợ trên Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu, giảm sự phụ thuộc tài chính đối với các đối tượng bên ngoài, đảm bảo tình hình tài chính an toàn và bền vững.

- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu tuy đã giảm nhưng vẫn duy trì ở mức cao do Tổng Công ty vẫn đang trong giai đoạn đầu tư và vẫn tiếp tục tìm kiếm huy động một nguồn tài trợ lớn từ bên ngoài, chủ yếu là từ các tổ chức tín dụng, đặc biệt là nguồn cho vay ưu đãi (không lãi suất) của Ngân hàng phát triển Việt Nam và Nguồn ngân sách Nhà sách đối với các Dự án đầu tư sản phẩm mới, các Dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ cao.

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Tăng (+)/ Giảm (-)	Tỷ lệ Tăng (+)/ Giảm (-)
b) Cơ cấu nợ phải trả				
HỢP NHẤT				
Tổng Nợ phải trả	9.746.439.685.909	9.287.028.257.995	(459.411.427.914)	-4,7%
- Nợ ngắn hạn	6.078.473.957.367	5.605.830.545.759	(472.643.411.608)	-7,8%
- Nợ dài hạn	3.667.965.728.542	3.681.197.712.236	13.231.983.694	0,4%
Cơ cấu Nợ ngắn hạn/ Nợ phải trả	62,4%	60,4%	-2,0%	-3,2%
Chỉ tiêu				
+ Vay và nợ dài hạn	1.301.036.241.312	993.283.586.884	(307.752.654.428)	-23,7%
b) Cơ cấu nợ phải trả				
CÔNG TY MẸ				
Tổng Nợ phải trả	7.151.809.346.424	6.849.746.788.581	(302.062.557.843)	-4,2%
- Nợ ngắn hạn	3.955.554.363.353	3.560.914.005.587	(394.640.357.766)	-10,0%
- Nợ dài hạn	3.196.254.983.071	3.288.832.782.994	92.577.799.923	2,9%
Cơ cấu Nợ ngắn hạn/ Nợ phải trả	55,3%	52,0%	-3,3%	-6,0%
Chỉ tiêu				
+ Vay và nợ dài hạn	873.670.143.801	650.495.049.611	(223.175.094.190)	-25,5%

- Doanh thu và lợi nhuận sau khi chuyển đổi sang Công ty cổ phần tại cả Công ty mẹ và Hợp nhất toàn Tổng Công ty đều tăng đáng kể; các hệ số đo lường hiệu quả hoạt động (chỉ tiêu năng lực hoạt động, chỉ tiêu khả năng sinh lời) đều được cải thiện so với giai đoạn trước cổ phần hoá.

3/ Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tổng công ty đã ký hợp đồng thuê tư vấn MCG rà soát chức năng nhiệm vụ, đánh giá lại mô hình tổ chức, định biên lao động tại Công ty mẹ và các Phòng ban Tổng công ty. Ngay sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình TCT cổ phần, TCT đã thực hiện triển khai giai đoạn 1 sắp xếp, luân chuyển cán bộ tại văn phòng Công ty Mẹ, cụ thể:

- Luân chuyển 16 CBCNV; Chuyển chức năng kinh doanh dự án về các đơn vị thành viên quản lý, theo đó giải thể Phòng Dự án- ban Thương mại.

- Thành lập 04 Phòng ban để chuyên môn hóa, tập trung nâng cao công tác quản lý tại các đơn vị, cụ thể: tổ chức lại Ban sản xuất và thành lập 03 Ban mới là Ban gạch ngói, Ban Gạch ốp lát- Sứ vệ sinh và ban Kính, đồng thời giao trách nhiệm vụ thể cho các Ban bằng việc ký các cam kết để triển khai công tác kinh doanh hàng tháng, quý, năm; thành lập Phòng Công nghệ thông tin để tập trung triển khai dự án ERP kết nối toàn Tổng công ty đảm bảo cập nhật, xử lý kịp thời thông tin và minh bạch trong hệ thống quản lý; trong năm 2015, triển khai giai đoạn 1 tại văn phòng Tổng công và 6 đơn vị thành viên.

- Sắp xếp lại lao động tại các đơn vị thuộc Ban bất động sản theo hướng giảm lao động gián tiếp; Rà soát và bổ

nhệm, bổ nhiệm lại các chức danh Giám đốc, PGĐ, KTT và các chức danh quản lý khác tại tất cả các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

- Giao việc quy trách nhiệm thể đến từng cá nhân, trưởng, phó phòng ban cũng là người làm trực tiếp như chuyên viên để sâu sát công việc.

Trong giai đoạn 2 tiếp tục sắp xếp, rà soát mô hình tổ chức để ban hành chức năng, nhiệm vụ của các Phòng ban TCT và xem xét bổ nhiệm lại các chức danh quản lý Trưởng, phó các Phòng ban của TCT. Xây dựng các Quy chế hoạt động của các đơn vị phụ thuộc, trong đó, quy định cơ cấu tổ chức, số lượng cán bộ gián tiếp phù hợp với quy mô, phạm vi và lĩnh vực hoạt động gồm chức danh, số lượng và tỷ lệ của bộ máy gián tiếp theo hướng tối thiểu hóa; đồng thời thông qua việc ban hành quy chế cũng triển khai sắp xếp lại các phòng ban và sáp nhập các đơn vị có cùng chức năng nhiệm vụ trên cùng 1 địa bàn (VD: các BQLDA tại Bắc ninh, quảng ninh, hà nội của Công ty ĐTPT hạ tầng)

Thực hiện giao đơn giá tiền lương năm 2015 theo hướng giao quỹ lương theo NSLĐ và lợi nhuận KH; giao quỹ lương rõ ràng đối với bộ phận gián tiếp và trực tiếp cho 03 đơn vị trực thuộc.

Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu Tổng công ty Viglacera - CTCP

Tăng vốn điều lệ của Tổng công ty lên

**3.070
tỷ đồng**

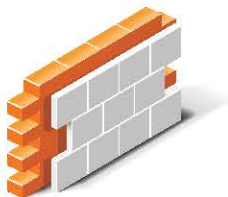
giảm tỷ lệ vốn nhà nước xuống

75%

xây dựng lộ trình giảm vốn nhà nước xuống

51%
trong các năm tiếp theo

Lĩnh vực vật liệu xây dựng



- Tập trung phát triển sản phẩm mới thân thiện môi trường, sản phẩm có giá trị gia tăng cao, mẫu mã mới phù hợp với nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu

- Tăng cường chặt chẽ công tác quản lý chất lượng sản phẩm; duy trì mục tiêu kính xây dựng đứng số 1 Việt Nam; các sản phẩm sứ vệ sinh, gạch ốp lát ngang bằng Top dẫn đầu

- Tập trung đưa chuyên môn hóa, tự động hóa vào các dây chuyền sản xuất hiện để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động và tăng khả năng cạnh tranh

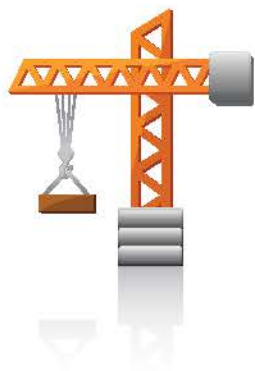
- Tăng cường công tác phát triển thị trường xuất khẩu sang các nước khu vực Châu Âu và Châu Mỹ, theo đúng chương trình kế hoạch xuất khẩu giai đoạn 2015 - 2020

- Triển khai đầu tư các dự án công nghệ cao, dự án “xanh”, thân thiện với môi trường và đầu tư cho chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu với các dự án trọng điểm trong lĩnh vực kính, chuyển đổi nhiên liệu sạch, sản phẩm gạch không nung, v.v

- Hợp tác với các đối tác nước ngoài để triển khai đầu tư trong lĩnh vực xử lý sinh, gạch ốp lát cao cấp

- Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư trong các năm tiếp theo các sản phẩm kính siêu trắng, kính chịu lửa v.v.Lĩnh vực bất động sản

Lĩnh vực bất động sản



Triển khai đầu tư nhà ở có khả năng tiêu thụ tốt, bất động sản cho thuê để tăng tài sản của Tổng công ty. Trong đó

Nhà ở

- Tiếp tục đầu tư sản phẩm nhà thương mại diện tích nhỏ, giá bán hợp lý, nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân tại các quỹ đất hiện có của Tổng công ty và hợp tác đầu tư

- Chuẩn bị đầu tư các dự án mới: Khu đô thị Đặng Xá 3 (mở rộng); Khu đô thị Kim Chung-Đông Anh theo hình thức hợp tác đầu tư với TCT Handico; Khai thác các quỹ đất còn lại để đầu tư NOXH,

nhà ở thương mại tại KĐT Xuân Phương, Đặng Xá 1,2

Khu công nghiệp và dịch vụ

- Tiếp tục thực hiện đầu tư các dự án KCN hiện có với 1.327 ha

Nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư 1.390 ha KCN mới

- Công tác quản lý vận hành KCN và Khu đô thị: Phối hợp với đối tác Nhật bản thành lập Công ty vận hành chuyên nghiệp cho các Khu đô thị và Khu công nghiệp để nâng cao chất lượng quản lý vận hành theo Tiêu chuẩn quốc tế.

Lĩnh vực nghiên cứu phát triển, đào tạo



- Triển khai các Đề tài nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đào tạo theo Kế hoạch; các nội dung tiếp theo của chương trình hợp tác đào tạo với đối tác Proskill (Anh)

- Đầu tư Trung tâm thí nghiệm kính low-e

- Đầu tư hệ thống quản trị ERP và triển khai giai đoạn 1 từ tháng 6/2015

Các dự án chuẩn bị đầu tư trong lĩnh vực chế biến nguyên liệu phục vụ trực tiếp cho công nghiệp vật liệu theo kế hoạch

4/ Giải trình của ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có, ý kiến kiểm toán đối với BCTC 2014 là ý kiến chấp thuận toàn phần

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2014

lợi nhuận doanh thu
173,7% 117%

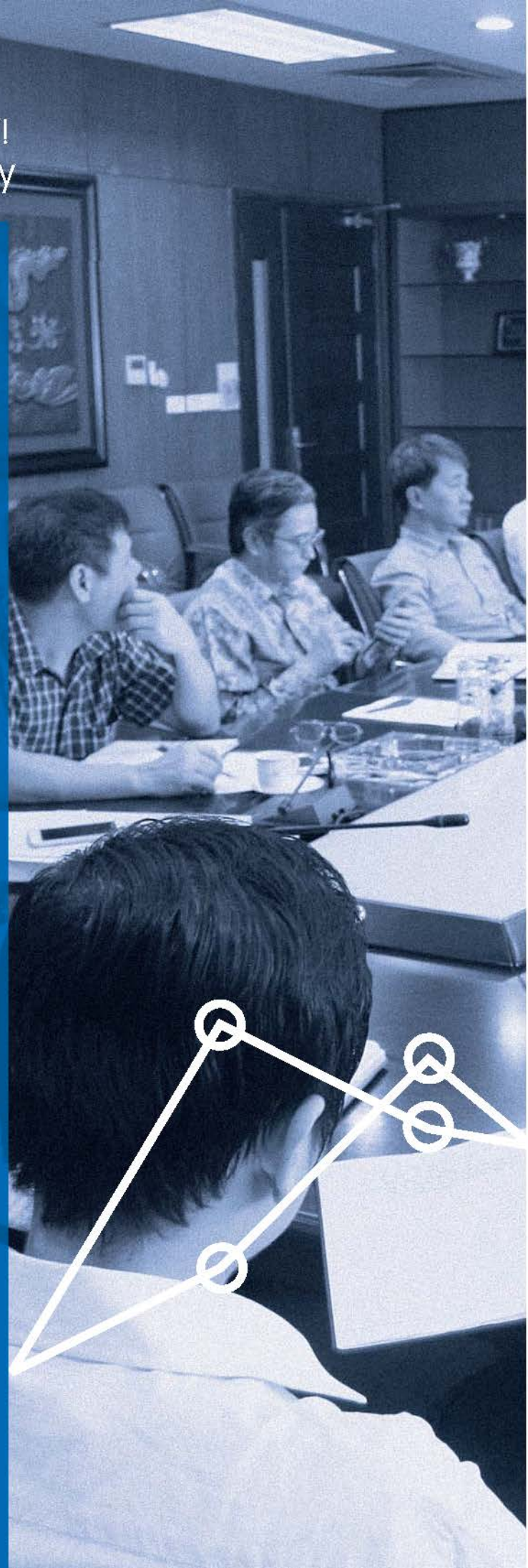
Trên cơ sở Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2014 của Tổng công ty Viglacera đã xây dựng; Kế hoạch SXKD và đầu tư 6 tháng cuối năm 2014 và các nội dung trọng tâm được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 2/7/2014. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng công ty đã bám sát mục tiêu trọng tâm đặt ra trong 6 tháng cuối năm cũng như trong cả năm 2014, tập trung chỉ đạo điều hành vào các nhóm giải pháp, các đầu việc cần triển khai trong từng tuần, tháng, từng quý. Kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt và vượt các chỉ tiêu so với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02/07/2014, lợi nhuận 173,7%, doanh thu công ty mẹ đạt 117%.

tổng mức nghị quyết
1.765 tỷ 1.500 tỷ
đạt 117%

Đầu tư phát triển

Tổng mức đầu tư thực hiện 1.756 tỷ so với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua 1.500 tỷ đạt 117%, trong đó nằm chủ yếu ở lĩnh vực kinh doanh nhà ở, trong bối cảnh thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu hồi phục mạnh, nhưng Tổng công ty vẫn đảm bảo tăng trưởng đầu tư về lĩnh vực này do có sự định hướng đúng đắn về việc lựa chọn phân khúc bất động sản phù hợp xu thế của thị trường tại thời điểm như chuyển phần lớn sang đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, nhà thu nhập thấp.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng cuối năm được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất giao đã được nêu và đánh giá cụ thể ở các nội dung trên.







Công tác quản trị doanh nghiệp

1-Công tác đổi mới doanh nghiệp

- Tổng công ty đã hoàn thiện mô hình từ Tổng công ty nhà nước sang công ty cổ phần cụ thể như sắp xếp lại mô hình tổ chức các phòng ban, các đơn vị trực thuộc, giảm biên chế một số phòng, ban ... đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành ngay khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

- Thông qua và ban hành các Quy chế hoạt động của Tổng công ty Viglacera-CTCP gồm Quy chế tài chính, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế quản lý hoạt động đầu tư, Quy chế quản lý văn phòng, Quy chế công bố thông tin, các quy định của Tổng công ty-CTCP.

- Thông qua và phê duyệt các đề án, kế hoạch triển khai thực hiện tái cơ cấu toàn diện đối với các đơn vị, lĩnh vực và các nhóm sản phẩm đang gặp khó khăn, năng lực cạnh tranh thấp; tập trung đưa ra và trực tiếp cùng triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm trong hoạt động SXKD, mô hình tổ chức và công tác cán bộ. Đồng thời, thực hiện việc tăng vốn theo kế hoạch đặt ra cho các công ty con, liên kết để cơ cấu vốn, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển cho đơn vị.

2- Công tác quản lý chất lượng và nghiên cứu phát triển

- Triển khai xây dựng bộ Tiêu chuẩn cơ sở cho tất cả các nhóm sản phẩm với tiêu chí chất lượng cao hơn TCVN, tương đương với các đối thủ trong top đầu của thị trường; đồng thời tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng từ nguyên, nhiên liệu đầu vào tới sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở đã ban hành; có đánh giá so sánh với các sản phẩm cạnh tranh, giải pháp xử lý, khắc phục các lỗi về chất lượng kịp thời.

- Thông qua kế hoạch và nội dung triển khai các đề tài nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KHCN nhằm tiết kiệm nguyên nhiên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng tự động hóa, tăng năng suất, giảm giá thành... tập trung vào các nhóm sản phẩm có tính cạnh tranh.

3- Công tác thị trường

- Duy trì và nâng cao chất lượng công tác đánh giá thị trường, đối thủ cạnh tranh để có chiến lược cạnh tranh cụ thể đối với từng nhóm sản phẩm, từng đơn vị.

- Thông qua kế hoạch mở rộng thị trường xuất khẩu trên cơ sở mở rộng khách hàng cho các sản phẩm gạch

bê tông khí, sứ vệ sinh, gạch ốp lát tại các thị trường Đài Loan, châu Âu, Trung và Nam Mỹ; trước mắt tập trung thị trường Cu Ba theo phương thức xuất khẩu sản phẩm và hợp tác đầu tư.

4-Công tác đầu tư

Song song với việc triển khai các dự án đang thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng; tổ chức thông qua và phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch chuẩn bị đầu tư, dự án đầu tư trong các lĩnh vực theo Kế hoạch đầu tư đã được ĐHQĐ phê chuẩn

- Lĩnh vực bất động sản gồm các dự án đầu tư tổ hợp nhà ở xã hội, nhà thương mại giá thấp CT7, CT8, CT9 tại Khu đô thị Đặng Xá I, các dự án KCN mới là KCN Phú Hà (Phú Thọ), KCN Phong Điền (Thừa Thiên Huế)

- Lĩnh vực vật liệu: các dự án kính tiết kiệm năng lượng và các hạng mục đầu tư chiều sâu kết hợp với các giải pháp nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm giá trị gia tăng cao, khác biệt, sử dụng năng lượng sạch (khí thiên nhiên), tiết giảm chi phí, v.v

5- Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục triển khai các bước nhằm nâng cao chuẩn chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng nghề Viglacera đạt tiêu chuẩn Vương quốc Anh theo chương trình hợp tác đã ký kết với Hội đồng kỹ năng nghề Proskill (Anh)

- Thông qua kế hoạch tuyển dụng kỹ sư mới ra trường chuyên ngành VLXD, silicat, tự động hóa cho các đơn vị

6- Công tác tài chính

- Thực hiện việc Kiểm toán nhà nước kiểm tra kết quả hoạt động SXKD và đầu tư năm 2013, chốt các số liệu về báo cáo kiểm toán của Tổng công ty Viglacera – CTCP

- Chỉ đạo triển khai các giải pháp để tiết giảm chi phí trong hoạt động, tổng chi phí tiết giảm được trong năm 2014 toàn Tổng công ty là 62,18 tỷ đồng

- Cân đối vốn đủ cho các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty với lãi suất vay thấp nhất và hợp lý của các nguồn vay

Quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp

+ Về quản lý nhân sự

Bổ trí sắp xếp lại Người đại diện quản lý vốn góp Tổng công ty, Người tham gia Ban kiểm soát tại các đơn vị cho phù hợp với từng đơn vị và yêu cầu trong giai đoạn cụ thể, luân chuyển cán bộ theo nhu cầu công việc, kiểm tra và giám sát thường xuyên Người đại diện thông qua quy chế quản lý Người đại diện của Tổng công ty đã ban hành

+ Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh

Hàng tuần, tháng Tổng công ty yêu cầu Người đại diện vốn góp Tổng công ty báo cáo giải trình cụ thể mọi hoạt động từng đơn vị, nêu rõ các khó khăn, tồn tại, từ đó Tổng công ty có định hướng, giải pháp cho từng đơn vị

Công tác kiểm tra, giám sát

- Hệ thống kiểm tra giám sát đã được xây dựng từ trên công ty mẹ cho tới các đơn vị thành viên của Tổng công ty

- Hội đồng quản trị giám sát Tổng giám đốc thông qua các cuộc họp hàng quý hoặc đột xuất đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác, trao đổi thẳng thắn với Ban Tổng giám đốc, những việc đã đạt được và chưa được theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh

- Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban kiểm soát Tổng công ty kiểm tra nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, các thành viên của Ban kiểm soát đều được mời họp giao ban hàng tuần, tháng, quý, năm, cùng nhau trao đổi mọi vấn đề của Tổng công ty, các ý kiến của Ban kiểm soát đều được tôn trọng, ghi nhận và là cơ sở để đưa ra các quyết định và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị làm việc với Phòng kiểm soát nội bộ Tổng công ty để thu thập thông tin, phân tích báo cáo hàng tháng, quý, đánh giá các rủi ro để góp ý cho Tổng giám đốc trong công tác điều hành

- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, yêu cầu Người đại diện quản lý vốn góp Tổng công ty, Người tham gia Ban kiểm soát tại các công ty phải báo cáo thường xuyên kết quả sản xuất kinh doanh, những khó khăn, tồn tại ở các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty để đưa ra công tác chỉ đạo kịp thời

- Hệ thống kiểm soát bao gồm Ban kiểm soát Tổng công ty, Phòng kiểm soát nội bộ Tổng công ty, Ban kiểm soát các đơn vị có vốn góp Tổng công ty thường xuyên trao đổi và cập nhật thông tin để thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Điều hành sản xuất kinh doanh:

Ban Tổng giám đốc đã thường xuyên quyết liệt trong công tác điều hành mọi mặt về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, bám sát các mục tiêu chiến lược, nghị quyết của Hội đồng quản trị và nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã đề ra, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do Hội đồng quản trị đề ra.

Đã phân công cụ thể cho từng cá nhân phụ trách từng lĩnh vực, đề cao tính tự chủ và phát huy thế mạnh của từng Phó tổng giám đốc, đồng thời cũng nâng cao trách nhiệm cá nhân, thường xuyên hàng tuần, tháng Ban tổng giám đốc.

Ngoài việc bám sát các mục tiêu và Nghị quyết của Đại

hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã chấp hành tốt các chế độ chính sách của pháp luật.

Phối hợp hoạt động

Giữa Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong mọi hoạt động của Tổng công ty, hàng tuần, tháng cùng họp trao đổi và kiểm điểm các công việc đã thực hiện và sẽ triển khai trong thời gian tiếp theo.

Tổng giám đốc đã chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các thuận lợi khó khăn, những vướng mắc và tồn tại trong việc điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác để cùng Hội đồng quản trị bàn và đưa ra các giải pháp cần thiết.

3. Các định hướng và kế hoạch của Hội đồng quản trị

Năm 2015 là năm để Tổng công ty tập trung phát huy các nguồn lực cho Chiến lược phát triển 2016-2020, hội nhập và quốc tế hóa; đồng thời cũng là năm ghi nhận sự thay đổi cả về lượng và chất khi Tổng công ty Viglacera-CTCP sẽ là công ty cổ phần đại chúng. Trên cơ sở phát huy những kết quả đạt được của năm 2014,

Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng giám đốc điều hành xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm cho kế hoạch năm 2015 và có định hướng lâu dài cho các năm tiếp theo; ngay từ đầu năm 2015 lãnh đạo Tổng công ty đã giao kế hoạch và ký cam kết với các đơn vị, người đại diện Tổng công ty tại các công ty cổ phần.

Các chỉ tiêu chính Kế hoạch năm 2015 của Công ty Mẹ

Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2014	KH năm 2015
1) Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	288.814	290.610
Lợi nhuận trước thuế của Công ty Mẹ	-	183.892	147.540
Lợi nhuận trước thuế của các công ty cổ phần có sở hữu vốn	-	104.923	143.070
- Công ty con (tính theo tỷ lệ sở hữu vốn)	-	96.713	132.800
- Công ty liên kết (tính theo tỷ lệ sở hữu vốn)	-	8.210	10.270
2) Doanh thu Công ty Mẹ	tr.đồng	4.540.208	4.548.000
3) Thực hiện đầu tư	tỷ đồng	2.865	2.344
+ Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà	-	2.690	1.393
+ Lĩnh vực vật liệu	-	3	526
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	-	17	21
+ Lĩnh vực đầu tư HTKT, dịch vụ KCN	-	155	404
4) Vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera-CTCP	-	2.645.000	3.070.000

Mục tiêu

01

Tiếp tục lộ trình tái cơ cấu Tổng công ty Viglacera – CTCP theo Đề án tái cơ cấu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

02

Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, bền vững, có tăng trưởng bình quân năm sau cao hơn năm trước tối thiểu từ 6-20% đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động.

03

Xây dựng và điều hành quản lý Tổng công ty theo mô hình Công ty cổ phần thông qua các Quy chế quản trị theo thông lệ quốc tế, tiệm cận với các doanh nghiệp có trình độ công nghệ sản xuất và quản trị hàng đầu thế giới.

04

Phát triển Tổng công ty Viglacera-CTCP là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên 2 lĩnh vực cốt lõi là sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng cao cấp và đầu tư kinh doanh bất động sản đa lĩnh vực.

05

Tập trung các giải pháp để tăng năng suất lao động tối thiểu 10% trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tăng thu nhập cho người lao động và tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp hàng đầu trong và ngoài nước.

Nhiệm vụ trọng tâm trong quản trị điều hành

Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tập trung chỉ đạo các đơn vị bám sát mục tiêu kế hoạch ngay từ những tháng đầu, quý đầu; kiểm soát đặc biệt việc triển khai đề án tái cơ cấu và thực hiện kế hoạch của các đơn vị còn lỗ phát sinh trong năm 2014.

- Xác định năm 2015 là năm đột phá về chất lượng sản phẩm và sản phẩm mới để tăng sức cạnh tranh, uy tín, thương hiệu sản phẩm Viglacera, do đó

+ Tập trung phát triển sản xuất các mẫu mã sản phẩm mới, đặc biệt trong lĩnh vực gạch ốp lát và sứ vệ sinh để nâng cao giá trị sản phẩm, đạt mục tiêu, lợi nhuận của các sản phẩm sứ vệ sinh, gạch ốp lát đạt từ 8 đến 10% doanh thu.

+ Tăng cường chặt chẽ công tác quản lý chất lượng sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn cơ sở đã ban hành để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm thương hiệu Viglacera; duy trì mục tiêu kính xây dựng đứng số 1 Việt Nam; các sản phẩm sứ vệ sinh, gạch ốp lát ngang bằng Top dẫn đầu, gạch ngói đất sét nung dẫn đầu cả về công nghệ và chất lượng sản phẩm.

- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu sản phẩm theo đúng chương trình kế hoạch xuất khẩu giai đoạn 2015 – 2020.

- Tập trung công tác nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực của Tổng công ty để đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển năm 2015 và các năm tiếp theo.

Công tác đầu tư phát triển

Tập trung nghiên cứu đầu tư lĩnh vực nhà ở cao cấp để đón nhu cầu mua nhà của người nước ngoài trong lĩnh vực bất động sản. Triển khai đúng tiến độ, đúng quy trình, đạt mục tiêu các dự án trong lĩnh vực vật liệu xây dựng như kính low-e, gạch clinker, sứ vệ sinh, gạch granite và các dự án đầu tư khu đô thị, khu công nghiệp theo kế hoạch 2015 của Tổng công ty.

- Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà

+ Tiếp tục tập trung triển khai, bám sát tiến độ của các dự án đang triển khai thực hiện: Nhà chung cư giá thấp (Khu đô thị Đặng Xá 1), Nhà ở xã hội giai đoạn III (Khu đô thị Đặng Xá 2); các dự án khu đô thị Đặng Xá 2, Xuân Phương (bao gồm nhà thu nhập thấp)

+ Triển khai chuẩn bị đầu tư và khởi công mới các dự án Tổ hợp giai đoạn III tại Mỹ Trì; Khu nhà ở và công trình công cộng - Thể thao 671 Hoàng Hoa Thám (GĐIII); Ngã 6 Bắc Ninh (GĐII); Khu đô thị Đặng Xá 3 (mở rộng); Dự án nhà ở xã hội tại Kim Chung-Đông Anh, dự án Khu đô thị Kim Chung-Đông Anh theo hình thức hợp tác đầu tư với TCT Handico và các dự án nhà ở cho công nhân tại các KCN hiện có của TCT.



- Lĩnh vực vật liệu

Tập trung khởi công và triển khai đúng tiến độ, đạt mục tiêu của các dự án

+ Dự án đầu tư dây chuyền kính tiết kiệm năng lượng công suất 2,3 triệu m²/năm tại Bình Dương sau khi đã khảo sát, lựa chọn công nghệ, thị trường và được Thủ tướng Chính Phủ chấp thuận là dự án sử dụng công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao.

+ Dự án chuyển đổi nhiên liệu tại Công ty Kính nổi Bình Dương; đồng thời tiếp tục thực hiện các hạng mục đầu tư chiều sâu theo kế hoạch tại Công ty Kính nổi Viglacera và Sứ Bình Dương; Thực hiện đầu tư chiều sâu, bổ sung nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm v.v tại các đơn vị trực thuộc.

+ Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư các dự án về khai thác, chế biến nguyên liệu phục vụ cho lĩnh vực vật liệu của Tổng công ty.

- Lĩnh vực nghiên cứu phát triển, đào tạo

+ Tiếp tục triển khai các Đề tài nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đào tạo theo Kế hoạch đã đặt ra; trong đó tập trung triển khai Dự án KH&CN: "Nghiên cứu thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất gạch bê tông khí chung áp công suất 200.000 m³/năm"; Trung tâm thí nghiệm kính low-e và tiếp tục triển khai các nội dung tiếp theo của chương trình hợp tác đào tạo với đối tác Proskill (Anh).

+ Triển khai đầu tư hệ thống quản trị nguồn lực ERP đảm bảo cập nhật, xử lý kịp thời thông tin và minh bạch trong hệ thống quản lý.

- Lĩnh vực đầu tư hạ tầng KCN và dịch vụ

+ Tiếp tục thực hiện đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ tại các KCN hiện có; tập trung triển khai bám sát tiến độ các dự án khởi công mới trọng điểm là KCN Phú Hà (đã khởi công), KCN Phong Điền (Huế);

+ Nghiên cứu, khảo sát, chuẩn bị đầu tư các dự án KCN Yên Phong mở rộng, KCN Hạ Vàng (Hà Tĩnh), KCN Thuận Thành (Bắc Ninh), KCN Tiến Hải (Thái Bình) v.v



Báo cáo quản trị doanh nghiệp

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Cổ phần nắm giữ	Cổ phần được nhà nước ủy quyền	Tổng cộng
Luyện Công Minh – <i>Chủ tịch, đại diện vốn nhà nước</i>	180.000	76.705.000	76.885.000
Nguyễn Anh Tuấn <i>Thành viên kiêm Tổng giám đốc, đại diện vốn nhà nước</i>	193.500	70.060.262	70.253.762
Trần Ngọc Anh <i>Thành viên kiêm P. Tổng giám đốc, đại diện vốn nhà nước</i>	102.900	47.610.000	47.712.900
Nguyễn Quý Tuấn <i>Thành viên kiêm chủ tịch công đoàn, đại diện vốn nhà nước</i>	105.300	47.610.000	47.715.300
Lưu Văn Lầu <i>Thành viên độc lập</i>	87.400	-	
Cộng:	666.400	241.985.262	242.651.662

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị Hội đồng phát triển:

Hội đồng phát triển:

Ông Trần Ngọc Quang

Nguyên Tổng giám đốc Tổng công ty

Ông Trần Đình Thế

Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty

Ông Đinh Quang Huy

Nguyên Tổng giám đốc Tổng công ty

Tổ thư ký:

Ông Nguyễn Anh Tuấn

P. TGD Trưởng ban KHĐT – Tổ trưởng

Bà Cao Thị Nhung

Trưởng phòng TCLĐ- TCT – Tổ viên

Ông Đỗ Xuân Quang

Chuyên viên Ban KHĐT – Tổ viên

Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- Hàng tháng họp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để nắm bắt và trao đổi mọi hoạt động của Tổng công ty.
- Phối hợp với Ban kiểm soát, Phòng kiểm soát nội bộ, các phòng ban Tổng công ty về trao đổi thông tin, phân tích báo cáo tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện chức năng kiểm tra kiểm soát của từng lĩnh vực.

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) bao gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra để thực hiện các hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty với các thành viên như sau

Bà Ngô Thùy Trang

Trưởng ban kiểm soát; Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật

Bà Nguyễn Cẩm Vân

Thành viên ban kiểm soát; Cử nhân kinh tế

Ông Nguyễn Hải Long

Thành viên Ban kiểm soát; Kỹ sư kinh tế xây dựng

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong 6 tháng cuối năm 2014, được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành (BDH), BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát cùng với các Phòng, Ban chức năng góp phần vào hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Tổng công ty. Ngoài ra, BKS thực hiện một số công tác khác do HĐQT yêu cầu.

Trong 6 tháng cuối năm 2014, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp với các nội dung kết quả như sau:

Ngày tháng	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
02/07/2014	3/3	Bầu Trưởng BKS, phân công nhiệm vụ trong BKS.
27/09/2014	3/3	Tổng hợp tình hình phối hợp rà soát kết quả SXKD quý 3/2014, báo cáo kiểm toán độc lập thời điểm 21/07/2014. Phân lý tham gia ý kiến các dự thảo quy chế của Tổng công ty.
06/01/2015	3/3	Tổng kết các hoạt động BKS theo phân công, phối hợp rà soát tình hình kiểm kê, kết quả SXKD, báo cáo kiểm toán độc lập.

Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc theo chức năng nhiệm vụ:

- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất

- Trong 6 tháng cuối năm 2014, Tổng công ty Viglacera đã triển khai thực hiện đầy đủ các kế hoạch đã được ĐHĐCĐ lần thứ nhất thông qua ngày 02/07/2014.

- Công tác sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp: Tổng công ty đã thực hiện tái cơ cấu bộ máy quản lý điều hành, mô hình tổ chức và tái cơ cấu tài chính một số đơn vị; rà soát bố trí và giao trách nhiệm cho cá nhân Người đại diện, Ban kiểm soát phần vốn Tổng công ty ở các đơn vị.

- Thực hiện Quyết định số 609/BXD ngày 24/06/2013 của Bộ xây dựng về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Viglacera giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020,

- Tổng công ty đã tăng vốn cho Công ty CP Viglacera Hạ long, Công ty CP Bê tông khí Viglacera, Công ty Đầu tư Xuất nhập khẩu Viglacera, xây dựng và triển khai đề án tái cơ cấu các đơn vị Cổ phần Bao bì má phanh, Cổ phần cơ khí và xây dựng.

- Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS đầy đủ trong mức do ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Giám sát hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

Trong 6 tháng năm 2014, BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, BDH hàng tuần, tháng, quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình SXKD thực tế của Tổng công ty, đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các chỉ tiêu SXKD đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và được

HĐQT, Ban Tổng giám đốc tạo điều kiện, hỗ trợ để hoàn thành nhiệm vụ.

- Đối với HĐQT: Trong 6 tháng cuối năm 2014 HĐQT đã tổ chức triển khai thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất, tuân thủ đúng các quy định trong Điều lệ của Tổng công ty và các quy định của Pháp luật, HĐQT đã tổ chức họp 38 cuộc và ban hành 39 nghị quyết, 03 biên bản với những nội dung chủ yếu

- + Sắp xếp mô hình tổ chức và bố trí cán bộ Tổng công ty

- + Phê duyệt các quy chế của Tổng công ty và các đơn vị phụ thuộc

- + Phê duyệt chủ trương hợp tác với IDICO về nhà ở thu nhập thấp tại CT5 Kim Chung- Đông Anh – Hà nội

- + Phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch đấu thầu tại lô N03,N04 Khu đô thị Đặng xá

- + Nghị quyết tiếp tục hợp tác với ASIBO

- + Bảo lãnh và ủy quyền vay vốn cho các đơn vị phụ thuộc

- Đối với Ban điều hành: Ban điều hành gồm 05 người (Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc) đã triển khai triệt để các Nghị quyết của HĐQT, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, chỉ đạo quyết liệt, chi tiết, cụ thể hàng tuần, hàng tháng, có đánh giá, kiểm soát việc thực hiện tại tất cả các đơn vị phụ thuộc Công ty Mẹ và các Công ty Con thông qua Người đại diện phần vốn để đạt được mục tiêu và hiệu quả đặt ra.

- Đối với các cổ đông: Trong 6 tháng năm 2014 BKS không nhận được khiếu nại nào của cổ đông.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Tổng công ty Viglacera – CTCP, thù lao cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát 6 tháng cuối năm 2014:

- Chủ tịch HĐQT:	58 triệu đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT chuyên trách:	48 triệu đồng/người/tháng.
- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm:	10 triệu đồng/người/tháng.
- Trưởng Ban Kiểm soát:	38 triệu đồng/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát:	22 triệu đồng/người/tháng.
Tổng cộng là:	1.664 triệu đồng

Thực hiện chi thù lao cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát 5,3 tháng cuối năm 2014 cụ thể như sau:

- Thành viên HĐQT (5 người):	52 triệu đồng/người/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát (3 người):	27.3 triệu đồng/người/tháng.
Tổng cộng là:	1.664 triệu đồng
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:	Không có
Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:	Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tổng Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của đơn vị. Sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty đã triển khai soạn thảo và ban hành các quy chế theo đúng quy định: Quy chế tài chính, Quy chế lương, Quy chế người đại diện, Quy chế công bố thông tin,



Báo cáo quản trị rủi ro

Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty như sau:



1. Rủi ro cạnh tranh

Xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng đối với hai lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Tổng công ty là vật liệu xây dựng và bất động sản; trong đó lĩnh vực vật liệu vẫn có mức độ cạnh tranh cao trong năm 2015 và các năm tiếp theo, đặc biệt là giá cả, chất lượng và mẫu mã; đối với lĩnh vực bất động sản là sự cạnh tranh về chất lượng dịch vụ và tiện ích...

Các giải pháp quản trị đồng bộ đã và đang được triển khai đó là: nắm bắt kịp thời xu hướng thị trường - sản phẩm mới - nâng cao chất lượng và tiêu chuẩn sản phẩm - giá cả hợp lý - chất lượng dịch vụ.



2. Mất khách hàng quan trọng

Với mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng, mất khách hàng quan trọng là một yếu tố rủi ro cao trong cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Hiện tại, hệ thống phân phối của Viglacera đã từng bước được kiện toàn trong những năm qua, đảm bảo phủ khắp thị trường nội địa và có hệ thống đại diện phân phối tại thị trường xuất khẩu;

Giải pháp chính được đưa ra là tiếp tục phát triển mô hình chuyên môn hóa theo nhóm sản phẩm, bộ sản phẩm đồng bộ đồng thời nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ sau bán hàng.



3. Rủi ro thực hiện chiến lược/kế hoạch kinh doanh

Cũng xuất phát từ mức độ cạnh tranh gia tăng, đồng thời với việc biến động của giá cả của thị trường nguyên nhiên liệu đầu vào, chính sách và tình hình chính trị quốc gia tại các khu vực thị trường xuất khẩu.

Giải pháp chính được triển khai là nâng cao chất lượng, mức độ kiểm soát, đánh giá từ xác định mục tiêu, công tác lập và triển khai kế hoạch một cách thường xuyên, nâng cao tính liên kết giữa kế hoạch ngắn hạn và chiến lược trung và dài hạn; thực hiện cơ cấu lại bộ máy tổ chức phòng, ban chuyên trách theo từng lĩnh vực, nhóm sản phẩm và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân.



4. Rủi ro gian lận, tham nhũng

Tình trạng này về cơ bản chưa có phát sinh trong hoạt động của Tổng công ty; tuy nhiên, để kiểm soát và quản trị yếu tố rủi ro này, Tổng công ty có bộ phận Thanh tra chuyên trách cùng với hệ thống kiểm soát của Ban điều hành tại Phòng kiểm soát nội bộ - Ban Tài chính kế toán, hệ thống kiểm soát của Ban kiểm soát tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên để thực hiện.



5. Rủi ro công nghệ trong lĩnh vực vật liệu

Chủ yếu trong lĩnh vực vật liệu, với sự phát triển của khoa học công nghệ sản xuất, yếu tố rủi ro mang đến là khả năng lạc hậu về công nghệ, nhân lực chất lượng cao, suy giảm năng lực cạnh tranh trong quản trị chất lượng, mẫu mã sản phẩm, chi phí, v.v

Giải pháp đã và đang được triển khai đó là đầu tư cho nghiên cứu phát triển kết hợp với đi tắt đón đầu về công nghệ gốc trên cơ sở đầu mối là Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera, Trường Cao đẳng Viglacera kết hợp với hợp tác với các đối tác nước ngoài có kinh nghiệm, uy tín trong các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm đáp ứng Kế hoạch phát triển trung và dài hạn; phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh, định hướng kinh doanh và cam kết với xã hội, cộng đồng đã đặt ra.

RISK Management



6. Rủi ro chính trị quốc gia

Rủi ro này ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển thị trường và kế hoạch xuất khẩu của Viglacera trong chiến lược phát triển, liên quan đến sự bất ổn chính trị, chính sách tại quốc gia, khu vực của thị trường xuất khẩu. Viglacera sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp phòng ngừa đó là kiểm soát và giám sát chặt chẽ thường xuyên các ảnh hưởng; chú trọng phân tích môi trường đầu tư, chính trị khi triển khai phát triển thị trường mới.

Hoạt động quản trị đã xác định các rủi ro quan trọng của Tổng công ty và các rủi ro này được giám sát chặt chẽ với các báo cáo quản trị định kỳ hàng tháng, hàng quý.

Mục tiêu phát triển bền vững





Viglacera Định hướng khách hàng

Đặt khách hàng ở vị trí trung tâm, Viglacera luôn nỗ lực mang đến sự hài lòng cho khách hàng qua những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao. Viglacera luôn chú trọng công tác nghiên cứu thị trường, lắng nghe nhu cầu và mong muốn của khách hàng nhằm sản xuất và cung cấp ra thị trường các sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Định hướng khách hàng tại Viglacera là sự cải tiến hiệu quả quản lý, hiệu quả các quy trình làm việc với quan điểm tất cả cùng hướng về khách hàng. Nhờ vậy, Viglacera đã cho ra đời những sản phẩm được khách hàng và xã hội đón nhận. Sản phẩm vật liệu xây dựng của Viglacera được biết đến rộng rãi và nắm giữ thị phần lớn tại thị trường Việt Nam; sản phẩm nhà ở dành cho người thu nhập thấp được xã hội đón nhận; các Khu công nghiệp của Viglacera được nhiều nhà đầu tư lớn trên thế giới lựa chọn đặt nhà máy...

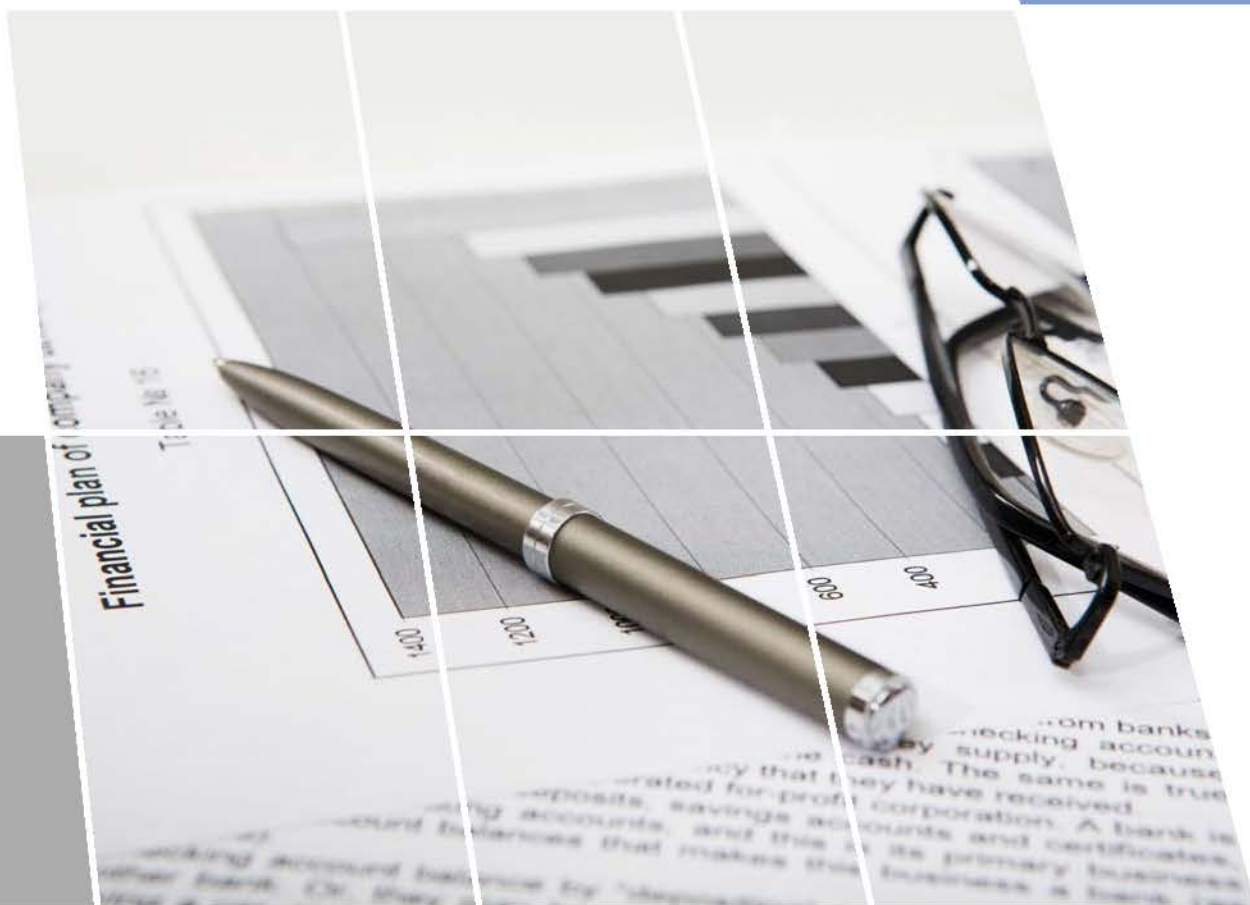
Viglacera Chất lượng sản phẩm

Chất lượng là sự đầu tư không ngừng cho khoa học, công nghệ và là sự tiên phong tạo ra những sản phẩm đi tắt đón đầu, phù hợp với thị hiếu của khách hàng, xu hướng phát triển bền vững của ngành. Viglacera đã cho ra đời những sản phẩm vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu, thân thiện môi trường, có hiệu năng sử dụng cao. Các sản phẩm bất động sản của Viglacera, dù thiết kế dành cho người thu nhập thấp, vẫn đáp ứng những tiêu chuẩn nghiêm ngặt về kỹ thuật và công năng. Chất lượng là yếu tố cấu thành quan trọng nhất, tạo nên thương hiệu và danh tiếng của Viglacera trong mọi lĩnh vực hoạt động, ở mọi giai đoạn phát triển.

Viglacera Trách nhiệm xã hội

Viglacera cam kết đóng góp cho sự phát triển của đất nước và cho cộng đồng Việt Nam thông qua các hoạt động hỗ trợ cộng đồng như: tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo của Chính Phủ, quyên góp hỗ trợ đồng bào bị lũ lụt, các phong trào đền ơn đáp nghĩa.... Bên cạnh đó, Viglacera là đơn vị tiên phong trong việc phát triển các vật liệu "xanh", thân thiện môi trường, giúp tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu và năng lượng trong quá trình sản xuất và sử dụng. Viglacera luôn đề cao ý thức phục vụ xã hội, thể hiện cụ thể thành các mục tiêu kinh doanh như chiến lược phát triển bất động sản hướng về người thu nhập thấp, đầu tư vào những công nghệ đi tắt đón đầu, giúp tối ưu hóa sản xuất và thân thiện môi trường.

Báo cáo tài chính năm 2014



Hà Nội, ngày tháng năm 2015

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY VIGLACERA-CTCP
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015

Kính thưa Quý cổ đông!

Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera-CTCP được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 2/7/2014 bầu, chính thức điều hành hoạt động của Tổng công ty Viglacera-CTCP từ ngày 22/7/2014.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera-CTCP báo cáo tới Quý cổ đông kết quả hoạt động, công tác triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong 6 tháng cuối năm 2014 và các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2015 như sau:

I- Đánh giá kết quả hoạt động 6 tháng cuối năm 2014

Kê thừa và phát huy những thành quả đạt được của Tổng công ty Viglacera trước cổ phần hóa. Trong 6 tháng cuối năm 2014, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành của Tổng công ty đã bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua ngày 2/7/2014 để triển khai thực hiện. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

1- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính 6 tháng cuối năm 2014 (Theo kết quả đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC)

Chỉ tiêu	ĐVT	KH ĐHCĐ giao 6 tháng cuối năm 2014	Thực hiện 6 tháng cuối năm 2014	% TH/ KH ĐHCĐ
1. Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	155.666	270.602	174
<i>Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ</i>		<i>101.800</i>	<i>191.582</i>	<i>188</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế của các công ty cổ phần có sở hữu vốn</i>	-	<i>53.866</i>	<i>79.020</i>	<i>147</i>
- Công ty con (tính theo tỷ lệ sở hữu vốn)	-	53.193	68.570	129
- Công ty liên kết (tính theo tỷ lệ sở hữu vốn)	-	673	10.270	1.526
2. Doanh thu Công ty Mẹ (hợp cộng doanh thu các công ty phụ thuộc)	tr.đồng	2.096.709	2.463.649	117
3. Thực hiện đầu tư	tỷ đồng	1.500	1.756	117
+ Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà	-	1.388	1.633	117
+ Lĩnh vực đầu tư HTKT, dịch vụ KCN	-	15	106	706
+ Lĩnh vực vật liệu	-	80	0	-
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	-	17	17	100
4. Vốn điều lệ của TCT Viglacera-CTCP	tỷ đồng	2.645	2.645	

Kết quả các chỉ tiêu chính 6 tháng cuối năm đều đạt và vượt từ 17-88% so với Kế hoạch Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất đã thông qua ngày 2/7/2014. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 799 đồng; đảm bảo mức chia cổ tức 6 tháng cuối năm 2014 đạt 2,5% theo cam kết.

Sau khi chuyển đổi sang Công ty Cổ phần, các chỉ số tài chính của Công ty Mẹ đều được cải thiện hơn so với giai đoạn trước khi chuyển đổi. Cụ thể:

- Cơ cấu tài sản và nợ phải trả thay đổi theo hướng giảm Nợ ngắn hạn so với thời điểm trước cổ phần hoá, do đó các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đã có sự cải thiện, trong đó hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 1,4 lần tương ứng tăng 14,9% và hệ số khả năng thanh toán nhanh đạt 0,6 lần tương ứng tăng 9,9% so với thời điểm trước cổ phần hoá;

- So với 6 tháng đầu năm, số dư các khoản phải thu giảm trên 135 tỷ đồng, vòng quay các khoản phải thu tăng 119,9%, giảm rủi ro bị chiếm dụng vốn, tăng hiệu quả năng lực hoạt động. Đến thời điểm 31/12/2014, các khoản nợ, đầu tư tài chính dài hạn đã được rà soát tổng thể, trích lập dự phòng đầy đủ.

- Nợ phải trả, đặc biệt là các khoản vay và nợ dài hạn cuối năm 2014 đã giảm trên 223 tỷ đồng so với thời điểm trước chuyển đổi cổ phần hoá, giảm sự phụ thuộc tài chính đối với các đối tượng bên ngoài, đảm bảo tình hình tài chính an toàn và bền vững; các chỉ tiêu hệ số nợ/tổng tài sản và vốn chủ sở hữu ở mức an toàn, trong đó hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đã giảm từ 2,69 lần xuống 2,44 lần.

- Các chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động đều được cải thiện so với giai đoạn trước cổ phần hoá, trong đó tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đạt 5,5%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 7,7%.

2- Hoạt động của Hội đồng quản trị 6 tháng cuối năm 2014

Các hoạt động được tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành có liên quan. Trong 6 tháng cuối năm 2014, Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera-CTCP đã tiến hành 37 phiên họp định kỳ và đột xuất để triển khai, xem xét và nghị quyết phê duyệt, thông qua các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân các thành viên Hội đồng quản trị trong các mặt hoạt động của Tổng công ty Viglacera-CTCP với các nội dung:

1. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo các lĩnh vực quản trị gồm đầu tư, tài chính và kiểm soát, quản lý điều hành; thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của Ban thư ký Tổng công ty theo quy định hiện hành.

2. Thông qua và ban hành các Quy chế tài chính, Quy chế quản trị, Quy chế quản lý hoạt động đầu tư, Quy chế công bố thông tin, Quy chế lương văn phòng Tổng công ty, Quy chế hoạt động của các công ty trực thuộc Tổng công ty... phù hợp với mô hình hoạt động của Tổng công ty – CTCP.

3. Nghị quyết thông qua và giao Kế hoạch SXKD năm 2015 cho các công ty trực thuộc, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty cổ phần.

4. Thông qua và phê duyệt dự án, phê duyệt chủ trương đầu tư của các dự án: dự án đầu tư nhà ở xã hội giai đoạn III tại Khu đô thị Đặng Xá 2; hợp tác đầu tư nhà ở xã hội và nhà ở công nhân tại Kim Chung – Đông Anh với Tổng công ty Handico; phê duyệt các nội dung công việc trong giai đoạn thực hiện đầu tư của các dự án do Tổng công ty/các đơn vị trực thuộc làm chủ đầu tư theo Quy chế quản lý hoạt động đầu tư của Tổng công ty Viglacera-CTCP đã ban hành.

5. Nghị quyết các nội dung trong quá trình triển khai công tác tái cơ cấu của Tổng công ty gồm công tác tổ chức nhân sự, bố trí lại Người đại diện tại các công ty cổ phần; công tác tài chính, công tác quản trị sản xuất kinh doanh, công tác thị trường, công tác quản lý chất lượng, công tác nghiên cứu phát triển, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực...

6. Thực hiện công tác quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp:

- Bổ trí sắp xếp lại Người đại diện quản lý vốn góp Tổng công ty, Người tham gia Ban kiểm soát tại các đơn vị cho phù hợp với từng đơn vị và năng lực, sở trường của người đại diện, luân chuyển cán bộ theo nhu cầu công việc, kiểm tra và giám sát thường xuyên Người đại diện thông qua quy chế quản lý Người đại diện của Tổng công ty đã ban hành.

- Yêu cầu Người đại diện Tổng công ty báo cáo giải trình cụ thể mọi hoạt động từng đơn vị, nêu rõ các khó khăn, tồn tại, từ đó Tổng công ty có định hướng, giải pháp cho từng đơn vị.

Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ của Tổng công ty; các biên bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị đều đạt được sự thống nhất cao của các thành viên, triển khai theo đúng quy định.

3- Công tác đầu tư phát triển

- Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà: Tiếp tục triển khai các dự án nhà ở Khu đô thị Đặng Xá 2, Khu đô thị Xuân Phương, Khu nhà ở cao cấp Thăng Long No1; các dự án nhà ở xã hội, nhà ở thu nhập thấp giai đoạn II tại Đặng Xá, nhà thu nhập thấp Tây Mỗ, nhà ở cho công nhân thuê tại Khu đô thị Yên Phong theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

- Lĩnh vực đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp:

+ Tiếp tục triển khai đầu tư hạ tầng và dịch vụ đồng bộ tại 04 Khu công nghiệp hiện có của Tổng công ty là Khu công nghiệp Tiên sơn – Bắc Ninh, quy mô 348 ha; Khu công nghiệp Yên phong giai đoạn 1 – Bắc Ninh, quy mô 340 ha; Khu công nghiệp Đông Mai – Quảng Ninh, quy mô 160 ha; Khu công nghiệp Hải Yên – Quảng Ninh, quy mô 129 ha;

+ Triển khai các bước chuẩn bị đầu tư các Khu công nghiệp Phú Hà, quy mô 350 ha tại Phú Thọ; Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, quy mô 315ha tại Bắc Ninh; Khu công nghiệp Phong Điền, quy mô 284 ha tại Thừa Thiên Huế; Khu công nghiệp Hạ Vàng, quy mô 100 ha tại Hà Tĩnh.

- Lĩnh vực vật liệu xây dựng: Các dự án kính tiết kiệm năng lượng (low-e), dự án chuyển đổi khí CNG tại Bình Dương tập trung công tác nghiên cứu, khảo sát kỹ phương án đầu tư, lựa chọn công nghệ để đảm bảo khi triển khai dự án đạt được mục tiêu đặt ra; đặc biệt đối với dự án kính tiết kiệm năng lượng là dự án có công nghệ cao, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo: thực hiện đầu tư cơ sở vật chất cho Viện Nghiên cứu phát triển Viglacera; tập trung vốn cho các Đề tài nghiên cứu khoa học theo Kế hoạch đã đặt ra; trong đó triển khai Dự án KH&CN: "Nghiên cứu thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất gạch bê tông khí chưng áp công suất 200.000 m³/năm".

II- Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015

Năm 2015 là năm để Tổng công ty tập trung phát huy các nguồn lực cho Kế hoạch và chiến lược phát triển 2016-2020, hội nhập và quốc tế hóa; đồng thời cũng là năm ghi nhận sự thay đổi cả về lượng và chất khi Tổng công ty Viglacera-CTCP sẽ là công ty cổ phần đại chúng. Trên cơ sở phát huy những kết quả đạt được của năm 2014, Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng giám đốc điều hành xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm cho kế hoạch năm 2015. Các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

1- Các chỉ tiêu chính Kế hoạch năm 2015 của Công ty Mẹ

Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2014	KH năm 2015
1. Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	288.814	290.610
<i>Lợi nhuận trước thuế của Công ty Mẹ</i>	-	<i>183.892</i>	<i>147.540</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế của các công ty cổ phần có sở hữu vốn</i>	-	<i>104.923</i>	<i>143.070</i>
- Công ty con (tính theo tỷ lệ sở hữu vốn)	-	96.713	132.800
- Công ty liên kết (tính theo tỷ lệ sở hữu vốn)	-	8.210	10.270
2. Doanh thu Công ty Mẹ (hợp cộng doanh thu các công ty phụ thuộc)	tr.đồng	4.540.208	4.548.000
3. Thực hiện đầu tư	tỷ đồng	2.865	2.344
+ Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà	-	2.690	1.393
+ Lĩnh vực đầu tư HTKT, dịch vụ KCN	-	155	404
+ Lĩnh vực vật liệu	-	3	526
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	-	17	21
4. Vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera-CTCP	-	2.645	3.070

2- Mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2015 của Hội đồng quản trị

2.1- Mục tiêu

1. Triển khai đúng kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 3.070 tỷ đồng theo phương án phát hành riêng lẻ, giảm tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước về 75% sau khi được Bộ Xây Dựng phê duyệt phương án, đăng ký giao dịch hoặc niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty Viglacera-CTCP trên sàn giao dịch chứng khoán trước quý IV/2015.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, bền vững, có tăng trưởng bình quân năm sau cao hơn năm trước tối thiểu từ 6 % đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động.

3. Xây dựng và điều hành quản lý Tổng công ty theo mô hình Công ty cổ phần thông qua các Quy chế quản trị theo thông lệ quốc tế, tiệm cận với các doanh nghiệp có trình độ công nghệ sản xuất và quản trị hàng đầu thế giới.

4. Phát triển Tổng công ty Viglacera-CTCP là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên 2 lĩnh vực cốt lõi là sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng cao cấp và đầu tư kinh doanh bất động sản đa lĩnh vực.

5. Tập trung các giải pháp để tăng năng suất lao động tối thiểu 10% trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tăng thu nhập cho người lao động và tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp hàng đầu trong và ngoài nước.

2.2- Nhiệm vụ trọng tâm trong quản trị điều hành

1. Chỉ đạo Tổng công ty bám sát các mục tiêu kế hoạch từng tháng, từng quý; tập trung kiểm soát đặc biệt đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị còn lỗ phát sinh và năng lực cạnh tranh thấp; đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động, bù đắp tối đa lỗ lũy kế.

2. Phối hợp chặt chẽ và cùng với Ban Tổng giám đốc điều hành triển khai các giải pháp quản trị đã đặt ra, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động từng tháng, từng quý, chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả để đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra.

3. Tiếp tục sắp xếp, bố trí Người đại diện tại các công ty cổ phần nhằm phát huy năng lực gắn liền với trách nhiệm với từng cá nhân; phát huy vai trò của Người đại diện và Ban kiểm soát tại các đơn vị để phát hiện, đánh giá và xử lý kịp thời, có hiệu quả các rủi ro phát sinh;

triển khai đề án tái cơ cấu và thực hiện kế hoạch của các đơn vị còn lỗ phát sinh trong năm 2014.

4. Triển khai công tác xuất khẩu sản phẩm theo đúng chương trình kế hoạch xuất khẩu giai đoạn 2015 – 2020 đặt ra trên cơ sở các mục tiêu, giải pháp phát triển mở rộng thị trường đã xây dựng cùng với các giải pháp phát triển sản phẩm mới, kiểm soát chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu.

5. Tập trung công tác nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực của Tổng công ty để đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài của Tổng công ty; đặc biệt là các chương trình, kế hoạch đã và đang triển khai thực hiện.

6. Chuẩn bị và đáp ứng đủ nguồn vốn cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển theo kế hoạch, tiến độ đã đặt ra.

3- Công tác đầu tư phát triển

Tập trung nghiên cứu, triển khai đầu tư nhà ở có khả năng tiêu thụ tốt, bất động sản cho thuê để tăng tài sản của Tổng công ty; Triển khai các dự án trong lĩnh vực vật liệu có công nghệ cao, dự án "xanh", thân thiện với môi trường và đầu tư cho chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu.

3.1- Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà:

- Tiếp tục tập trung triển khai, bám sát tiến độ của các dự án đang triển khai thực hiện: Nhà chung cư quy mô nhỏ, giá trị căn hộ thấp (Khu đô thị Đặng Xá 1), Nhà ở xã hội giai đoạn III (Khu đô thị Đặng Xá 2);

- Khởi công mới các dự án Tổ hợp văn phòng, nhà ở và dịch vụ tại số 1 Đại lộ Thăng Long giai đoạn II; Khu nhà ở và công trình công cộng - Thể thao tại 671 Hoàng Hoa Thám; Nhà ở thương mại và cho thuê tại Ngã 6 Bắc Ninh; nhà ở công nhân tại Khu đô thị Yên Phong; dự án nhà ở xã hội tại Khu đô thị Kim Chung – Đông Anh theo hình thức hợp tác đầu tư với Tổng công ty Handico.

- Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư các dự án: Khu đô thị Đặng Xá 3 (mở rộng); Khu đô thị Kim Chung-Đông Anh; các dự án nhà ở xã hội và nhà ở thương mại tại các quỹ đất còn lại tại các Khu đô thị hiện có.

3.2- Lĩnh vực đầu tư hạ tầng KCN và dịch vụ:

- Tiếp tục thực hiện đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ của 977 ha tại các KCN hiện có; tập trung triển khai bám sát tiến độ các dự án khởi công mới trọng điểm là KCN Phú Hà (Phú Thọ) – 350 ha, KCN Phong Điền (Huế) – 284 ha; KCN Yên Phong mở rộng – 315 ha;

- Nghiên cứu, khảo sát, chuẩn bị đầu tư các dự án KCN Thuận Thành (Bắc Ninh) ~ 200-300 ha, KCN Tiên Hải (Thái Bình) – 400 ha, KCN Hạ Vàng (Hà Tĩnh) – 100 ha.

3.3- Lĩnh vực vật liệu:

- Tập trung khởi công và triển khai đúng tiến độ, đạt mục tiêu của các dự án:

+ Dự án đầu tư dây chuyền kính tiết kiệm năng lượng công suất 2,3 triệu m²/năm tại Bình Dương; đã được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt tại văn bản số 60/TTg-KTN ngày 13/1/2015 là dự án công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao được hưởng các điều kiện ưu đãi theo chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 theo Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010.

+ Dự án chuyển đổi nhiên liệu khí CNG tại Công ty Kinh nổi Bình Dương;

+ Các dự án đầu tư của các công ty con gồm: Dự án đầu tư nhà máy gạch clinker tại Đông Triều; Dự án mở rộng dây chuyền granite men mài tại Nhà máy Viglacera Thái Bình.

- Nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư các dự án:

+ Dự án đầu tư Nhà máy bê tông khí tại KCN Phong Điền (Huế)

+ Thành lập liên doanh đầu tư sản xuất sứ vệ sinh, gạch ốp lát tại Cu Ba.

+ Hợp tác với các hãng đứng đầu thế giới để triển khai các dự án đầu tư sản phẩm sứ vệ sinh, gạch ốp lát cao cấp, kính siêu trắng, kính chịu lửa.

+ Các dự án đầu tư của các công ty con: Dự án nhà máy gạch ốp ceramic, Dự án Nhà máy sứ vệ sinh tại KCN Phú Hà (Phú Thọ); Dự án nhà máy sản xuất 100% ngói công nghệ châu Âu tại Hoàn Bô (Quảng Ninh).

+ Các dự án trong lĩnh vực chế biến nguyên liệu như cát trắng, vôi công nghiệp phục vụ trực tiếp cho công nghiệp sản xuất vật liệu.

3.3- Lĩnh vực nghiên cứu phát triển, đào tạo:

- Triển khai các bước tiếp theo của chương trình hợp tác đào tạo với đối tác Proskill (Anh).

- Triển khai kế hoạch nghiên cứu khoa học bao gồm các đề tài cấp nhà nước, Bộ Xây dựng và Tổng công ty.

- Triển khai đầu tư Trung tâm thí nghiệm kính low-e;

- Lập dự án, triển khai đầu tư hệ thống ERP kết nối toàn Tổng công ty đảm bảo cập nhật, xử lý kịp thời thông tin và minh bạch trong hệ thống quản lý; trong năm 2015, triển khai giai đoạn 1 tại văn phòng Tổng công ty và 6 đơn vị thành viên.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera-CTCP trong 6 tháng cuối năm 2014 và Kế hoạch hoạt động, nhiệm vụ trọng tâm năm 2015. Với sự đồng thuận, nhất trí cao của Đại hội đồng cổ đông, sự điều hành quyết liệt có trọng điểm và bám sát các mục tiêu đặt ra của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty và nỗ lực, quyết tâm của tập thể cán bộ CNV Tổng công ty, Hội đồng quản trị tin tưởng Tổng công ty Viglacera sẽ hoàn thành các mục tiêu kế hoạch 2015 báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015 của Tổng công ty Viglacera-CTCP.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY
Luyện Công Minh

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

BÁO CÁO
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY VIGLACERA-CTCP
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015

Kính thưa Quý cổ đông!

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Viglacera-CTCP xin báo cáo kết quả hoạt động SXKD 6 tháng cuối năm 2014 và Kế hoạch SXKD, giải pháp trọng tâm năm 2015 của Tổng công ty Viglacera-CTCP với các nội dung như sau:

I- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2014

Năm 2014, đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Tổng công ty Viglacera, khi chuyển đổi mô hình sang Công ty cổ phần từ ngày 2/7/2014. Đây là bước chuyển đổi quan trọng tạo điều kiện cho Tổng công ty phát triển cả về lượng và chất lên tầm cao mới, với chiến lược phát triển ổn định, bền vững, để trở thành Tổng công ty quốc tế, đa sở hữu.

Bám sát các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua, Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm đối với từng lĩnh vực cụ thể. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

1- Kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2014 (Theo kết quả đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC)

Chỉ tiêu	ĐVT	KH ĐHCĐ giao 6 tháng cuối năm 2014	Thực hiện 6 tháng cuối năm 2014 Giá trị	% KH ĐHCĐ
1. Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	155.666	270.602	174
<i>Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ</i>		<i>101.800</i>	<i>191.582</i>	<i>188</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế của các công ty cổ phần có sở hữu vốn</i>	-	<i>53.866</i>	<i>79.020</i>	<i>147</i>
- Công ty con (tính theo tỷ lệ sở hữu vốn)	-	53.193	68.570	129
- Công ty liên kết (tính theo tỷ lệ sở hữu vốn)	-	673	10.270	1.526
2. Doanh thu Công ty Mẹ (hợp cộng doanh thu các công ty phụ thuộc)	tr.đồng	2.096.709	2.463.649	117
3. Thực hiện đầu tư	tỷ đồng	1.500	1.756	117
+ Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà	-	1.388	1.633	117
+ Lĩnh vực đầu tư HIKT, dịch vụ KCN	-	15	106	706
+ Lĩnh vực vật liệu	-	80	0	-
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	-	17	17	100
4. Vốn điều lệ của ICT Viglacera-CTCP	tỷ đồng	2.645	2.645	

Tất cả các chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2014 thực hiện đều đạt và vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất giao; lãi trước thuế năm 2014 của các đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ đều đạt mức tăng trưởng cao, trong đó Kinh nổi Bình Dương đạt 18,5 tỷ

đồng (6 tháng cuối năm tăng 60% so với 6 tháng đầu năm), Sứ Bình Dương đạt 6,7 tỷ đồng (tăng 43% so với năm 2013, 6 tháng cuối năm tăng 108% so với 6 tháng đầu năm), Sen vôi Viglacera đạt 1,47 tỷ đồng (tăng 106% so với năm 2013, 6 tháng cuối năm tăng 324% so với 6 tháng đầu năm); khối bất động sản lãi trước thuế đạt 233,87 tỷ đồng (tăng 3% so với năm 2013, 6 tháng cuối năm tăng 143% so với 6 tháng đầu năm).

Trong năm 2014, các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty cũng đã đạt các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra, đạt mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ, cụ thể như sau

- Lĩnh vực vật liệu xây dựng: Kết quả các chỉ tiêu giá trị SXKD, doanh thu vượt 17% so với kế hoạch. Các nhóm sản phẩm đều có lãi, đặc biệt nhóm sứ-sen vôi, gạch ốp lát có lợi nhuận tăng trưởng cao so với thực hiện năm 2013.

Năm 2014, thương hiệu Viglacera đã giành được *giải thưởng Thương hiệu Quốc gia năm 2014* và *giải Vàng Chất lượng Quốc gia*, cùng 5 năm liên tiếp giành *giải Thương hiệu mạnh Việt Nam VN500*; sản phẩm kính nổi Viglacera đạt tiêu chuẩn châu Âu EN 572-2:2004 và tiêu chuẩn cơ sở, được khách hàng đánh giá chất lượng top đầu trên thị trường, được Tổ chức quốc tế Định hướng Sáng kiến Kinh doanh trao tặng Giải Vàng "*Cam kết chất lượng quốc tế 2014*" (Word Quality Commitment-WQC).

- Lĩnh vực bất động sản: Đây là lĩnh vực do Công ty Mẹ trực tiếp điều hành, kinh doanh; kết quả hoạt động vượt 17% KH; các chỉ tiêu giá trị SXKD, doanh thu đều vượt kế hoạch từ 15-17%, trong đó:

+ Công tác đầu tư kinh doanh nhà: triển khai tốt phân khúc nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp với hơn 2500 căn hộ được bàn giao đúng tiến độ tại Khu đô thị Đặng Xá – Gia Lâm và Tây Mỗ - Nam Từ Liêm. Tổ chức triển khai đầu tư đúng tiến độ các dự án Chung cư Thăng Long No1; OCT2 Xuân Phương.

Năm 2014, dự án Thăng Long No1 đạt giải thưởng "*Safe Home - Ngôi nhà an toàn*" và Khu đô thị Đặng Xá nhận giải thưởng "*Mixed Use – dự án phức hợp bất động sản đạt chuẩn quốc tế*" trong khuôn khổ giải thưởng Bất động sản Quốc tế khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

+ Công tác đầu tư và kinh doanh hạ tầng KCN: tiếp tục xây dựng hạ tầng đồng bộ tại 04 KCN hiện có với quy mô 977 ha là Tiên Sơn (348 ha), Yên Phong I (340 ha), Hải Yên (160 ha) và Đông Mai (129 ha). Đồng thời xúc tiến, triển khai công tác chuẩn bị đầu tư 1.349 ha KCN mới là KCN Phú Hà - Phú Thọ (350 ha), KCN Phong Điền - Thừa Thiên Huế (284 ha), KCN Yên Phong mở rộng – Bắc Ninh (315 ha), KCN Thuận Thành - Bắc ninh (~ 200-300 ha) và KCN Hạ Vàng – 100 ha (Hà Tĩnh).

2- Các giải pháp và công việc trọng tâm đã triển khai thực hiện

2.1- Triển khai đề án tái cơ cấu

- Sắp xếp lại mô hình tổ chức Công ty Mẹ - Tổng công ty Viglacera-CTCP, thành lập mới Ban Kính, Ban Gạch ốp lát- Sứ vệ sinh, Ban gạch ngói; định biên lại nhân sự các phòng, ban của Tổng công ty theo chủ trương và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Xây dựng và trình Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành các Quy chế hoạt động phù hợp với mô hình quản trị của doanh nghiệp cổ phần. Hoàn thành việc cấp sổ cổ đông, đăng ký công ty đại chúng. Chuẩn bị các bước thực hiện niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty trên sàn giao dịch chứng khoán. Xây dựng phương án tăng vốn điều lệ của Tổng công ty, giảm tỷ lệ vốn nhà nước xuống 75%. Tập huấn các đơn vị triển khai các quy định về công bố thông tin, chế độ báo cáo, thời hạn báo cáo tài chính theo quy định của UBCK đối với công ty cổ phần đại chúng.

2.2- Công tác tài chính

Triển khai từng bước công khai minh bạch tình hình tài chính của Tổng công ty, thiết lập các quy trình công bố thông tin đối với công ty đại chúng theo quy định của UBCK nhà nước. Công ty Mẹ - Tổng công ty vẫn luôn duy trì tình hình tài chính vững mạnh; đặc biệt giai đoạn sau khi chuyển đổi sang Công ty Cổ phần, các chỉ số tài chính của Công ty Mẹ đều được cải thiện hơn so với giai đoạn trước khi chuyển đổi. Cụ thể:

- Nợ ngắn hạn giảm 394 tỷ đồng so với thời điểm trước cổ phần hoá, do đó các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đã có sự cải thiện, trong đó hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 1,4 lần tương ứng tăng 14,9% và hệ số khả năng thanh toán nhanh đạt 0,6 lần tương ứng tăng 9,9% so với thời điểm trước cổ phần hoá;

- Các khoản vay và nợ dài hạn cuối năm 2014 giảm trên 223 tỷ đồng so với thời điểm trước chuyển đổi cổ phần hoá, giảm sự phụ thuộc tài chính đối với các đối tượng bên ngoài, đảm bảo tình hình tài chính an toàn và bền vững; các chỉ tiêu hệ số nợ/tổng tài sản và vốn chủ sở hữu ở mức an toàn, trong đó hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đã giảm từ 2,69 lần xuống 2,44 lần.

- So với 6 tháng đầu năm, số dư các khoản phải thu giảm trên 135 tỷ đồng, vòng quay các khoản phải thu tăng 119,9%, giảm rủi ro bị chiếm dụng vốn, tăng hiệu quả năng lực hoạt động. Đến thời điểm 31/12/2014, các khoản nợ, đầu tư tài chính dài hạn đã được rà soát tổng thể, trích lập dự phòng đầy đủ.

- Các chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động đều được cải thiện so với giai đoạn trước cổ phần hoá, trong đó tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu đạt 5,5%, lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 7,7%.

2.3- Công tác quản trị sản xuất

Tiếp tục triển khai các giải pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc kiểm soát chặt chẽ nguyên nhiên vật liệu đầu vào, các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá tiền lương, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động. Tập trung chỉ đạo trực tiếp các lĩnh vực gạch ngói, kính xây dựng là những lĩnh vực cần tái cấu trúc về sản phẩm. Cử cán bộ Tổng công ty xuống các đơn vị để cùng nắm bắt, chấn chỉnh kịp thời những bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các giải pháp về cơ cấu sản phẩm, chất lượng và giá thành sản phẩm để nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.4- Công tác thị trường

Tổ chức tái cấu trúc lại hệ thống kinh doanh theo từng lĩnh vực sản phẩm để chuyên nghiệp hóa công tác bán hàng, tập trung nguồn lực đầu tư thị trường. Rà soát, xây dựng và ban hành quy chế bán hàng đảm bảo tính cạnh tranh, xây dựng lại hệ thống các đại lý tin cậy phủ rộng từ thành phố tới các quận, huyện và khu vực dân cư. Tổ chức khảo sát đánh giá thị trường, các đối thủ cạnh tranh để từ đó xây dựng các chính sách về cơ cấu sản phẩm, mẫu mã sản phẩm, chất lượng sản phẩm, chính sách bán hàng và giá cả sản phẩm phù hợp với thị trường, công nghệ sản xuất của Tổng công ty.

Xây dựng chiến lược xuất khẩu sản phẩm của Tổng công ty trung và dài hạn; có chính sách riêng biệt đối với từng sản phẩm và từng vùng của thị trường xuất khẩu, thực hiện mục tiêu xuất khẩu tối thiểu 20% sản lượng sản xuất của Tổng công ty, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động xuất khẩu.

2.5- Công tác quản lý chất lượng

Ban hành bộ tiêu chuẩn cơ sở cho từng sản phẩm của Tổng công ty, đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở cao hơn TCVN, tương đương các đối thủ trong top đầu trên thế giới. Tổ chức lấy mẫu, phân tích đánh giá các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn cơ sở đã ban hành, so sánh với các đối thủ cạnh tranh qua đó đề xuất các giải pháp về công nghệ và kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm. Phát huy vai trò của Viện nghiên cứu phát triển Viglacera trong việc quản lý chất lượng, hợp tác với các chuyên gia đầu ngành và chuyên gia, tổ chức nước ngoài nghiên cứu phát triển các sản phẩm có tính năng kỹ thuật cao, chất lượng cao để tăng tính cạnh tranh và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

2.6- Công tác nghiên cứu phát triển

Xác định mục tiêu công nghệ tiên tiến của thế giới trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tập trung vào các công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm chi phí tài nguyên, ít tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường, các sản phẩm bền vững với mọi điều kiện tự nhiên, sản phẩm cho biển đảo... Tổng công ty đã triển khai hợp tác với nhiều đối tác hàng đầu trên thế giới để triển khai các dự án kính tiết kiệm năng lượng, gạch clinker, kính siêu trắng... Xây dựng kế hoạch triển khai đầu tư các sản phẩm mới phù hợp với điều kiện thực tế của Tổng công ty, đảm bảo Tổng công ty phát triển ổn định, bền vững.

2.7- Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Triển khai các bước nâng cao chuẩn chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Viglacera đạt tiêu chuẩn Vương quốc Anh theo chương trình hợp tác đã ký kết với Hội đồng kỹ năng nghề Proskill (Anh). Liên kết với Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Xây dựng Hà Nội mở các lớp đào tạo thạc sĩ kỹ thuật chuyên ngành cho cán bộ của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, triển khai đào tạo tay nghề cho đội ngũ công nhân của Tổng công ty, thực hiện mục tiêu tất cả công nhân sản xuất tại các đơn vị công nghệ cao như kính xây dựng, sứ vệ sinh, gạch ốp lát, sen vòi... đạt trình độ cao đẳng.

Tổ chức tuyển dụng các sinh viên năm cuối của các Trường đại học theo chuyên ngành của Tổng công ty về nghiên cứu thực tập, làm đồ án tốt nghiệp gắn với thực tế sản xuất của các đơn vị trong Tổng công ty. Tuyển dụng các kỹ sư mới ra trường cho các đơn vị. Xây dựng và ban hành chính sách đãi ngộ cho sinh viên thực tập sản xuất và các kỹ sư mới ra trường phù hợp để giữ được người tài.

Xây dựng bộ quy tắc ứng xử, văn hóa doanh nghiệp Viglacera.

2.8- Công tác đầu tư phát triển

- Đối với lĩnh vực vật liệu xây dựng: Tập trung nghiên cứu và triển khai đầu tư dự án kính low-e là dự án công nghệ cao được Chính phủ ưu đãi, hỗ trợ. Tại các công ty con: đầu tư dự án nhà máy gạch clinker và chuẩn bị đầu tư dự án nhà máy 100% ngói lợp với công nghệ châu Âu, thiết bị tối đa sản xuất trong nước.

- Đối với lĩnh vực bất động sản: Tập trung chuyển dịch đầu tư kinh doanh sản phẩm bất động sản có thị trường và tính thanh khoản cao như nhà ở xã hội tại Đặng Xá, Tây Mỗ; bất động sản cho thuê như Khu công nghiệp Tiên Sơn, Yên Phong, Đông Mai, Hải Yên nhằm phát huy ngay những lợi thế về quỹ đất và các KCN hiện có của Tổng công ty, đồng thời cũng đưa vào công trình một số sản phẩm mới của Tổng công ty. Triển khai làm việc với các đối tác để hợp tác đầu tư trong lĩnh vực nhà ở. Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư các dự án KCN mới tại các tỉnh Phú Thọ, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế.

II- Kế hoạch SXKD năm 2015

Năm 2015 là năm thứ hai Tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Tổng công ty sẽ tiếp tục tập trung đầu tư trên cả hai lĩnh vực vật liệu xây dựng công nghệ cao và đầu tư bất động sản để đảm bảo mục tiêu phát triển, tăng trưởng ổn định và bền vững. Các chỉ tiêu chính của Kế hoạch SXKD cụ thể như sau:

1- Các chỉ tiêu chính Kế hoạch năm 2015 của Công ty Mẹ

Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2014	KH năm 2015
1. Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	288.814	290.610
<i>Lợi nhuận trước thuế của Công ty Mẹ</i>	-	<i>183.892</i>	<i>147.540</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế của các công ty cổ phần có sở hữu vốn</i>	-	<i>104.923</i>	<i>143.070</i>
- Công ty con (tính theo tỷ lệ sở hữu vốn)	-	96.713	132.800
- Công ty liên kết (tính theo tỷ lệ sở hữu vốn)	-	8.210	10.270
2. Doanh thu Công ty Mẹ (hợp cộng doanh thu các công ty phụ thuộc)	tr.đồng	4.540.208	4.548.000
3. Thực hiện đầu tư	tỷ đồng	2.865	2.344
+ Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà	-	2.690	1.393
+ Lĩnh vực đầu tư HIKT, dịch vụ KCN	-	155	404
+ Lĩnh vực vật liệu	-	3	526
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	-	17	21
4. Vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera-CTCP	-	2.645	3.070

Chỉ tiêu lợi nhuận Kế hoạch năm 2015 của Công ty Mẹ giảm so với thực hiện năm 2014 do năm 2015 Tổng công ty thực hiện việc trích trước khấu hao sửa chữa nguội cho nhà máy kính nổi Viglacera 30 tỷ đồng và triển khai dự án ERP, chi phí dự kiến thực hiện trong năm 2015 là 25 tỷ đồng.

2- Các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2015

2.1- Công tác tái cơ cấu

- Triển khai đúng kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 3.070 tỷ đồng theo phương án phát hành riêng lẻ, giảm tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước sau khi được Bộ Xây Dựng phê duyệt phương án, đăng ký giao dịch hoặc niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty Viglacera-CTCP trên sàn giao dịch chứng khoán trước quý IV/2015.

- Rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện tái cơ cấu tại các công ty con, công ty liên kết, đặc biệt đối với các đơn vị có năng lực cạnh tranh thấp.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh mô hình hoạt động, cơ cấu tổ chức tại các công ty trực thuộc Công ty Mẹ, các phòng ban chức năng của Tổng công ty phù hợp với quy trình quản trị công ty cổ phần.

2.2- Công tác tài chính

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để bàn giao tài chính sang công ty cổ phần trong quý III/2015; triển khai đúng các quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước đối với công ty đại chúng.

- Tổ chức kiểm toán định kỳ kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc. Thực hiện tốt công tác lập và tổng hợp báo cáo tài chính của Công ty Mẹ, báo cáo hợp nhất của Tổng công ty theo đúng pháp luật hiện hành đối với công ty đại chúng.

- Vận hành tốt công tác tài chính cho hoạt động SXKD và đầu tư phát triển của Tổng công ty, đảm bảo kịp thời, an toàn và hiệu quả cao nhất.

2.3- Lĩnh vực SXKD vật liệu xây dựng

Năm 2015 xác định là năm đột phá về chất lượng sản phẩm và sản phẩm mới để tăng khả năng cạnh tranh, uy tín, thương hiệu sản phẩm Viglacera. Tổng công ty sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm:

- Tăng cường chặt chẽ công tác quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở đã ban hành. Duy trì mục tiêu kính xây dựng đứng số 1 Việt Nam, đáp ứng tiêu chuẩn sản xuất kính low-e; sản phẩm sứ vệ sinh, gạch ốp lát ngang bằng top dẫn đầu; sản phẩm gạch ngói dẫn đầu thị trường cả về công nghệ và chất lượng sản phẩm.

- Tập trung nghiên cứu triển khai các giải pháp kỹ thuật, công nghệ để đưa chuyên môn hóa, tự động hóa vào các dây chuyền sản xuất hiện có để nâng cao công suất, chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm.

- Tiếp tục đầu tư phát triển thị trường cả về chiều rộng và chiều sâu, nội địa và xuất khẩu. Đăng ký thành lập văn phòng đại diện, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm tại các thị trường xuất khẩu phù hợp với pháp luật của nước sở tại. Tập trung xuất khẩu sản phẩm sứ vệ sinh, gạch ốp lát, gạch bê tông khí tại các thị trường Đài Loan, châu Âu, Trung và Nam Mỹ theo đúng chương trình kế hoạch xuất khẩu giai đoạn 2015-2020 đã đặt ra.

- Triển khai đầu tư các dự án công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng, sản phẩm có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường, chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu như: kính low-e, gạch clinker, sản phẩm ngói lợp từ dây chuyền sản xuất tự động 100% ngói lợp với công nghệ châu Âu, các bộ sản phẩm dành cho vùng biển đảo... Tiến độ thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

+ Dự án nhà máy kính tiết kiệm năng lượng (low-e) công suất 2,3 triệu m² tại Bình Dương, tháng 12 ra sản phẩm. Đây là dự án ứng dụng công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là tại văn bản số 60/TTg-KTN ngày 13/01/2015, được hưởng các điều kiện ưu đãi theo chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 theo Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010.

+ Dự án đầu tư hệ thống sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG tại Nhà máy kính nổi Viglacera (Bình Dương): hoàn thành và đưa vào sử dụng vào quý III/2015. Mục tiêu giảm chi phí nhiên liệu khoảng 5% (khoảng 20 tỷ đồng/năm), nâng cao chất lượng sản phẩm, đạt tiêu chuẩn môi trường về khí thải QCVN 19:2009/BTNMT.

+ Dự án đầu tư nhà máy gạch clinker tại Đông Triều của Công ty CP Viglacera Hạ Long, công suất 2 triệu m²/năm ra sản phẩm gạch clinker và cotto vào tháng 5/2015. Sản phẩm của nhà máy có chất lượng cao đạt tiêu chuẩn châu Âu, có cường độ cao và độ hút nước thấp, thích ứng điều kiện khắc nghiệt, nhiễm mặn, băng giá...

+ Dự án mở rộng dây chuyền granite men mài công suất 2 triệu m²/năm tại Thái Bình sử dụng khí đốt tự nhiên của Công ty CP Viglacera Tiên Sơn, tháng 10/2015 ra sản phẩm. Đây là dự án sản xuất sản phẩm cao cấp, phục vụ xuất khẩu và đảm bảo tiêu chí là nhà máy "xanh", thân thiện môi trường.

- Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư các dự án:

+ Dự án đầu tư Nhà máy bê tông khí tại KCN Phong Điền (Huế)

+ Thành lập liên doanh đầu tư sản xuất sứ vệ sinh, gạch ốp lát tại Cu Ba trên cơ sở liên doanh với các doanh nghiệp sở tại, góp vốn bằng chuyển giao công nghệ, dịch vụ kỹ thuật.

+ Hợp tác với các hãng đứng hàng đầu thế giới để triển khai các dự án đầu tư sản phẩm sứ vệ sinh, gạch ốp lát cao cấp, kính siêu trắng, kính chịu lửa.

+ Dự án nhà máy gạch ốp ceramic tại KCN Phú Hà công suất 6 triệu m²/năm.

+ Dự án Nhà máy sứ vệ sinh công suất 1 triệu sp/năm tại KCN Phú Hà (Phú Thọ) hoặc KCN Tiên Hải (Thái Bình).

+ Dự án nhà máy sản xuất 100% ngói công nghệ châu Âu tại Hoàn Bô (Quảng Ninh).

+ Các dự án trong lĩnh vực chế biến nguyên liệu như cát trắng, vôi công nghiệp phục vụ trực tiếp cho công nghiệp sản xuất vật liệu.

2.4- Lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản

Tập trung đầu tư sản phẩm nhà ở xã hội, nhà ở thương mại có tính thanh khoản cao, bất động sản cho thuê. Cụ thể:

a- Đầu tư nhà ở

- Tiếp tục triển khai đầu tư đúng tiến độ các dự án nhà chung cư diện tích nhỏ, giá trị căn hộ hợp lý tại Khu đô thị Đặng Xá 1, 2; Nhà ở xã hội tại Khu đô thị Đặng Xá 2; dự án nhà ở thương mại tại Khu đô thị Xuân Phương; dự án nhà ở xã hội tại Khu đô thị Kim Chung – Đông Anh theo hình thức hợp tác đầu tư với Tổng công ty Handico; nhà ở công nhân tại Khu đô thị Yên Phong.

- Khởi công mới các dự án: Tổ hợp văn phòng, nhà ở và dịch vụ tại số 1 Đại lộ Thăng Long giai đoạn II; Khu nhà ở và công trình công cộng - Thể thao tại 671 Hoàng Hoa Thám; Nhà ở thương mại và cho thuê tại Ngã 6 Bắc Ninh.

- Chuẩn bị đầu tư các dự án mới:

+ Khu đô thị Đặng Xá 3 (mở rộng), quy mô dự kiến 40 ha;

+ Khu đô thị Kim Chung-Đông Anh theo hình thức hợp tác đầu tư với TCT Handico;

+ Khai thác các quỹ đất còn lại để đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở thương mại tại Khu đô thị Đặng Xá 1,2, Xuân Phương, Tây Mỗ.

b- Đầu tư Khu công nghiệp

- Tiếp tục triển khai đầu tư theo kế hoạch 04 Khu công nghiệp hiện có quy mô 977 ha của Tổng công ty:

+ Khu công nghiệp Tiên sơn – Bắc Ninh, quy mô 348 ha;

+ Khu công nghiệp Yên phong giai đoạn 1 – Bắc Ninh, quy mô 340 ha;

+ Khu công nghiệp Đông Mai – Quảng Ninh, quy mô 160 ha;

+ Khu công nghiệp Hải Yên – Quảng Ninh, quy mô 129 ha;

- Khởi công mới 03 Khu công nghiệp với tổng diện tích 949 ha gồm:

+ Khu công nghiệp Phú Hà, quy mô 350ha tại Phú Thọ (đã khởi công ngày 26/2/2015)

- + Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, quy mô 315 ha tại Bắc Ninh
- + Khu công nghiệp Phong Điền, quy mô 284 ha tại Thừa Thiên Huế, có vị trí nằm cạnh mỏ cát có trữ lượng và chất lượng hàng đầu Việt Nam.
- Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư 03 Khu công nghiệp có quy mô 800 ha gồm:
 - + Khu công nghiệp Thuận Thành, quy mô dự kiến 200-300ha tại Bắc Ninh;
 - + Khu công nghiệp Tiên Hải, quy mô 400 ha tại Thái Bình (có vị trí gần nguồn cung cấp khí tự nhiên và than, là lợi thế cho các doanh nghiệp sử dụng nhiên liệu sạch, chi phí thấp tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư thứ cấp đầu tư vào khu công nghiệp).
 - + Khu công nghiệp Hạ Vàng, quy mô 100ha tại Hà Tĩnh;
- c- Công tác quản lý vận hành KCN và Khu đô thị:

Phối hợp với đối tác Nhật bản, thành lập Công ty cổ phần chuyên nghiệp vận hành các Khu đô thị và Khu công nghiệp để nâng cao chất lượng quản lý vận hành theo Tiêu chuẩn Nhật Bản.

2.5- Công tác đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu phát triển

- Triển khai đúng tiến độ, mục tiêu của chương trình hợp tác đào tạo với đối tác Proskill (Anh).
- Triển khai đúng tiến độ, chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, Bộ Xây dựng và Tổng công ty.
- Triển khai đầu tư Trung tâm thí nghiệm kính low-e;
- Lập dự án, triển khai đầu tư hệ thống ERP kết nối toàn Tổng công ty; trong năm 2015, triển khai giai đoạn 1 tại văn phòng Tổng công ty và thử nghiệm tại một số công ty trực thuộc.

Trên đây là Báo cáo đánh giá kết hoạt động 6 tháng cuối năm 2014, Kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm năm 2015. Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2014, được sự ủng hộ, hợp tác giúp đỡ của Bộ Xây Dựng, của các cổ đông, sự cố gắng nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên toàn Tổng công ty; chắc chắn Tổng công ty Viglacera sẽ hoàn thành các mục tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA-CTCP



TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY
Nguyễn Anh Tuấn

Hà nội, ngày 02 tháng 04 năm 2015.

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 6 THÁNG NĂM 2014
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2015.

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

Năm 2014 là năm đầu tiên Tổng công ty Viglacera chuyển đổi mô hình sang Công ty cổ phần từ 02/07/2014. Mặc dù tình hình kinh tế thế giới còn nhiều biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, tăng trưởng kinh tế trong nước còn chậm, GDP năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013, thị trường bất động sản chưa thực sự phục hồi, lĩnh vực sản xuất VLXD gặp nhiều khó khăn, song với sự điều hành quyết liệt, linh hoạt của lãnh đạo Tổng công ty, sự nỗ lực của tập thể CBCNV, Tổng công ty đã đạt được các mục tiêu kinh doanh, tiếp tục khẳng định vị thế là doanh nghiệp đứng đầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng tại Việt Nam, là thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản với các sản phẩm gồm khu công nghiệp cho thuê, khu đô thị, nhà ở để bán và khu thương mại - văn phòng cho thuê.

Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Tổng công ty, luật Doanh nghiệp và quy định khác Pháp luật, Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội các nội dung sau:

I- HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát (BKS) bao gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong 6 tháng cuối năm 2014, được sự phối hợp của Hội đồng quản trị (HDQT), BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát cùng với các Phòng, Ban chức năng góp phần vào hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Tổng công ty.

Tổng kết các cuộc họp của BKS

Ngày tháng	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
02/07/2014	3/3	Bầu Trưởng BKS, phân công nhiệm vụ trong BKS.
27/09/2014	3/3	Tổng hợp tình hình phối hợp rà soát kết quả SXKD quý 3/2014, báo cáo kiểm toán độc lập thời điểm 21/07/2014. Phân công tham gia ý kiến các dự thảo quy chế của Tổng công ty.
06/01/2015	3/3	Tổng kết các hoạt động BKS theo phân công, phối hợp rà soát tình hình kiểm kê, kết quả SXKD, báo cáo kiểm toán độc lập thời điểm 31/12/2014.

Ngoài các cuộc họp, BKS còn phối hợp với các phòng ban chức năng để kiểm tra tình hình hoạt động tại các đơn vị thành viên, tham gia trao đổi với Kiểm toán độc lập, các đơn vị tư vấn khác để hoàn thành nhiệm vụ của BKS và thực hiện một số công tác khác do HDQT yêu cầu.

II-BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT

1-Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất

Trong 6 tháng cuối năm 2014, Tổng công ty Viglacera đã triển khai thực hiện các kế hoạch đã được ĐHĐCĐ lần thứ nhất thông qua ngày 02/07/2014 bao gồm:

***Doanh thu** Công ty Mẹ (tính trên cơ sở hợp cộng doanh thu các Công ty phụ thuộc): Thực hiện 2.463.649 triệu đồng/Kế hoạch 2.096.709 triệu đồng đạt 117% .

***Lợi nhuận trước thuế** 6 tháng cuối năm 2014 (từ thời điểm chuyển sang Công ty CP 21/07/2014): Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ đạt 191.582 triệu đồng/ kế hoạch lợi nhuận theo Nghị quyết là 101.800 triệu đồng, vượt 88%; Lợi nhuận Công ty Con (tính theo tỷ lệ vốn chủ sở hữu là 68.570 triệu đồng/kế hoạch theo Nghị quyết 53.193 triệu đồng, vượt 29%; Lợi nhuận Công ty liên kết (tính theo tỷ lệ vốn chủ sở hữu là 10.269 triệu đồng/kế hoạch theo Nghị quyết 673 triệu đồng.

***Kế hoạch đầu tư phát triển:**

+ **Giá trị vốn đầu tư** thực hiện là 1.756 tỷ đồng/kế hoạch dự kiến 1.500 tỷ đồng, trong đó:

Lĩnh vực	Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)
Lĩnh vực Đầu tư kinh doanh nhà: tiếp tục triển khai các dự án trọng điểm là Khu đô thị Đặng xá 2; Khu đô thị Xuân phương; Khu nhà ở cao cấp Thăng long N01; Dự án nhà ở xã hội/thu nhập thấp giai đoạn III tại Đặng xá, nhà thu nhập thấp Tây mỗ, nhà ở cho thuê Khu đô thị Yên phong	1.388	1.633
Lĩnh vực vật liệu: thực hiện một phần dự án kính tiết kiệm năng lượng, các dự án đầu tư chiều sâu tại các đơn vị trực thuộc: Kính nổi Bình Dương; Sứ Bình Dương	80	0
Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo: chủ yếu đầu tư nguồn lực, cơ sở vật chất cho Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera, Trường cao đẳng nghề Viglacera, các đề tài nghiên cứu khoa học theo kế hoạch.	17	17
Công tác chuẩn bị đầu tư cho các KCN và dịch vụ: KCN Yên Phong mở rộng, KCN Phú hà, KCN Phong Điền, KCN Hạ Vàng, trạm xử lý nước sạch, nước thải...	15	106

+ Công tác sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp :

Tổng công ty đã thực hiện tái cơ cấu bộ máy quản lý điều hành, mô hình tổ chức và tái cơ cấu tài chính một số đơn vị; rà soát bố trí và giao trách nhiệm cho cá nhân Người đại diện, Ban kiểm soát phần vốn Tổng công ty ở các đơn vị.

Thực hiện Quyết định số 609/BXD ngày 24/06/2013 của Bộ xây dựng về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Viglacera giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020, Tổng công ty đã tăng vốn cho Công ty CP Viglacera Hạ long, Công ty CP Bê tông khí Viglacera, Công ty Đầu tư Xuất nhập khẩu Viglacera, xây dựng và triển khai đề án tái cơ cấu các đơn vị Cổ phần Bao bì má phanh , Cổ phần cơ khí và xây dựng.

***Tình hình chi trả thù lao cho HĐQT, BKS:** thực hiện trong mức do ĐHĐCĐ phê duyệt.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Bộ phận	Chức danh	Thù lao 01 tháng theo NQĐHĐCĐ	Thù lao thực hiện
I	Hội đồng quản trị			
1	Luyện Công Minh	Chủ tịch HĐQT	58,00	58,00
2	Nguyễn Anh Tuấn	TV HĐQT-TGĐ	58,00	58,00
3	Trần Ngọc Anh	TV HĐQT-PTGĐ	48,00	48,00
4	Lưu Văn Lầu	TVCT HĐQT	48,00	48,00
5	Nguyễn Quý Tuấn	TVCT HĐQT	48,00	48,00
II	Ban Kiểm soát			
1	Ngô Thùy Trang	Trưởng ban	38,00	38,00
2	Nguyễn Thị Cẩm Vân	TV BKS	22,00	22,00
3	Nguyễn Hải Long	TV BKS	22,00	22,00

2- Giám sát hoạt động của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:

2.1 Đối với HĐQT: Trong 6 tháng cuối năm 2014 HĐQT đã tổ chức triển khai thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất, các Nghị quyết tuân thủ đúng các quy định trong Điều lệ của Tổng công ty và các quy định của Pháp luật, HĐQT đã tổ chức họp 37 cuộc và ban hành 34 nghị quyết, 03 biên bản với những nội dung chủ yếu:

- Sắp xếp mô hình tổ chức và bố trí cán bộ Tổng công ty;
- Phê duyệt các quy chế của Tổng công ty và các đơn vị phụ thuộc;
- Phê duyệt chủ trương hợp tác với HANDICO về nhà ở thu nhập thấp tại CT5 Kim Chung- Đông Anh – Hà nội;
- Phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch đấu thầu tại lô N03,N04 Khu đô thị Đặng xá;
- Nghị quyết tiếp tục hợp tác với ASIBO;
- Bảo lãnh và ủy quyền vay vốn cho các đơn vị phụ thuộc;

Hàng tuần, hàng tháng HĐQT, BKS tham gia các cuộc họp giao ban của bộ máy điều hành để nắm bắt, trao đổi tình hình thực hiện các Nghị quyết và triển khai thực hiện kế hoạch SXKD.

2.2 Đối với Ban điều hành: Ban điều hành gồm 05 người (Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc) đã triển khai triệt để các Nghị quyết của HĐQT, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, chỉ đạo quyết liệt, chi tiết, cụ thể kịp thời, có đánh giá, kiểm soát việc thực hiện tại tất cả các đơn vị phụ thuộc Công ty Mẹ và các Công ty Con thông qua Người đại diện phần vốn để đạt được mục tiêu và hiệu quả đạt ra.

2.3 Đối với các cổ đông: Trong 6 tháng năm 2014 BKS không nhận được khiếu nại nào của cổ đông.

3- Việc tuân thủ Pháp luật, các quy định, quy chế quản trị nội bộ:

Các cấp quản lý, bộ phận chức năng, cá nhân và đơn vị liên quan của Tổng công ty tuân thủ các quy định Pháp luật, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy trình, quy chế quản trị nội bộ.

4- Đề xuất lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2015:

BKS thống nhất với mục tiêu lựa chọn đơn vị kiểm toán có uy tín, kinh nghiệm, tính độc lập cao, có năng lực và mức độ am hiểu về Tổng công ty, BKS đề xuất HĐQT trình ĐHĐCĐ phê chuẩn chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2015 là Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

5- Giám sát tình hình tài chính 6 tháng 2014:

BKS đã tham gia họp và trao đổi định kỳ với Kiểm toán độc lập của Tổng công ty (Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC) về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán.

Tổng công ty tuân thủ theo Luật kế toán, chuẩn mực trong công tác hạch toán kế toán, hoàn thành báo cáo tài chính đúng thời gian quy định.

Căn cứ vào các báo cáo định kỳ hàng tháng, quý và báo cáo tài chính 31/12/2014 đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán, BKS đánh giá tình hình tài chính của Tổng công ty Viglacera-CTCPLà cân đối; sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn thông qua các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Tổng tài sản, tổng nguồn vốn thời điểm 31/12/2014 tại Công ty Mẹ là 9.650.963 triệu đồng giảm 152.260 triệu đồng so với số đầu kỳ chủ yếu do nợ phải trả giảm 302.063 triệu đồng, trong đó nợ vay ngắn hạn, dài hạn giảm 56.463 triệu đồng. Báo cáo Hợp nhất toàn Tổng công ty là 12.219.692 triệu đồng giảm 187.027 triệu đồng so với số đầu kỳ do nợ phải trả giảm 459.411 triệu đồng, trong đó nợ vay ngắn hạn, dài hạn giảm 224.310 triệu đồng.

Nợ phải trả thời điểm 31/12/2014 tại Công ty Mẹ là 6.849.746 triệu đồng, trong đó: Doanh thu chưa thực hiện là 2.598.489 triệu đồng, chủ yếu là doanh thu từ cho thuê lại hạ tầng Khu công nghiệp phân bổ dần trong nhiều năm. Nợ phải trả trên báo cáo Hợp nhất là 9.287.028 triệu đồng, trong đó: Doanh thu chưa thực hiện là 2.615.667 triệu đồng.

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2014 của Công ty Mẹ là 2.801.217 triệu đồng tăng 149.803 triệu đồng so với đầu kỳ; Báo cáo Hợp nhất là 2.643.515 triệu đồng, tăng 199.032 triệu đồng so với đầu kỳ.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Báo cáo Công ty Mẹ 31/12/2014	Báo cáo hợp nhất 31/12/2014
A	KẾT QUẢ KINH DOANH			
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	191,582	323,385
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	149,906	259,608
3	Lãi cơ bản/cổ phiếu	đồng		796
B	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
1	Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1.4	1.3
2	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1.4	1.1
3	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.6	0.4
4	TS lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7.7	5,9
5	TS lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	5.5	10.2
6	TS lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1.55	2.1
7	Hệ số vốn vay/Vốn chủ sở hữu	%	47.05	94.88
8	Nợ phải trả/ Vốn điều lệ	lần	2.59	3.51
9	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	2.44	3.51
C	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2,801,217	2,643,515
I	Vốn chủ sở hữu		2,795,719	2,634,729
	Trong đó:			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Triệu đồng	2,645,000	2,645,000
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Triệu đồng	150,701	68,126
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác		5,498	8,786
	Nguồn kinh phí	Triệu đồng	5,498	8,786
D	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	Triệu đồng		289,148

III-KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, tập trung các công việc chủ yếu sau:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2015. Giám sát việc chấp hành Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Tổng công ty, giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc chấp hành thực hiện các quy chế, quy trình của Tổng công ty và các phòng ban chức năng, các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.
- Thẩm tra báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn chủ sở hữu, tình hình đầu tư vốn vào Doanh nghiệp khác của Tổng công ty .

- Theo dõi, kiểm tra giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư.
- Phối hợp với các phòng ban bổ sung hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.
- Hoàn thiện hệ thống kiểm toán nội bộ toàn Tổng công ty dựa trên kết quả của đơn vị tư vấn.
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Tổng công ty.

Đề xuất : Để phục vụ mục tiêu nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản trị và quản lý rủi ro, BKS đề xuất trình HĐQT về dịch vụ ngoài Kiểm toán độc lập để tư vấn rà soát quy chế, quy trình của hệ thống kiểm soát nội bộ, các dịch vụ này không làm ảnh hưởng đến tính độc lập khách quan của đơn vị kiểm toán độc lập .

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát 6 tháng cuối năm 2014, kế hoạch 2015, Kính trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

Thay mặt Ban kiểm soát, Kính chúc các Quý vị đại biểu, các Quý vị cổ đông sức khỏe, thành công!

Trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Ngô Thùy Trang



Kế hoạch tăng trưởng giai đoạn 2015 – 2018

Doanh thu trong giai đoạn 2015 - 2018
tăng trưởng ở mức trung bình 12%.

Lợi nhuận sau thuế được duy trì tăng
ổn định trung bình khoảng 10%.

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở
hữu: 7% -15%.

Tỷ lệ trả cổ tức mỗi năm được cải thiện
tăng dần từ 5% đến 11%

Kế hoạch giai đoạn 2015 - 2018

Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2015 – 2018

Chi tiêu	TH năm 2014		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
	Cả năm	6T cuối năm của CTCP				
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	2.645	2.645	3.070	3.070	3.070	3.070
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	4.540	2.464	4.548	5.087	5.820	6.551
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	289	270	290	312	336	362
- Công ty Mẹ	184	192	148	220	250	300
- Công ty con	105	79	143	150	158	166
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	132	150	143	177	210	231
- Công ty Mẹ	121	139	115	126	139	153
- Công ty con (lợi tức thu về theo vốn chủ sở hữu)	11	11	28	51	71	78
Tỷ lệ trả cổ tức (%)		2,5	3,5	4	5	5,5
Cổ tức chi trả (tỷ đồng)		66	93	123	154	169
Thu nhập trên 1 cổ phiếu – EPS (đồng/cổ phần)		567	541	578	683	752
Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ (%)		5,7	5,4	5,8	6,8	7,5

Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2015-2018 (tỷ đồng)

Chi tiêu	TH năm 2014		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
	Cả năm	6T cuối năm của CTCP				
I- Đầu tư phát triển	2.865	1.756	2.344	3.922	4.330	4.590
Lĩnh vực bất động sản	2.845	1.739	1.739	3.474	3.320	3.610
- Nhà ở	2.690	1.633	1.393	2.724	2.120	1.890
- KCN và dịch vụ	155	106	404	810	1.200	1.720
Lĩnh vực vật liệu XD	3	-	526	428	990	940
Nghiên cứu phát triển và đào tạo	17	17	21	20	20	40
II- Đầu tư vào công ty con, liên kết	95	42	35	-	-	-

Thông tin khác

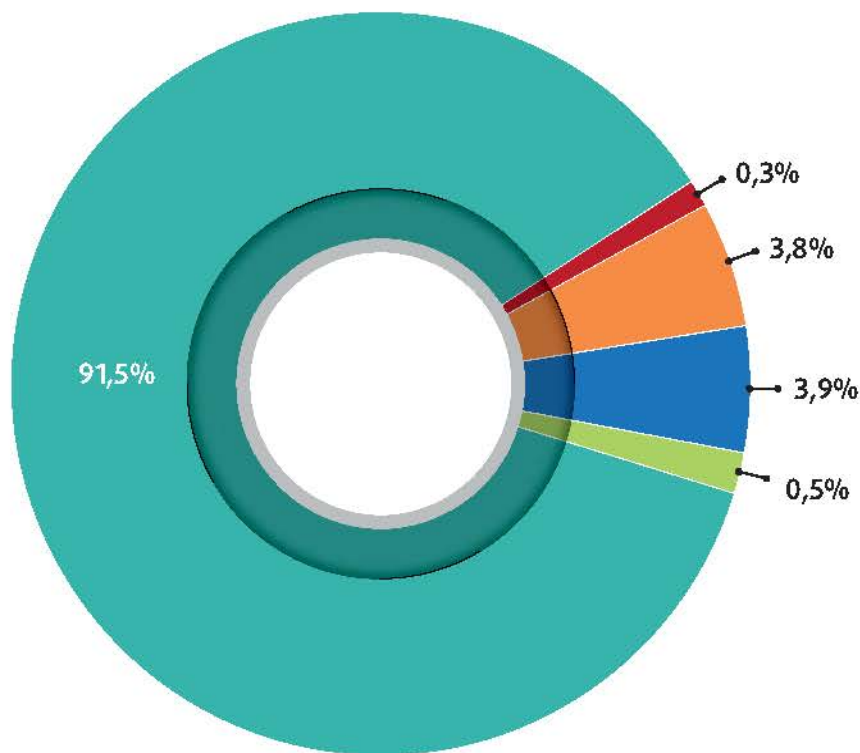


Thông tin Cổ đông và Quản trị công ty

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

Tính đến thời điểm 31/12/2014, cơ cấu cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài không có thay đổi so với thời điểm chính thức chuyển đổi sang công ty cổ phần (thời điểm 22/07/2014)

- Bộ Xây dựng
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân nước ngoài



Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
TỔNG SỐ CỔ ĐÔNG	1.791	264.500.000	100,0%
Cổ đông trong nước	1.758	253.698.000	95,9%
Cá nhân	1.749	10.479.238	3,9%
Tổ chức	8	1.233.500	0,5%
Bộ Xây dựng	1	241.985.262	91,5%
Cổ đông nước ngoài	33	10.802.000	4,1%
Cá nhân	31	802.000	0,3%
Tổ chức	2	10.000.000	3,8%

CỔ ĐÔNG LỚN:

(nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty)

Tên cổ đông: **BỘ XÂY DỰNG**

(Nước CHXHCN Việt Nam)

Địa chỉ: **37 Lê Đại Hành, Hà Nội**

Số CP nắm giữ: **241.985.262 cổ phần**

Tỷ lệ nắm giữ: **91,5%**

CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP: không có

Cổ phần:

Vốn điều lệ của Tổng Công ty:	2.645.000.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phần:	10.000 đồng
Khối lượng cổ phần phát hành:	264.500.000 cổ phần
Khối lượng cổ phần đang lưu hành:	264.500.000 cổ phần
Cổ phần do nhà nước nắm giữ:	241.985.262 cổ phần
Cổ phần tự do chuyển nhượng:	21.073.093 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	1.441.645 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phần

Tính đến thời điểm 31/12/2014

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:


Ngày 02/07/2014, Tổng công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Tổng công ty Viglacera - CTCP và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy CNĐKDN CTCP số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2014 với mức vốn điều lệ là 2.645.000.000.000 đồng;

Kể từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (22/07/2014) đến nay, Tổng công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư chủ sở hữu, do đó mức Vốn điều lệ được giữ nguyên là: 2.645.000.000.000 đồng (Hai ngàn sáu trăm bốn mươi lăm tỷ đồng).

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: KHÔNG CÓ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: KHÔNG CÓ.

Thông tin doanh nghiệp

Tên tiếng Việt:	TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP
Tên tiếng Anh:	VIGLACERA CORPORATION
Địa chỉ trụ sở chính:	Tầng 16 -17, Tòa nhà Viglacera, Số 1, Đại lộ Thăng Long, Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	04. 35536660
Fax:	04. 35536671
Website:	http://www.viglacera.vn
Logo:	
Giấy CNĐKDN CTCP:	số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2014
Vốn điều lệ:	2.645.000.000.000 đồng (Hai ngàn sáu trăm bốn mươi lăm tỷ đồng)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



VIGLACERA

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

Cho kỳ kế toán từ ngày 22/07/2014 đến ngày 31/12/2014
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 57
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 -12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 57

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viglacera - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 22/07/2014 đến ngày 31/12/2014.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Viglacera - CTCP trước đây là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 991/BXD - TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo văn bản số 903/TTg-ĐMDN ngày 07/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 491/HUD-HĐTV ngày 30/06/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô Thị. Ngày 02/12/2013, tại quyết định số 2343/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Tổng Công ty Viglacera thành công ty cổ phần. Căn cứ vào kết quả chào bán cổ phần, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 24/06/2014 điều chỉnh lại phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Viglacera.

Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là Công ty cổ phần số 0100108173 ngày 22/07/2014.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 16 và 17 Tòa nhà Viglacera - Số 01 Đại lộ Thăng Long - Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Luyện Công Minh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 02/07/2014)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02/07/2014)
Ông Trần Ngọc Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02/07/2014)
Ông Lưu Văn Lầu	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02/07/2014)
Ông Nguyễn Quý Tuấn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02/07/2014)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 19/08/2014)
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 19/08/2014)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 19/08/2014)
Ông Trần Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 19/08/2014)
Ông Hoàng Kim Bồng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 19/08/2014)

Các thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Ngô Thùy Trang	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 02/07/2014)
Bà Nguyễn Cẩm Vân	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02/07/2014)
Ông Nguyễn Hải Long	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02/07/2014)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 22/07/2014 đến ngày 31/12/2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Nguyễn Anh Tuấn

Số: 603 /2015/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Viglacera - CTCP

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Viglacera - CTCP được lập ngày 20/03/2015, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 22/07/2014 đến ngày 31/12/2014 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Viglacera - CTCP tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 22/07/2014 đến ngày 31/12/2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	22/07/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.193.474.955.933	5.981.475.263.380
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.026.375.030.780	810.974.355.340
111	1. Tiền		409.025.836.792	237.392.106.260
112	2. Các khoản tương đương tiền		617.349.193.988	573.582.249.080
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.241.649.094	14.100.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.241.649.094	14.100.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.302.064.726.870	1.487.607.570.994
131	1. Phải thu khách hàng		951.739.376.545	1.003.959.117.811
132	2. Trả trước cho người bán		166.378.759.737	255.216.647.564
135	3. Các khoản phải thu khác	5	280.005.309.949	283.231.970.013
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(96.058.719.361)	(54.800.164.394)
140	IV. Hàng tồn kho	6	3.665.148.563.361	3.530.087.823.852
141	1. Hàng tồn kho		3.688.391.752.061	3.553.581.010.073
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(23.243.188.700)	(23.493.186.221)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		197.644.985.828	138.705.513.194
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		9.642.267.748	31.639.293.972
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		109.812.875.224	45.883.755.893
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	10.936.215.405	6.896.749.006
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	67.253.627.451	54.285.714.323

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	22/07/2014
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.026.216.628.481	6.425.243.909.060
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.050.000.000	4.050.000.000
218	1. Phải thu dài hạn khác		4.050.000.000	4.050.000.000
220	II. Tài sản cố định		3.613.299.173.870	3.996.099.208.289
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.872.140.523.797	2.882.430.965.264
222	- Nguyên giá		6.147.125.805.049	5.989.266.728.518
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.274.985.281.252)	(3.106.835.763.254)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	38.255.547.370	43.871.120.159
225	- Nguyên giá		53.601.261.750	68.762.343.760
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.345.714.380)	(24.891.223.601)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	110.995.796.663	653.132.893.345
228	- Nguyên giá		172.394.019.204	711.048.649.202
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(61.398.222.541)	(57.915.755.857)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	591.907.306.040	416.664.229.521
240	III. Bất động sản đầu tư	13	1.801.428.435.585	1.783.851.941.880
241	- Nguyên giá		2.090.534.986.568	2.047.539.753.854
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(289.106.550.983)	(263.687.811.974)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		214.514.781.670	202.906.116.533
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	14	206.158.218.098	195.353.690.850
258	2. Đầu tư dài hạn khác	15	10.463.286.297	10.359.166.337
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.106.722.725)	(2.806.740.654)
260	V. Tài sản dài hạn khác		387.731.900.862	432.798.150.098
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	381.640.159.764	426.645.966.522
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		247.728.846	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		5.844.012.252	6.152.183.576
269	VI. Lợi thế thương mại	17	5.192.336.494	5.538.492.260
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.219.691.584.414	12.406.719.172.440

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	22/07/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		9.287.028.257.995	9.746.439.685.909
310	I. Nợ ngắn hạn		5.605.830.545.759	6.078.473.957.367
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	1.514.928.290.350	1.431.665.836.686
312	2. Phải trả người bán		1.228.064.661.525	1.097.154.252.765
313	3. Người mua trả tiền trước		127.206.250.435	137.442.491.695
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	882.547.462.539	1.182.789.280.561
315	5. Phải trả người lao động		115.728.456.803	71.833.121.114
316	6. Chi phí phải trả	20	1.292.204.719.524	1.721.607.203.932
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	21	443.260.061.016	434.122.052.684
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		260.611.745	356.397.256
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.630.031.822	1.503.320.674
330	II. Nợ dài hạn		3.681.197.712.236	3.667.965.728.542
333	1. Phải trả dài hạn khác	22	31.765.109.758	33.387.439.065
334	2. Vay và nợ dài hạn	23	993.283.586.884	1.301.036.241.312
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		2.615.667.724.585	2.294.400.988.841
339	4. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		40.481.291.009	39.141.059.324
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.643.515.452.661	2.444.483.796.813
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	2.634.729.347.661	2.438.088.585.536
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.645.000.000.000	2.645.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.839.113.235	3.885.282.248
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.362.984.856	7.362.984.856
414	4. Cổ phiếu quỹ		(148.162.639)	(148.162.639)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(193.544.307.015)	(193.544.307.015)
417	6. Quỹ đầu tư phát triển		81.519.506.208	81.100.539.013
418	7. Quỹ dự phòng tài chính		15.700.015.728	15.674.544.743
419	8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.874.279.135	6.837.754.904
420	9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		68.125.918.153	(128.080.050.574)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		8.786.105.000	6.395.211.277
432	1. Nguồn kinh phí		8.786.105.000	6.213.862.757
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	181.348.520
439	C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ		289.147.873.758	215.795.689.718
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.219.691.584.414	12.406.719.172.440

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	31/12/2014	22/07/2014
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	10.030.366.094	16.823.161.988
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	969.210.989	807.547.613
3. Ngoại tệ các loại		
- USD	2.203.379,79	2.785.657,65
- EUR	2.339,88	2.487,08
- BGP	437,00	437,00

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY
Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 22/07/2014 đến ngày 31/12/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 22/07/2014	Từ 01/01/2014
			đến 31/12/2014	đến 21/07/2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	4.473.853.610.183	3.673.601.710.389
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	81.964.136.271	56.765.374.180
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	4.391.889.473.912	3.616.836.336.209
11	4. Giá vốn hàng bán	28	3.468.239.577.996	2.948.923.198.514
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		923.649.895.916	667.913.137.695
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	23.373.341.069	15.756.511.890
22	7. Chi phí tài chính	30	108.153.197.589	139.193.282.047
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>89.043.511.954</i>	<i>131.004.806.939</i>
24	8. Chi phí bán hàng	31	263.432.599.058	226.635.198.391
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	254.039.322.149	164.651.859.134
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		321.398.118.189	153.189.310.013
31	11. Thu nhập khác	33	40.455.274.116	54.402.233.555
32	12. Chi phí khác	34	48.738.229.089	75.195.987.053
40	13. Lợi nhuận khác		(8.282.954.973)	(20.793.753.498)
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		10.269.566.931	(2.060.859.757)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		323.384.730.147	130.334.696.758
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35.1	64.023.686.331	28.666.514.696
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35.2	(247.728.846)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		259.608.772.662	101.668.182.062
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		49.113.677.616	23.452.588.083
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		210.495.095.046	78.215.593.979
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	799	

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 22/07/2014 đến ngày 31/12/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 22/07/2014	Từ 01/01/2014
			đến 31/12/2014	đến 21/07/2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		5.123.042.164.388	4.189.912.079.852
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(3.858.518.306.100)	(2.911.636.392.401)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(402.769.427.252)	(392.921.356.610)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(100.782.454.698)	(118.244.760.213)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(45.273.786.206)	(61.846.404.412)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		99.125.984.923	66.113.525.008
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(283.962.574.378)	(243.076.000.170)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		530.861.600.677	528.300.691.054
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(143.047.679.217)	(125.313.460.938)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		17.658.103.251	21.275.019.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(141.649.094)	(10.300.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12.000.000.000	1.300.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(104.119.960)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22.450.152.624	9.894.499.235
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(91.185.192.396)	(103.143.942.612)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	228.238.911.613
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.823.380.686.722	1.733.291.607.768
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.039.656.000.244)	(2.157.018.421.479)
35	4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(8.214.887.242)	(5.344.539.187)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(224.490.200.764)	(200.832.441.285)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 22/07/2014 đến ngày 31/12/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 22/07/2014	Từ 01/01/2014
			đến 31/12/2014	đến 31/07/2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		215.186.207.517	224.324.307.157
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		810.974.355.340	586.486.503.212
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		214.467.923	163.544.971
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.026.375.030.780</u>	<u>810.974.355.340</u>

Người lập biểu

Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng

Trần Thị Minh Loan

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2015



TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY
Nguyễn Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 22/07/2014 đến ngày 31/12/2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Viglacera - CTCP trước đây là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 991/BXD - TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo văn bản số 903/TTg-ĐMDN ngày 07/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 491/HUD-HĐTV ngày 30/06/2011 của Hội Đồng thành viên Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô Thị. Ngày 02/12/2013, tại quyết định số 2343/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Tổng Công ty Viglacera thành công ty cổ phần. Căn cứ vào kết quả chào bán cổ phần, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 24/06/2014 điều chỉnh lại phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Viglacera.

Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là Công ty cổ phần số 0100108173 ngày 22/07/2014. Do vậy, giai đoạn từ ngày 22/07/2014 đến ngày 31/12/2014 là kỳ kế toán đầu tiên của Tổng Công ty Viglacera - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 16 và 17 Tòa nhà Viglacera - Số 01 Đại lộ Thăng Long - Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

Tên đơn vị	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Viglacera	Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Sứ Viglacera Bình Dương	Bình Dương	Sản xuất, kinh doanh sứ vệ sinh và phụ kiện
Công ty Kính nổi Viglacera	Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh kính nổi
Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera	Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera	Bắc Ninh	Kinh doanh bất động sản
Công ty Thi công Cơ giới Viglacera	Bắc Ninh	Đầu tư, xây dựng các công trình, dự án bất động sản
Công ty Xây dựng Viglacera	Bắc Ninh	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Sen vòi Viglacera	Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh thiết bị vệ sinh
Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera	Hà Nội	Nghiên cứu và phát triển Công nghệ
Trường Cao đẳng nghề Viglacera	Bắc Ninh	Đào tạo nghề

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 bao gồm :

Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Viglacera Thăng Long	Vĩnh Phúc	51,07%	51,07%	Sản xuất và kinh doanh gạch men
Công ty CP Bao bì & Má phanh Viglacera	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh bao bì, má phanh
Công ty CP Viglacera Bá Hiến	Vĩnh Phúc	52,64%	52,64%	Sản xuất và kinh doanh gạch

Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Viglacera Từ Liêm	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Đông Anh	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Tư vấn Viglacera	Hà Nội	80,41%	80,41%	Lập dự án, thiết kế các công trình
Công ty CP Việt Trì Viglacera	Phú Thọ	97,47%	97,47%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh
Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	Bắc Ninh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh kính
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Viglacera	Hà Nội	52,72%	52,72%	Xây dựng
Công ty CP Viglacera Hữu Hưng	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Tiên Sơn	Bắc Ninh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch men
Công ty CP Thương mại Viglacera	Hà Nội	78,64%	78,64%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Viglacera Vân Hải	Quảng Ninh	60,00%	60,00%	Khai thác và kinh doanh cát
Công ty CP Khoáng sản Viglacera	Yên Bái	51,00%	51,00%	Khai thác và kinh doanh khoáng sản
Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	Hà Nội	62,96%	62,96%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh
Công ty CP Viglacera Hạ Long	Quảng Ninh	50,48%	50,48%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Hà Nội	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch men
Công ty CP Bê tông khí Viglacera	Bắc Ninh	89,73%	89,73%	Sản xuất gạch chịu áp
Công ty CP Vinafacade	Hà Nội	53,01%	53,01%	Kinh doanh, lắp dựng kính xây dựng
Công ty CP Gạch Clinke Viglacera	Quảng Ninh	50,42%	99,87%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Đông Triều	Quảng Ninh	67,47%	67,47%	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	Hà Nội	51,02%	51,02%	Kinh doanh gạch men

Tổng Công ty có các công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 bao gồm :

Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)
 Công ty CP Viglacera Từ Sơn
 Công ty CP Viglacera Hạ Long I
 Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera
 Công ty CP Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết của Tổng Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 14.

Ngành nghề kinh doanh

Thẻ Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100108173 đăng ký lần đầu ngày 01/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22/07/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, gồm:
 - o Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
 - o Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;

- Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;
- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu:
 - Tư vấn về môi trường (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
 - Tư vấn chuyên giao công nghệ;
 - Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sản xuất, thực hiện các dịch vụ thí nghiệm, thử nghiệm nguyên liệu, vật liệu xây dựng;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Kinh doanh nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị;
- Kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; Các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh;
- Sản xuất các chủng loại vật liệu xây dựng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến thế, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị thi công và dịch vụ vận tải;
- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ và công nhân kỹ thuật, công nhân sản xuất vật liệu xây dựng; đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Đưa người Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép số 253/LĐTBXH-GP ngày 06/01/2011 của Bộ Lao động - Thương Binh - Xã hội);
- Dịch vụ nhà hàng (không bao gồm quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Khách sạn (không bao gồm quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ thể thao, vui chơi giải trí;
- Dịch vụ siêu thị;
- Xuất nhập khẩu các chủng loại vật liệu xây dựng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Dịch vụ sản giao dịch bất động sản (chỉ hoạt động định giá bất động sản tại sản giao dịch); Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Lập dự án đầu tư xây dựng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng trong kỳ kế toán này, do Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 22/07/2014. Do đó, kỳ kế toán này của Tổng Công ty được bắt đầu từ ngày 22/07/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Tổng Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5. Góp vốn liên doanh

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.7. Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.9. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.10. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và đích danh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động xây dựng được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động sản xuất được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế hoặc chi phí nguyên vật liệu thực tế còn tồn trong công đoạn sản xuất.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Dây chuyền kính cán vôn hoa công suất 120 tấn/ngày tại Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu (Công ty con) đang tạm dừng sản xuất. Từ ngày 01/07/2012, Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu đã ngừng việc trích khấu hao của Tài sản cố định này. Nếu tiếp tục trích khấu hao thì số khấu hao cần trích từ thời điểm 01/07/2012 đến 31/12/2014 là 28.259 triệu VND (Trong đó khấu hao lũy kế tính tới thời điểm 31/12/2013 là: 17.097 triệu VND, khấu hao năm 2014 là 11.162 triệu VND).

Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn (công ty con) trích khấu hao nhanh từ 1,5 lần đến 1,65 lần so với với phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với các thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất. Do đó chi phí khấu hao năm 2014 ghi nhận nhiều hơn vào kết quả hoạt động kinh doanh so với mức khấu hao nếu áp dụng theo tỷ lệ khấu hao của năm 2013 là 12.184 triệu VND.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

2.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình giao khoán cho các đội, Xí nghiệp trực thuộc các Công ty được ghi nhận khi hồ sơ nghiệm thu công việc hoàn thành hoặc Quyết toán được phê duyệt.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình thuê ngoài thi công được ghi nhận khi có quyết toán khối lượng xây dựng hoàn thành giữa các Công ty với nhà thầu hoặc có hóa đơn do nhà thầu phát hành. Đối với công trình, hạng mục hoàn thành đưa vào sử dụng, giá trị khối lượng xây dựng đã hoàn thành nhưng chưa được nghiệm thu, lập hồ sơ quyết toán sẽ được tạm trích trước chi phí và theo dõi trên khoản mục "Chi phí phải trả".

2.14. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Tổng Công ty.

2.15. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khác.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt tội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.17. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.18. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả về Chi phí xây dựng các công trình bất động sản đã ghi nhận doanh thu là chênh lệch giữa chi phí ước tính căn cứ theo tỷ lệ lãi gộp dự kiến của dự án theo phương án đầu tư được phê duyệt và chi phí thực tế của công trình/dự án đã tập hợp được đến thời điểm ghi nhận doanh thu.

Chi phí phải trả về tiền bảo dưỡng các khu công nghiệp được trích trước căn cứ theo giá trị dự toán của các hạng mục công trình cần thực hiện theo kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng.

Chi phí phải trả về chi phí xây dựng các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng là chênh lệch giữa giá trị dự toán của công trình và chi phí xây dựng công trình đã tập hợp đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Các chi phí này được điều chỉnh khi quyết toán công trình được Tổng Công ty phê duyệt.

2.19. Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch đánh giá lại tài sản phát sinh từ việc điều chỉnh lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết do đã bị đánh giá tăng khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và khi đánh giá lại tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.21. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.22. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Đối với Bất động sản mà Tổng Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang cho người mua. Đối với Bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Tổng Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành khối lượng công việc xây dựng được quy định trong các hợp đồng mua bán.

Doanh thu cho thuê bất động sản, hạ tầng

Doanh thu cho thuê Bất động sản, hạ tầng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng căn cứ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thông qua các biên bản nghiệm thu, quyết toán, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng và được phản ánh trên các hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp các dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24. Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

2.25. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Tiền mặt	17.958.205.226	18.117.887.118
Tiền gửi ngân hàng	390.337.631.566	217.454.219.142
Tiền đang chuyển	730.000.000	1.820.000.000
Các khoản tương đương tiền ^[1]	617.349.193.988	573.582.249.080
	<u>1.026.375.030.780</u>	<u>810.974.355.340</u>

^[1]Các khoản Tương đương tiền tại ngày 31/12/2014 là các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn trong vòng 3 tháng tại các tổ chức tín dụng trong nước.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	2.241.649.094	14.100.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	141.649.094	12.000.000.000
- Cho Công ty Cổ phần Giấy Tây Đô vay ^[1]	2.100.000.000	2.100.000.000
	<u>2.241.649.094</u>	<u>14.100.000.000</u>

^[1]Là khoản Công ty Cổ phần Bao bì Má phanh Viglacera (công ty con) cho Công ty Cổ phần Giấy Tây Đô vay với thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất cho vay trong năm thả nổi theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Từ Liêm.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	97.451.022	1.884.859.491
Phải thu người lao động	281.892.728	5.865.023.266
Phải thu khác	279.625.966.199	275.482.087.256
- Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.151.588.732	1.681.607.760
- Phải thu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Viglacera	2.006.710.000	2.962.000.000
- Phải thu về tiền thuế Giá trị gia tăng	494.351.268	919.380.793
- Phải thu về tiền thuế Thu nhập cá nhân	1.471.498.974	1.829.444.566
- Phải thu về tiền nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	3.871.591.406	906.628.096
- Phải thu về phần vượt quyết toán công trình	5.505.727.384	1.936.206.646
- Phải thu Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Viglacera	3.000.000.000	3.000.000.000
- Phải thu về Tiền thuê đất phải thu UBND tỉnh Quảng Ninh	4.477.850.705	4.477.850.705
- Phải thu về tiền bán hàng và hàng gửi bán	847.024.356	858.931.438
- Phải thu khách hàng mua nhà dự án Xuân Phương	2.835.082.238	2.792.681.831
- Phải thu về chi phí đền bù GPMB Khu đô thị Yên Phong	49.126.531.949	49.126.531.949
- Phải thu về tiền đền bù được trừ vào tiền thuê đất phải nộp	145.145.722.854	145.145.722.854
- Phải thu Nhà máy Gạch Yên Phong tiền than	-	2.139.484.352
- Phải thu tiền tạm ứng của CBNV đã nghỉ việc	3.869.421.042	2.725.704.303
- Phải thu về tiền lương chi vượt	8.433.272.100	9.564.009.481
- Công nợ phải thu khách hàng tồn đọng khó thu hồi	6.841.820.480	6.841.820.480
- Dự thu tiền nước sạch, nước thải, tiền điện, thuê văn phòng tại Khu đô thị, Khu công nghiệp	8.738.855.817	12.093.437.923
- Phải thu tiền chi cho đề tài khoa học Bé tông khí	2.989.757.317	81.479.662
- Phải thu CBCNV tiền mua cổ phần Tổng Công ty Viglacera	98.965.599	487.070.000
- Phải thu do cắt giảm chi phí các công trình theo kết quả Kiểm toán Nhà nước năm 2013	914.198.296	927.710.136
- Phải thu khác	27.805.995.682	24.984.384.281
	280.005.309.949	283.231.970.013

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	1.153.857.927
Nguyên liệu, vật liệu	406.919.438.894	335.870.204.811
Công cụ, dụng cụ	70.984.131.674	72.960.189.142
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.266.752.535.493	2.079.313.945.675
Thành phẩm	554.837.170.801	633.657.745.129
Hàng hoá	51.108.961.755	58.200.309.306
Hàng gửi đi bán	22.876.409.690	33.695.661.414
Hàng hoá bất động sản	314.913.103.754	338.729.096.669
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(23.243.188.700)	(23.493.186.221)
	3.665.148.563.361	3.530.087.823.852

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 279.072.175.805 VND.

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	10.429.003.127	5.816.708.744
Thuế xuất, nhập khẩu	101.917.599	315.934.485
Thuế thu nhập doanh nghiệp	169.923.163	393.401.327
Thuế thu nhập cá nhân	231.939.819	262.155.703
Các khoản khác phải thu Nhà nước	3.431.697	108.548.747
	10.936.215.405	6.896.749.006

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Tạm ứng	55.299.952.772	49.989.007.674
Tài sản thiếu chờ xử lý	610.885.455	1.150.410.179
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.342.789.224	3.146.296.470
	67.253.627.451	54.285.714.323

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	2.395.589.125.911	3.380.879.981.150	182.718.344.962	19.049.089.942	11.030.186.553	5.989.266.728.518
Số tăng trong kỳ	109.941.263.897	48.954.988.046	13.695.068.886	374.360.000	-	172.965.680.829
- Mua trong kỳ	15.258.359.184	21.218.674.656	263.636.364	374.360.000	-	37.115.030.204
- Đầu tư XDCB hoàn thành	94.591.721.784	17.434.345.561	-	-	-	112.026.067.345
- Mua lại TSCĐ thuê Tài chính	-	10.261.058.735	13.431.432.522	-	-	23.692.491.257
- Tăng do phân loại lại	91.182.929	40.909.094	-	-	-	132.092.023
Số giảm trong kỳ	(108.475.450)	(13.985.153.883)	(793.395.093)	(118.322.729)	(101.257.143)	(15.106.604.298)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.084.383.194)	(793.395.093)	(32.000.000)	-	(12.909.778.287)
- Giảm do phân loại lại	(40.909.094)	(91.182.929)	-	-	-	(132.092.023)
- Giảm khác	(67.566.356)	(1.809.587.760)	-	(86.322.729)	(101.257.143)	(2.064.733.988)
Số dư cuối năm	2.505.421.914.358	3.415.849.815.313	195.620.018.755	19.305.127.213	10.928.929.410	6.147.125.805.049
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	887.076.188.612	2.082.422.093.949	120.356.199.245	12.302.401.615	4.678.879.833	3.106.835.763.254
Số tăng trong kỳ	64.053.046.138	93.056.606.938	15.505.976.837	1.166.300.886	512.430.482	174.294.361.280
- Khấu hao trong kỳ	64.029.429.565	87.925.974.451	7.457.706.992	1.166.300.886	512.430.482	161.091.842.375
- Mua lại TSCĐ thuê Tài chính	-	5.130.632.487	8.048.269.845	-	-	13.178.902.332
- Tăng do phân loại lại	23.616.573	-	-	-	-	23.616.573
Số giảm trong kỳ	-	(5.188.121.471)	(793.395.093)	(82.321.010)	(81.005.708)	(6.144.843.282)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.442.203.272)	(793.395.093)	(32.000.000)	-	(5.267.598.365)
- Giảm do phân loại lại	-	(23.616.573)	-	-	-	(23.616.573)
- Giảm khác	-	(722.301.626)	-	(50.321.010)	(81.005.708)	(853.628.344)
Số dư cuối năm	951.129.234.750	2.170.290.579.416	135.068.780.989	13.386.381.491	5.110.304.607	3.274.985.281.252
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	1.508.512.937.299	1.298.457.887.201	62.362.145.717	6.746.688.327	6.351.306.720	2.882.430.965.264
Tại ngày cuối năm	1.554.292.679.609	1.245.559.235.896	60.551.237.766	5.918.745.722	5.818.624.803	2.872.140.523.797

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.330.291.039.165 VND;

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 686.880.038.058 VND.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	44.332.613.579	24.429.730.181	68.762.343.760
Số tăng trong kỳ	5.629.185.610	2.896.273.637	8.525.459.247
- Thuê tài chính trong năm	5.629.185.610	2.896.273.637	8.525.459.247
Số giảm trong kỳ	(10.261.058.735)	(13.425.482.522)	(23.686.541.257)
- Giảm do mua lại TSCĐ thuê Tài chính	(10.261.058.735)	(13.425.482.522)	(23.686.541.257)
Số dư cuối năm	39.700.740.454	13.900.521.296	53.601.261.750
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	15.118.049.602	9.773.173.999	24.891.223.601
Số tăng trong kỳ	1.624.831.923	2.038.529.125	3.663.361.048
- Khấu hao trong kỳ	1.624.831.923	2.038.529.125	3.663.361.048
Số giảm trong kỳ	(5.130.632.487)	(8.078.237.782)	(13.208.870.269)
- Giảm do mua lại TSCĐ thuê Tài chính	(5.130.632.487)	(8.078.237.782)	(13.208.870.269)
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	11.612.249.038	3.733.465.342	15.345.714.380
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	29.214.563.977	14.656.556.182	43.871.120.159
Tại ngày cuối năm	28.088.491.416	10.167.055.954	38.255.547.370

II. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Giá trị thương hiệu, Nhãn hiệu hàng hóa		Phần mềm máy vi tính		Chi phí đền bù san lấp mặt bằng		Tài sản cố định vô hình khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu kỳ	627.324.608.827	44.173.000.000	7.773.740.808	28.446.087.957	3.331.211.610	711.048.649.202						
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	(538.654.629.998)	-	-	-	-	(538.654.629.998)						
- <i>Giảm do kết chuyển vào chi phí dự án ⁽¹⁾</i>	(538.654.629.998)	-	-	-	-	(538.654.629.998)						
Số dư cuối năm	88.669.978.829	44.173.000.000	7.773.740.808	28.446.087.957	3.331.211.610	172.394.019.204						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu kỳ	10.987.460.248	34.511.024.106	6.456.439.783	4.915.932.959	1.044.898.761	57.915.755.857						
Số tăng trong kỳ	436.361.435	2.556.998.815	175.964.969	291.240.901	21.900.564	3.482.466.684						
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	436.361.435	2.556.998.815	175.964.969	291.240.901	21.900.564	3.482.466.684						
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-						
Số dư cuối năm	11.423.821.683	37.068.022.921	6.632.404.752	5.207.173.860	1.066.799.325	61.398.222.541						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu kỳ	616.337.148.579	9.661.975.894	1.317.301.025	23.530.154.998	2.286.312.849	653.132.893.345						
Tại ngày cuối năm	77.246.157.146	7.104.977.079	1.141.336.056	23.238.914.097	2.264.412.285	110.995.796.663						

⁽¹⁾Tại Công ty Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Viglacera (Công ty hạch toán phụ thuộc), tiền sử dụng đất được kết chuyển vào giá vốn của các Dự án theo phương án kinh doanh ban đầu bao gồm: Dự án Khu Đô thị Đặng Xá 2 là: 377.944.205.987 VND; Dự án 671 Hoàng Hoa Thám giai đoạn II là: 39.026.584.011 VND; Dự án 671 Hoàng Hoa Thám giai đoạn III là: 101.754.240.000 VND; Khu chung cư dịch vụ Khu công nghiệp Tiên Sơn là: 19.929.600.000 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 69.168.555.301 VND.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	589.496.541.285	410.140.072.260
Khối công ty con	209.379.899.862	197.112.047.878
Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến	133.408.404	-
Công ty Cổ phần Kính Đáp Cầu	563.804.644	563.804.644
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh	641.100.043	46.368.378
Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	496.526.931	-
Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải	616.254.939	548.173.121
Công ty Cổ phần Gạch men Viglacera Thăng Long	9.982.760.603	9.982.760.603
Công ty Cổ phần Viglacera Hữu Hưng	460.423.053	476.205.628
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Viglacera	21.253.938.029	19.224.511.212
- Dự án Tòa nhà hỗn hợp Văn phòng và Nhà ở	21.253.938.029	19.224.511.212
Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera	71.925.467	65.901.468
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	10.191.317.100	-
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	43.924.183.831	45.457.179.302
- Công trình nhà máy gạch Tiêu Giao	50.188.182	10.062.996.393
- Công trình nhà máy gạch Hoàn Bô	1.444.603.716	2.124.534.392
- Chi phí mở sét Kim Sen	15.674.757.514	6.998.738.531
- Dự án Hoàn Bô	26.754.634.419	25.433.510.880
- Các công trình khác	-	837.399.106
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm	17.220.000	911.443.807
Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	670.619.102	3.562.135.754
Công ty Cổ phần Bê tông Khí Viglacera	3.385.720.835	673.034.157
Công ty Cổ phần Gạch Clinker Viglacera	93.782.979.482	92.457.174.503
- Dự án nhà máy gạch Clinker Viglacera ⁽¹⁾	93.782.979.482	92.457.174.503
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	23.187.717.399	23.143.355.301
- Công trình lắp hồ Nhà máy Đông Triều I	7.690.521.827	7.690.521.827
- Chi phí chạy thử đầu tư chiều sâu Nhà máy Đông Triều I	15.367.710.347	15.367.710.347
- Các công trình khác	129.485.225	85.123.127
Khối Công ty mẹ	380.116.641.423	213.028.024.382
Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Viglacera	336.237.086.451	170.104.391.788
- Dự án khu công nghiệp và đô thị Yên Phong	48.880.454.559	86.883.783.927
- Dự án khu đô thị Hải Yên	31.459.174.583	30.748.289.934
- Khu công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh giai đoạn I và II	13.834.413.749	13.844.643.862
- Dự án Giai đoạn III 671 Hoàng Hoa Thám	199.309.488.559	4.588.308.012
- Dự án KCN Yên Phong mở rộng	3.833.393.364	3.805.648.364
- Dự án Khu chung cư dịch vụ Khu công nghiệp Tiên Sơn	15.722.418.518	20.484.800.000
- Trạm nước sạch Giai đoạn II - Khu công nghiệp Tiên Sơn	-	2.274.230.314
- Trạm XL 5000m ³ (10.000m ³ -GD2) Yên Phong	10.149.987.545	-
- Dự án Khu công nghiệp Đông Mai	6.498.698.183	6.262.631.240
- Các công trình khác	6.549.057.391	1.212.056.135

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (Tiếp theo)

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Công ty Sứ Viglacera Bình Dương	28.644.943	62.106.868
Công ty Kính nổi Viglacera	260.314.371	-
Công ty Hạ tầng và Đô thị Viglacera	2.483.426.131	2.951.006.562
Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera	1.017.559.454	-
Công ty Xây dựng Viglacera	39.079.310.929	38.900.220.020
- Khu đô thị Yên Phong	38.984.635.839	38.805.544.930
- Cụm nhà xưởng cho thuê số 3	94.675.090	94.675.090
Trường Cao đẳng Nghề Viglacera	1.010.299.144	1.010.299.144
Mua sắm tài sản cố định	1.591.614.034	3.783.200.514
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	-	12.000.000
Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	1.591.614.034	1.591.614.034
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	-	2.179.586.480
Sửa chữa lớn tài sản cố định	819.150.721	2.740.956.747
Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến	-	2.272.728
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Anh	118.972.778	232.866.675
Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera	-	50.605.000
Công ty CP Viglacera Hạ Long	-	637.881.600
Công ty CP Bê tông Khí Viglacera	45.955.635	-
Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều	54.485.486	141.116.900
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm	133.889.049	614.155.019
Công ty Cổ phần Viglacera Hữu Hưng	-	224.569.321
Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì	465.847.773	837.489.504
	591.907.306.040	416.664.229.521

¹⁾ Dự án đầu tư (điều chỉnh) Nhà máy gạch Clinker Viglacera công suất 2 triệu m²/năm (Giai đoạn 1):

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Gạch Clinker Viglacera.
- Mục tiêu: Sản xuất sản phẩm gạch lát và tấm ốp Cotto chất lượng cao từ đất sét nung bằng công nghệ tiên tiến; từng bước mở rộng sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực mới, sản xuất các sản phẩm tiềm năng là gạch ốp lát Clinker cao cấp, đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Công suất: Giai đoạn 1 là 2 triệu m²/năm gạch lát, tấm ốp Cotto; Giai đoạn 2 căn cứ vào tình hình thị trường sẽ quyết định đầu tư bổ sung 01 dây chuyền thanh lăn công suất 2 triệu m²/năm, nâng tổng công suất lên 4 triệu m²/năm.
- Tổng mức đầu tư cố định điều chỉnh: 256.305.418.000 VND được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu là 128,263 tỷ VND và vốn vay tín dụng thương mại là 128,041 tỷ VND.
- Thời gian thực hiện dự án là 270 ngày kể từ ngày Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án.
- Toàn bộ chi phí hình thành từ dự án đang được thế chấp cho khoản vay của Công ty Cổ phần Gạch Clinker tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long.

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	53.779.820.175	590.205.224.956	1.403.554.708.723	2.047.539.753.854
Số tăng trong kỳ	19.359.116.168	156.526.364	38.425.185.519	57.940.828.051
- Tăng từ Đầu tư xây dựng cơ bản	19.359.116.168	156.526.364	38.425.185.519	57.940.828.051
Số giảm trong kỳ	-	(14.945.595.337)	-	(14.945.595.337)
- Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(8.897.549.622)	-	(8.897.549.622)
- Giảm do phê duyệt quyết toán	-	(6.048.045.715)	-	(6.048.045.715)
Số dư cuối năm	73.138.936.343	575.416.155.983	1.441.979.894.242	2.090.534.986.568
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.801.682.120	104.612.465.696	157.273.664.158	263.687.811.974
Số tăng trong kỳ	1.070.851.041	14.077.854.618	13.185.017.850	28.333.723.509
- Khấu hao trong kỳ	1.070.851.041	14.077.854.618	13.185.017.850	28.333.723.509
Số giảm trong kỳ	-	(2.914.984.500)	-	(2.914.984.500)
- Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(2.914.984.500)	-	(2.914.984.500)
Số dư cuối năm	2.872.533.161	115.775.335.814	170.458.682.008	289.106.550.983
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	51.978.138.055	485.592.759.260	1.246.281.044.565	1.783.851.941.880
Tại ngày cuối năm	70.266.403.182	459.640.820.169	1.271.521.212.234	1.801.428.435.585

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Công ty liên kết tại Công ty mẹ - Tổng Công ty	205.432.033.098	194.627.505.850
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	181.481.054.390	172.118.777.474
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	11.320.256.582	11.147.088.131
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	4.848.524.023	4.776.638.905
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	6.715.595.055	5.931.630.927
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	1.066.603.048	653.370.413
Công ty liên kết tại Công ty con	726.185.000	726.185.000
Công ty Cổ Phần Viglacera Delta ^[1]	500.000.000	500.000.000
Công ty Mango GmbH ^[1]	226.185.000	226.185.000
	206.158.218.098	195.353.690.850

^[1]Các khoản đầu tư này do các công ty con là: Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu và Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera thực hiện nên việc kiểm soát các Công ty này là hạn chế. Vì vậy, Tổng Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư này theo phương pháp vốn chủ sở hữu mà đang phản ánh các khoản đầu tư này theo phương pháp giá gốc.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Bắc Ninh	29,28%	29,28%	Sản xuất và kinh doanh kính
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Bắc Ninh	24,93%	24,93%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Quảng Ninh	26,00%	26,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Hà Nội	26,15%	26,15%	Kinh doanh xuất nhập khẩu
Công ty CP Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Hà Nội	25,00%	25,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch chịu lửa
Công ty Cổ Phần Viglacera Delta	Bắc Ninh	10,20%	20,00%	Sản xuất cấu kiện kim loại và Plastic, cửa an toàn ...
Công ty Mango GmbH	CH Liên Bang Đức	23,59%	30,00%	Thương mại

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viglacera Hợp Thịnh	1.305.017.929	1.305.017.929
Công ty Cổ phần Giấy Tây Đô	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Cầu Xây	1.294.497.242	1.294.497.242
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Viglacera Land	353.167.173	353.167.173
Công ty Cổ phần Gương Gò Vấp	520.000.000	520.000.000
Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc ^[1]	5.758.303.953	5.654.183.993
Tiền gửi có kỳ hạn của Trường Cao đẳng nghề Viglacera	82.300.000	82.300.000
Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	100.000.000	100.000.000
	10.463.286.297	10.359.166.337

^[1]Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 282031000019 ngày 16/12/2010 của Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc: Vốn điều lệ là 25 tỷ VND. Trong đó, Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm (công ty con) góp 16,5 tỷ VND; tương đương 66% vốn điều lệ. Vốn góp của Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm tại công ty này là 5.146.303.953 VND, chiếm 89,37% vốn thực góp tại thời điểm 31/12/2014. Do Công ty Cổ phần Can Lộc đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng và việc kiểm soát Công ty này là hạn chế và chỉ được thực hiện gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm nên Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty này như là Công ty con của Tổng công ty. Khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm vào Công ty này được phân loại là Đầu tư dài hạn khác.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	426.645.966.522	103.817.528.561
Số tăng trong kỳ	31.180.363.167	366.577.851.523
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(64.307.475.472)	(43.749.413.562)
Giảm khác	(11.878.694.453)	-
Số dư cuối năm	381.640.159.764	426.645.966.522

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Chi phí thuê hạ tầng	4.341.105.100	-
Chi phí cải tạo, sửa chữa	1.430.025.825	1.630.794.632
Chi phí đền bù vùng nguyên liệu Trảng An, Đầm Hà	3.967.050.380	2.899.787.547
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.342.077.819	17.490.211.096
Chi phí ban đầu của các mỏ đất sét	10.563.034.144	7.924.199.813
Giá trị thương hiệu và lợi thế mỏ sét	1.695.418.102	3.361.851.362
Chi phí thuê nhà xưởng, máy móc gia công samot	4.466.666.672	5.583.333.334
Chi phí trả trước tiền thuê đất	13.325.896.604	13.481.420.612
Quyền sử dụng đất dài hạn	-	1.470.849.165
Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại Công ty mẹ ^[1]	288.541.861.700	308.905.295.829
Chi phí đầu tư xây dựng tổ hợp VP TM Viglacera Mễ tri - Hà Nội	3.911.513.203	-
Chi phí cơ sở hạ tầng	668.071.554	676.581.665
Giá trị thương hiệu của các công ty con chờ phân bổ	2.217.047.245	2.904.111.369
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	19.464.610.089	27.959.247.667
Chi phí bóc đất mỏ Phai Hạ, Hồ Xanh	3.328.587.154	3.612.275.432
Giá trị Lợi thế thương mại mỏ Phai Hạ, Hồ Xanh	770.586.891	935.712.654
Chi phí trang bị nội thất cho thuê Ngã 6 - Bắc Ninh	2.330.213.765	2.330.213.765
Chi phí hạ tầng Dự án Tây Mỗ	-	11.878.694.453
Chi phí trợ cấp mất việc làm chờ phân bổ	3.916.067.547	6.518.175.515
Chi phí gạch vỡ từ 2010 - 2012 chờ phân bổ	-	575.033.261
Chi phí trong giai đoạn ngừng sản xuất chờ phân bổ	-	632.546.862
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.360.325.970	5.875.630.489
Số dư cuối năm	381.640.159.764	426.645.966.522

^[1] Là giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty mẹ được đánh giá khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hướng dẫn của Thông tư số Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011. Trong đó bao gồm: Tiềm năng phát triển của doanh nghiệp được phân bổ trong thời gian 10 năm và giá trị thương hiệu được phân bổ trong thời gian 3 năm.

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.538.492.260	5.884.648.026
Số tăng trong kỳ	-	1.483.741.191
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(346.155.766)	(1.829.896.957)
Số dư cuối năm	5.192.336.494	5.538.492.260

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	957.189.437.819	1.086.610.147.021
- Tại Công ty mẹ	295.229.264.155	345.427.943.905
- Tại các Công ty con	661.960.173.664	741.182.203.116
Vay ngắn hạn cá nhân	66.214.292.002	99.468.074.692
- Tại Công ty mẹ	202.537.500	1.619.000.000
- Tại các Công ty con	66.011.754.502	97.849.074.692
Nợ dài hạn đến hạn trả	491.524.560.529	245.587.614.973
- Tại Công ty mẹ	372.185.040.245	154.038.264.639
- Tại các Công ty con	119.339.520.284	91.549.350.334
	1.514.928.290.350	1.431.665.836.686

Chi tiết đối tượng cho vay ngắn hạn:

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	957.189.437.819	1.086.610.147.021
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	-	16.353.328.897
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	141.905.250.668	137.173.889.618
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	259.504.962.220	317.871.808.585
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	321.022.770.500	325.751.849.555
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	199.510.153.260	222.980.815.662
- Ngân hàng TMCP Quân đội	12.592.930.750	11.006.748.221
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	6.987.999.911	10.400.999.911
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	11.583.409.920	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế	941.799.589	1.883.799.589
- Ngân hàng TMCP Đại Dương	3.140.161.001	43.186.906.983
Vay ngắn hạn cá nhân	66.214.292.002	99.468.074.692
Nợ dài hạn đến hạn trả	491.524.560.529	245.587.614.973
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	24.166.551.814	20.991.744.057
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	150.486.002.775	73.475.431.442
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	56.258.540.400	46.718.271.684
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	13.257.198.924	2.455.059.776
- Ngân hàng TMCP Quân đội	3.309.456.000	426.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	3.564.000.000	552.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại Dương	200.000.000.000	60.000.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	14.448.024.000	7.224.012.000
- Quỹ bảo vệ môi trường	2.420.480.000	2.420.480.000
- Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp	-	7.500.000.000
- Công ty cho thuê tài chính NH TMCP Công thương Việt Nam	4.526.523.916	2.015.383.918
- Công ty cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.027.234.077	3.967.162.997
- Các cá nhân	16.060.548.623	17.842.069.099
	1.514.928.290.350	1.431.665.836.686

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	189.042.351.272	152.623.012.709
Thuế thu nhập doanh nghiệp	94.717.331.613	76.190.909.652
Thuế thu nhập cá nhân	9.217.099.197	10.290.638.256
Thuế tài nguyên	2.998.197.469	2.780.511.808
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	560.962.849.880	908.170.568.312
Các loại thuế khác	8.441.739.946	11.888.918.906
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	17.167.893.162	20.844.720.918
	882.547.462.539	1.182.789.280.561

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay phải trả	105.844.231.427	104.228.493.292
Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	492.085.930	11.206.590.530
Trích trước chi phí các dự án, công trình xây dựng	780.098.727.621	986.952.627.869
Trích trước chi phí bảo dưỡng hạ tầng các khu công nghiệp	56.100.457.277	77.162.749.406
Trích trước chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp	152.666.802.871	380.026.194.944
Chi phí hỗ trợ lãi vay đối với khách hàng dự án Mỹ Trì	50.670.042.201	57.940.530.002
Chi phí đền bù được trừ vào tiền thuê đất phải nộp	9.148.039.050	9.148.039.050
Trích trước chi phí hỗ trợ tiêu thụ và hội nghị khách hàng	20.957.870.000	29.188.265.431
Trích trước chi phí vận chuyển	8.018.038.372	7.871.872.062
Trích trước chi phí chiết khấu bán hàng	10.172.495.107	8.658.179.669
Trích trước chi phí hoàn nguyên các mỏ sét	38.216.584.836	11.367.708.831
Tạm trích tiền thuê đất, phạt chậm nộp thuế chưa có thông báo	8.261.499.485	7.243.162.160
Trích trước các chi phí bán hàng	16.458.781.615	11.938.758.203
Chi phí thuê mặt bằng và dịch vụ công nghiệp	3.004.346.230	-
Lãi quá hạn tiền thu từ bán cổ phần	1.279.000.000	-
Trích trước chi phí Thuế Nhà thầu nước ngoài	1.356.622.902	-
Chi phí phải trả khác	29.459.094.600	18.674.032.483
	<u>1.292.204.719.524</u>	<u>1.721.607.203.932</u>

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	15.908.730
Kinh phí công đoàn	11.069.136.298	10.234.616.255
Bảo hiểm xã hội	29.089.264.034	39.210.500.483
Bảo hiểm y tế	2.107.464.442	9.245.284.987
Bảo hiểm thất nghiệp	725.169.937	2.282.181.310
Phải trả về cổ phần hóa	4.033.668.771	4.033.668.771
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.487.755.613	584.295.613
Các khoản phải trả, phải nộp khác	394.747.601.921	368.515.596.535
- Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính ITASCO ^[1]	29.362.458.915	30.157.149.409
- Phải trả các cá nhân góp vốn Dự án Xuân Phương ^[2]	71.172.934.709	78.470.705.841
- Phải trả về chi phí thi công công trình đã hoàn chứng từ	92.046.670.505	76.191.351.456
- Phải trả về Chiết khấu thương mại	8.225.939.297	6.970.694.480
- Phải trả về tiền thuế thu nhập cá nhân	1.012.732.862	801.707.046
- Phải trả về tiền phí bảo trì công trình chung cư	46.741.747.764	29.605.044.083
- Chi phí hỗ trợ bán hàng cho đại lý	23.913.711.425	21.201.568.453
- Phải trả về tiền cổ tức	1.650.367.159	5.305.142.944
- Phải trả Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Thanh	3.354.829.090	3.354.829.090
- Phải trả Công ty Cổ phần Địa ốc SKP	11.783.885.414	11.783.885.414
- Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội	8.048.312.439	8.048.312.439
- Phải trả về tiền thuế đất Khu công nghiệp Tiên Sơn	29.484.171.249	23.310.836.105
- Hoàn tạm ứng thừa của Cán bộ công nhân viên	7.698.480.234	9.033.864.588
- Phải trả về kinh phí đào tạo thu của CBCNV	1.504.267.022	1.504.267.022
- Phải trả tiền thanh lý hợp đồng nhà ở	3.038.586.929	-
- Phải trả về vật tư tạm nhập	-	1.312.535.205
- Phải trả về tiền lãi phải trả	13.891.634.752	13.633.046.685
- Tiền phạt chậm nộp bảo hiểm tỉnh Bắc Ninh	1.586.434.842	1.401.511.080
- Tiền ký gửi trách nhiệm	998.269.400	982.769.400
Phải trả cán bộ công nhân viên lãi tiền gửi ngân hàng	-	3.466.923.356
Phải trả tiền lãi khoản tiền gửi tiết kiệm về công ty cổ phần	-	979.132.274
Phải trả về tiền đặt cọc mua căn hộ	5.141.256.768	3.884.090.910
- Phải trả các đối tượng khác	34.090.911.146	37.116.229.255
	443.260.061.016	434.122.052.684

^[1]Phải trả Công ty ITASCO (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO) về khoản tạm phân chia lợi nhuận sau thuế của Dự án Khu chức năng Đô thị Tây Mỗ với tỷ lệ 50:50 theo quy định của Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

^[2]Khoản phải trả theo các hợp đồng vay ký giữa Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô Thị Viglacera và những đối tượng đăng ký mua nhà tại Dự án Khu chức năng đô thị Xuân Phương. Theo đó, Công ty Hạ tầng và Đô thị sẽ thanh toán tiền lãi vay cho các cá nhân với lãi suất là 1%/năm/số dư nợ vay sau khi hết hạn hợp đồng, trường hợp hợp đồng vay chuyển đổi thành hợp đồng mua bán sau khi Dự án thi công xong phần móng thì Công ty không phải trả bất cứ khoản lãi nào cho số tiền đã vay.

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.270.834.505	9.904.539.550
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Phú ^[1]	20.000.000.000	20.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	494.275.253	3.482.899.515
	31.765.109.758	33.387.439.065

^[1]Theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT ngày 14/4/2011 giữa Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera và Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghiệp Thiên Phú, hai bên thực hiện hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án trên lô đất 30.156 m² tại thôn Liên Cơ, xã Đại Mỹ, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Theo Cam kết thực hiện hợp tác đầu tư số 03b/CK/VIGLCERA-TP ngày 14/04/2011 thì ngay sau ký hợp đồng nguyên tắc, Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghiệp Thiên Phú thực hiện chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera với số tiền là 20 tỷ VND để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng.

23. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	803.847.615.101	1.137.624.003.415
- Tại Công ty mẹ	571.728.195.056	806.676.058.940
- Tại các Công ty con	232.119.420.045	330.947.944.475
Vay dài hạn đối tượng khác	105.424.565.718	90.665.253.416
- Tại Công ty mẹ	7.524.520.000	9.954.395.460
- Tại các Công ty con	97.900.045.718	80.710.857.956
Nợ dài hạn	84.011.406.065	72.746.984.481
Thuê tài chính	8.436.564.908	11.066.793.474
- Tại Công ty mẹ	1.350.157.566	1.042.162.562
- Tại các Công ty con	7.086.407.342	10.024.630.912
Nợ dài hạn khác	75.574.841.157	61.680.191.007
- Tại Công ty mẹ	69.892.176.989	55.997.526.839
- Tại các Công ty con	5.682.664.168	5.682.664.168
	993.283.586.884	1.301.036.241.312

Chi tiết theo đối tượng cho vay, nợ dài hạn:

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	803.847.615.101	1.137.624.003.415
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^[1]	75.131.109.505	93.027.622.305
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^[2]	461.788.972.902	480.428.928.951
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^[3]	63.099.132.414	126.768.487.670
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	20.810.464.939	33.238.849.148
- Ngân hàng TMCP Quân đội	2.800.000.000	6.109.456.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	30.257.568.078	33.642.268.078
- Ngân hàng TMCP Đại Dương ^[4]	113.840.298.924	313.840.298.924
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam ^[5]	36.120.068.339	50.568.092.339
Vay dài hạn các đối tượng khác	105.424.565.718	90.665.253.416
- Quỹ bảo vệ môi trường	6.764.520.000	9.194.395.460
- Viện Nghiên cứu Máy	760.000.000	760.000.000
- Các cá nhân ^[6]	97.900.045.718	80.710.857.956
Nợ dài hạn	84.011.406.065	72.746.984.481
- Nợ lãi vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh ^[7]	69.892.176.989	55.997.526.839
- Nợ ngân sách tỉnh Hải Dương ^[8]	5.682.664.168	5.682.664.168
- Công ty cho thuê tài chính NH TMCP Công thương Việt Nam	5.259.927.135	4.261.720.494
- Công ty cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.176.637.773	6.805.072.980
	993.283.586.884	1.301.036.241.312

^[1]Các hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có số dư lớn tại thời điểm cuối năm gồm:

Theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 31/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ cho toàn bộ dư nợ của Bên vay tại bên cho vay đến thời điểm 31/12/2013 theo các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 01/12/HM.NHNT.HN ngày 09/10/2012, phụ lục số 01 ngày 17/01/2013; Hợp đồng tín dụng số 01/13/TL/NHNT.HN ngày 01/04/2013; Hợp đồng tín dụng số 02/13/TL/NHNT.HN ngày 23/09/2013; Hợp đồng tín dụng số 03/13/TL/NHNT.HN ngày 12/11/2013 từ nợ vay ngắn hạn thành nợ vay trung hạn;
- Thời hạn trả nợ: 60 tháng kể từ ngày thực hiện cơ cấu nợ;
- Lãi suất cho vay thả nổi: bằng lãi suất huy động vốn tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội cộng 3,6%. Lãi suất cho vay được định kỳ điều chỉnh 3 tháng/1 lần kể từ ngày cơ cấu nợ;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản bao gồm 100.000 cổ phiếu phổ thông do Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera phát hành, 900.000 cổ phiếu phổ thông do Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera phát hành, TSCĐ trị giá 8.500.000.000 VND;
- Số dư nợ tại ngày 31/12/2014: 55.961.318.072 VND, trong đó nợ đến hạn trả là 14.000.000.000 VND.

^[2]Các hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có số dư lớn tại thời điểm cuối năm gồm:

Hợp đồng tín dụng số 02-2012/HĐTĐ-HT ngày 01/11/2012 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Tiên Sơn và Tổng Công ty Viglacera, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 511.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Đặng Xá 2 tại huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội;
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ lần nhận nợ đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: Áp dụng cho kỳ đầu tiên tính từ thời điểm kí HĐ tín dụng là 15%/ năm, Lãi suất của khoản vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất tính theo năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ là 5,5%/năm nhưng ko vượt quá trần lãi suất cho vay do Ngân hàng Nhà nước quy định;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản: Toàn bộ chi phí tiền sử dụng đất ; chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng hạ tầng , công trình kiến trúc nhà vườn , biệt thự tại các lô đất BT1;BT2; BT3; BT4; nhà cao tầng trên lô đất L06, đường giao thông hệ thống thoát nước mưa ; hệ thống thoát nước thải; hệ thống cây xanh ; hệ thống cấp nước; hệ thống điện trung thế; trạm biến áp TBA và cấp điện hạ thế sau trạm biến áp, trạm biến áp ; trạm xử lý nước thải ; hệ thống chiếu sáng ,... gắn liền với diện tích 390.226 m2 đất thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình khu đô thị mới Đặng Xá 2 tại các xã Đặng Xá, Cổ Bi; Phú Thị ; huyện Gia Lâm; thành phố Hà Nội;
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là: 139.956.311.191 VND. Trong đó Nợ đến hạn trả trong năm 2015 là 60.000.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 02-2013/HĐTDDA/NHCT- HT ngày 12/11/2013 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Khu Công nghiệp Tiên Sơn và Tổng Công ty Viglacera, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 118.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng công trình nhà ở cho người có thu nhập thấp tại lô đất NO5, khu đô thị mới Đặng Xá 2, Gia Lâm, Hà Nội;
- Thời hạn vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay: 6% đến hết năm 2013, các năm tiếp theo áp dụng theo lãi suất công bố của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời điểm của trương trình hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của chính phủ;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản bao gồm toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án đầu tư khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại lô đất NO5 khu Đô thị mới Đặng Xá 2, Gia Lâm, Hà Nội ;
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là: 80.000.000.000 VND. Trong đó Nợ đến hạn trả trong năm 2015 là 48.607.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HDDTDDDA/NHCT285-HT ngày 18/07/2014 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Tiên Sơn và Tổng Công ty Viglacera, với các điều khoản chi tiết như sau :

- Hạn mức tín dụng : 324.000.000.000 VND ;
- Mục đích vay : Thực hiện dự án đầu tư khu nhà ở xã hội tại các lô đất N01, N02, N03, N04, N06 tại Khu đô thị mới Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm, Hà Nội ;
- Thời hạn vay : 60 tháng ;
- Lãi suất cho vay : Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng cho đến hết ngày 31/12/2014 là 5%/năm. Các năm tiếp theo áp dụng lãi suất công bố của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ của chương trình cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ ;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay : Thế chấp tài sản bao gồm toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại các lô đất N01, N02, N03, N04, N06 Khu đô thị mới Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm, Hà Nội ;
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là: 174.497.569.996 VND. Trong đó Nợ đến hạn trả trong năm 2015 là 0 VND.

Hợp đồng tín dụng số 03-2011/HĐTĐ-Xuân Phương ngày 23/08/2011 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình và Tổng Công ty Viglacera, với các điều khoản cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 VND;
- Thời hạn trả nợ: 5 năm kể từ ngày giải ngân; Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi;

- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ xây dựng, thi công công trình: Nhà ở thấp tầng dự án Khu chức năng đô thị Xuân Phương, xã Xuân Phương, Huyện Từ Liêm, Hà Nội;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tài sản 1: Tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án đầu tư Khu chức năng đô thị Tây Mỗ. Giá trị tài sản đảm bảo: 440.000.000.000 VND; Tài sản 2: Tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án đầu tư Khu chức năng đô thị Xuân Phương. Giá trị tài sản đảm bảo: Được xác định tại thời điểm định giá.
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là 40.398.045.902 VND. Trong đó Nợ đến hạn trả trong năm 2015 là 0 VND.

Hợp đồng tín dụng số 02-2012 VIT/HĐTĐTH ngày 13/12/2012 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Tiên Sơn và Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn, với các điều khoản chi tiết như sau:

- Số tiền cho vay: 60.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Tái cấu trúc tài chính bằng cách chuyển nợ vay ngắn hạn thành nợ vay trung hạn theo công văn phê duyệt số 6513/TGD-NHCT9 ngày 09/08/2012 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc cơ cấu nợ đối với Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn;
- Thời hạn cho vay: 56 tháng;
- Phương thức cho vay: Từng lần;
- Lãi suất cho vay: Là lãi suất tính theo năm được xác định theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm xác định lãi suất cho vay;
- Phương thức bảo đảm: Cho vay không có tài sản bảo đảm và áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung;
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014: 52.000.000.000 VND. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2015 là 16.000.000.000 VND.

^[3]Các hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam có số dư lớn tại thời điểm cuối kỳ gồm:

Hợp đồng tín dụng số 02/01-HĐ-01/3467 ngày 22/03/2001 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Viglacera, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 434.029.050.873 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư dự án nhà máy kính nổi Viglacera;
- Thời hạn cho vay: 15 năm;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất theo từng thời kỳ. Lãi suất trong kỳ là 11,35%-11,85%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Công ty đem Quyền sử dụng đất 200.000 m² và tài sản gắn liền trên đất để thế chấp cho khoản vay này;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 57.305.940.044 VND, số dư nợ gốc phải trả trong kỳ sau là 38.000.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 13/2013/95342 ngày 28/03/2013 được ký kết giữa Tổng Công ty Viglacera với Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, với các điều khoản chi tiết sau:

- Bên uỷ quyền Vay vốn: Công ty Kính nổi Viglacera - CN Tổng Công ty Viglacera theo phụ lục hợp đồng tín dụng số 13/2013/95342/PL01 ngày 13/11/2013;
- Số tiền ngân hàng cho vay: 165.000.000.000 VND. Tuy nhiên, đến ngày 30/06/2014 Công ty mới giải ngân 18.548.131.790 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư dự án "Sửa chữa và cải tạo nâng công suất dây chuyền sản xuất kính nổi của Công ty Kính nổi Viglacera;
- Thời hạn cho vay: 120 tháng và được ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Ngày giải ngân đầu tiên là ngày 30/11/2013;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất của hợp đồng là lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,5%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay này được đảm bảo bởi các tài sản sau: Trạm Hydro và trạm Nitơ; Dây chuyền sản xuất kính nổi Công ty Kính nổi Viglacera sau khi hoàn tất quyết toán và bàn giao;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 18.548.131.790 VND, số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 1.090.000.000 VND.

^[4]Các hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Đại Dương có số dư lớn tại thời điểm cuối kỳ gồm:

Hợp đồng tín dụng số 01-12/2012/HĐTD-OCEANBANK_VIGLACERA ngày 18/12/2012 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 315/2013/PLHĐTD-OCEANBANK-VIGLACERA ngày 22/11/2013 giữa Ngân hàng TMCP Đại Dương và Tổng Công ty Viglacera, với các thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức cho vay: 600.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư dự án khu nhà ở cao cấp Viglacera Tower thuộc tổ hợp văn phòng thương mại, khách sạn và nhà ở Viglacera tại phường Trung Hòa, Cầu Giấy và xã Mỹ Trì, Từ Liêm;
- Thời hạn vay: 48 tháng (04 năm) từ ngày giải ngân đầu tiên; Thời gian ân hạn nợ gốc là 12 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên; Thời hạn trả nợ gốc là 36 tháng từ ngày kế tiếp của ngày kết thúc thời gian ân hạn và theo kỳ hạn trả nợ gốc;
- Lãi suất vay: lãi suất kỳ đầu tiên là 15,5%/năm; điều chỉnh 3 tháng/1 lần;
- Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất có tổng diện tích 8.926 m2 (khu K,H) và thửa đất có tổng diện tích 10.707mz (khu I) tại phường Trung Hòa, Cầu Giấy và Mỹ Trì, từ Liêm; Tòa nhà 17 tầng - khu thương mại, văn phòng, khách sạn trên diện tích đất tại khu K&H và toàn bộ các tài sản, công trình gắn liền với đất của khu I; Các căn hộ của Khu nhà ở cao cấp Viglacera tower, 3 tầng làm khu thương mại và toàn bộ diện tích/công trình khác thuộc sở hữu riêng của TCT Viglacera tại công trình tổ hợp văn phòng thương mại, khách sạn và nhà ở Viglacera-Khối nhà A và B xây dựng tại phường Trung Hòa Cầu Giấy và Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội; Toàn bộ quyền lợi, lợi ích, nguồn thu và các quyền tài sản khác có được khi bên B bán, chuyển nhượng, cho thuê, khai thác, sử dụng các tài sản nêu trên cũng thuộc Tài sản thế chấp.
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là 313.840.298.924 VND. Trong đó, số dư nợ gốc đến hạn trả kỳ tới là 200.000.000.000 VND.

^[5]Là khoản vay Quỹ hỗ trợ phát triển (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam) để đầu tư Dự án xưởng phụ kiện sứ vệ sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2004/HĐTD. Tổng giá trị khoản vay 108.360.188.339 VND, thời hạn vay là 90 tháng, lãi suất tùy theo từng món nhận nợ vay (trong đó: dư nợ chịu lãi suất 9,72%/ năm là 13.855.604.103 VND, dư nợ chịu lãi suất 7%/ năm là 91.154.038.131 VND, dư nợ chịu lãi suất 5,4%/ năm là 3.350.546.105 VND).

Theo văn bản số 14966/BTC-TCNH ngày 28/11/2006 của Bộ Tài chính về việc xử lý rủi ro của Công ty Thiết bị vệ sinh Việt Ý (nay là Công ty Sen Vôi Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera-CTCP) đề xuất khoan nợ đối với khoản lãi phát sinh từ khoản vay nói trên từ 01/01/2007 đến 31/12/2010 với điều kiện Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera-CTCP) ký hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Đề xuất này đã được Văn phòng Chính phủ chấp thuận tại Công văn số 7269/VPCP-KTTH ngày 12/12/2006.

Tổng số dư nợ gốc đến thời điểm 31/12/2014 là 50.568.092.339 VND. Trong đó, số nợ gốc phải trả kỳ tới là 14.448.034.000 VND.

^[6] Là các khoản vay vốn của các cá nhân tại Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long là 62.091.672.000 VND, Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều là 25.752.078.005 VND, Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn là 9.163.795.713 VND. Thời hạn vay của các khoản vay này là trên 12 tháng với lãi suất bằng hoặc tương đương với lãi suất của các Ngân hàng thương mại tại thời điểm vay.

^[7]Theo Văn bản sửa đổi, bổ sung số 02/01-HĐ-01/3467-BS8 ngày 20/10/2014 về việc điều chỉnh lại kỳ hạn trả nợ lãi của hợp đồng tín dụng số 02/01-HĐ-01/3467 ngày 02/01/2001. Khoản lãi này được trả trong vòng 10 năm bắt đầu trả từ năm 2011 và chịu lãi suất theo từng thời kỳ và được trả ngày 25 hàng tháng. Tại ngày 31/12/2014, Công ty còn nợ ngân hàng với tổng số tiền là: 75.892.176.989 VND. Trong đó nợ phải trả đến hạn trong kỳ sau số tiền là: 6.000.000.000 VND.

^[8]Khoản nợ Ngân sách Hải Dương do Nhà máy Viglacera Hải Dương vay từ năm 1999, trước khi Nhà máy sáp nhập vào Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

Tổng Công ty Viglacera - CTCP
Tòa nhà Viglacera - Số 01 Đại Lộ Thăng Long - Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Kỳ kế toán từ ngày 22/07/2014 đến ngày 31/12/2014

24. VON CHỦ SỞ HỮU	a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu										Cộng	
	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND		Nguồn vốn đầu tư XD/CB VND
Số dư đầu năm tại 01/01/2014	1.107.870.916.620	3.866.595.086	7.259.879.430	-	(148.162.639)	(879.277.016)	96.026.654.863	15.391.417.856	6.814.293.934	(57.257.848.865)	23.279.385.016	1.202.223.798.285
Phát hành tăng vốn điều lệ	225.147.380.000	18.687.162	-	-	-	-	-	-	-	-	-	225.166.067.162
Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận để lại	161.254.751.980	-	-	-	-	-	-	-	(161.254.751.980)	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	78.215.593.979	-	78.215.593.979
Tăng do đánh giá lại giá trị tài sản để cổ phần hóa	-	-	-	1.136.623.325.961	-	1.465.502	-	-	-	-	-	1.136.624.791.463
Tăng vốn nhà nước theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	1.159.024.899.463	-	-	(1.136.623.325.961)	-	877.811.514	-	-	-	(23.279.385.016)	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	103.155.426	-	-	-	2.878.380.488	283.126.887	23.460.970	(3.288.123.771)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.460.251.544)	-	(5.460.251.544)
Hoàn nhập Lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	-	-	(17.668.752.266)	-	-	17.668.752.266	-	-
Phân chia lợi nhuận cho ITASCO	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.234.635)	-	(3.234.635)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.337.358.287	-	1.337.358.287
Giảm do điều chỉnh giá trị các khoản đầu tư tương ứng với giá trị tăng khi xác định giá trị doanh nghiệp	-	-	-	(193.544.307.015)	-	-	-	-	-	-	-	(193.544.307.015)
Giảm vốn tương ứng với tài sản không cân bằng, TSCĐ thuộc quỹ phúc lợi	(8.297.942.063)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(8.297.942.063)
Tăng do hạch toán tiền nộp về Ngân sách nhà nước theo TT 187	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.784.406.047	-	6.784.406.047
Kết chuyển lợi nhuận còn lại về phải trả Nhà nước	-	-	-	-	-	-	(135.744.072)	-	-	(4.033.668.771)	-	(4.033.668.771)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(788.281.587)	-	(924.025.659)
Số dư cuối kỳ trước tại 21/07/2014	2.645.000.000.000	3.885.382.248	7.362.984.856	(193.544.307.015)	(148.162.639)	81.100.539.013	81.100.539.013	15.674.544.743	6.837.754.904	(128.080.050.574)	-	2.438.088.585.536
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	210.495.095.046	-	210.495.095.046
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	418.967.195	25.470.985	36.524.231	(480.962.411)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.628.305.346)	-	(1.628.305.346)
Phân chia lợi nhuận cho ITASCO	-	-	-	-	-	-	-	-	-	794.690.494	-	794.690.494
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500.997.691	-	500.997.691
Giảm do Công ty con điều chỉnh hồi tố lợi nhuận năm trước	-	(46.169.013)	-	-	-	-	-	-	-	(13.005.903.574)	-	(13.005.903.574)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(469.643.172)	-	(515.812.185)
Số dư cuối kỳ tại 31/12/2014	2.645.000.000.000	3.839.113.235	7.362.984.856	(193.544.307.015)	(148.162.639)	81.519.506.208	81.519.506.208	15.700.015.728	6.874.279.135	68.125.918.153	-	2.634.729.347.661

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch phát sinh do việc Công ty mẹ ghi nhận tăng giá trị các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và khi đánh giá lại tại thời điểm bán giao sang công ty cổ phần. Chênh lệch này được ghi giảm vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	Tỷ lệ	22/07/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước ^[1]	2.419.852.620.000	91,49%	2.419.852.620.000	91,49%
Vốn góp của các cổ đông khác ^[2]	225.147.380.000	8,51%	225.147.380.000	8,51%
Cộng	2.645.000.000.000	100,00%	2.645.000.000.000	100,00%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng Công ty tại thời điểm 22/07/2014 là kết quả của quá trình thực hiện cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước. Kết quả này được phê duyệt chính thức tại Quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 24/06/2014 của Bộ Xây dựng về điều chỉnh lại phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Viglacera:

Vốn điều lệ được phê duyệt là 2.645.000.000.000 VND;

Số cổ phần phát hành lần đầu: 264.500.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần. Trong đó:

- o Nhà nước nắm giữ: 241.985.262 cổ phần, chiếm 91,48% vốn điều lệ;
- o Bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp: 1.441.645 cổ phần, chiếm 0,55% vốn điều lệ;
- o Bán cho các cổ đông khác: 21.073.093 cổ phần, chiếm 7,97% vốn điều lệ.

^[1]Giá trị phần vốn góp của nhà nước đang được ghi nhận trên cơ sở phần vốn nhà nước được phê duyệt tại Quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 24/06/2014 của Bộ Xây dựng nêu trên. Tại thời điểm lập báo cáo này, Tổng Công ty đang tiến hành các công việc để Quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (0h ngày 22/07/2014) theo các hướng dẫn tại Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính.

^[2]Vốn góp của đối tượng khác tại ngày 22/07/2014 là phần vốn thực góp thu được từ phương thức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư bên ngoài và Cán bộ công nhân viên theo hướng dẫn về việc chào bán cổ phần lần đầu tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu kỳ	2.645.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối năm	2.645.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	264.500.000	264.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	264.500.000	264.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	264.500.000	264.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	264.500.000	264.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e) Các quỹ của Tổng Công ty

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	81.519.506.208	81.100.539.013
- Quỹ dự phòng tài chính	15.700.015.728	15.674.544.743
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.874.279.135	6.837.754.904
	104.093.801.071	103.612.838.660

25. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	4.198.306.470.773	3.476.484.162.657
- Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	1.231.032.288.203	935.760.782.085
- Doanh thu bán các sản phẩm kính, gương	599.590.527.984	583.110.171.158
- Doanh thu bán các sản phẩm sứ, sen vòi và phụ kiện	604.793.252.158	490.595.546.674
- Doanh thu bán các sản phẩm gạch ốp lát	764.740.718.831	550.387.251.548
- Doanh thu bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung	901.792.385.213	809.959.479.172
- Doanh thu bán các sản phẩm bao bì, má phanh	17.332.835.337	18.769.912.652
- Doanh thu bán sản phẩm bê tông khí	15.682.572.309	11.707.144.782
- Doanh thu bán cát trắng thủy tinh	19.218.131.100	18.018.066.660
- Doanh thu từ khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản	4.917.188.222	14.665.427.307
- Doanh thu bán xăng dầu	24.357.875.722	31.994.737.063
- Doanh thu bán hàng khác	14.848.695.694	11.515.643.556
Doanh thu cung cấp dịch vụ	184.578.749.683	185.705.583.827
- Dịch vụ cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp	57.338.666.953	85.736.188.628
- Doanh thu từ các dịch vụ liên quan tới quản lý, vận hành các khu công nghiệp, khu đô thị, chung cư ^[1]	84.032.364.380	71.211.881.558
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và thí nghiệm vật liệu xây dựng	3.062.219.859	5.205.275.194
- Dịch vụ du lịch	10.677.708.177	3.411.931.819
- Dịch vụ lắp đặt khung nhôm, vách kính, các loại cửa	15.736.801.541	4.128.270.860
- Doanh thu về phí duy trì và phát triển thương hiệu	1.711.493.423	-
- Dịch vụ khác	12.019.495.350	16.012.035.768
Doanh thu hợp đồng xây dựng	90.968.389.727	11.411.963.905
	4.473.853.610.183	3.673.601.710.389

^[1]Bao gồm các dịch vụ: Quản lý vận hành chung cư, Khu đô thị, Khu Công nghiệp; Dịch vụ bảo dưỡng hạ tầng Khu công nghiệp; dịch vụ cấp nước và xử lý nước thải, dịch vụ nhà trẻ, dịch vụ nhà hàng tại khu đô thị...

26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	74.826.133.747	50.962.491.483
Hàng bán bị trả lại	3.257.897.483	4.944.254.285
Giảm giá hàng bán	3.880.105.041	858.628.412
	81.964.136.271	56.765.374.180

27. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	4.126.147.141.857	3.419.810.728.602
- Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	1.240.837.095.558	935.760.782.085
- Doanh thu bán các sản phẩm kính, gương	574.119.912.672	559.084.657.066
- Doanh thu bán các sản phẩm sứ, sen vòi và phụ kiện	559.853.872.531	466.386.608.244
- Doanh thu bán các sản phẩm gạch ốp lát	750.376.954.121	544.923.326.035
- Doanh thu bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung	904.730.613.107	807.020.569.178
- Doanh thu bán các sản phẩm bao bì, má phanh	17.204.230.821	18.738.116.626
- Doanh thu bán sản phẩm bê tông khí	15.682.572.309	11.707.144.782
- Doanh thu bán cát trắng thủy tinh	19.218.131.100	18.018.066.660
- Doanh thu từ khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản	4.917.188.222	14.665.427.307
- Doanh thu bán xăng dầu	24.357.875.722	31.994.737.063
- Doanh thu bán hàng khác	14.848.695.694	11.511.293.556
Doanh thu cung cấp dịch vụ	174.773.942.328	185.613.643.702
- Dịch vụ cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp	47.533.859.598	85.736.188.628
- Doanh thu từ các dịch vụ liên quan tới quản lý, vận hành các khu công nghiệp, khu đô thị, chung cư	84.032.364.380	71.211.881.558
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và thí nghiệm vật liệu xây dựng	3.062.219.859	5.205.275.194
- Dịch vụ du lịch	10.677.708.177	3.411.931.819
- Dịch vụ lắp đặt khung nhôm, vách kính, các loại cửa	15.736.801.541	4.128.270.860
- Doanh thu về phí duy trì và phát triển thương hiệu	1.711.493.423	-
- Dịch vụ khác	12.019.495.350	15.920.095.643
Doanh thu hợp đồng xây dựng	90.968.389.727	11.411.963.905
	4.391.889.473.912	3.616.836.336.209

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	3.272.309.296.902	2.816.779.312.057
- Giá vốn hàng hóa bất động sản	966.382.352.386	806.955.361.723
- Giá vốn bán các sản phẩm kính, gương	486.233.261.722	497.383.432.058
- Giá vốn bán các sản phẩm sứ, sen vòi và phụ kiện	454.664.715.962	368.590.789.742
- Giá vốn bán các sản phẩm gạch ốp lát	569.605.795.719	406.393.511.595
- Giá vốn bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung	715.695.656.103	651.676.028.582
- Giá vốn bán các sản phẩm bao bì, má phanh	14.184.836.609	15.693.213.960
- Giá vốn bán sản phẩm bê tông khí	9.772.929.046	7.808.256.535
- Giá vốn bán cát trắng thủy tinh	13.288.993.513	11.910.214.998
- Giá vốn hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản	5.387.580.272	7.568.484.172
- Giá vốn bán xăng dầu	25.218.938.447	31.345.709.501
- Giá vốn bán hàng khác	11.874.237.123	11.454.309.191
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	109.805.867.000	130.980.956.551
- Giá vốn dịch vụ cho thuê Bất động sản, hạ tầng	25.298.561.923	46.312.529.363
- Giá vốn các dịch vụ liên quan tới quản lý, vận hành các khu công nghiệp, khu đô thị, chung cư	49.447.424.400	54.459.364.392
- Giá vốn dịch vụ tư vấn xây dựng và thí nghiệm vật liệu XD	1.660.379.181	3.062.515.550
- Giá vốn dịch vụ du lịch	10.163.325.166	4.135.410.729
- Dịch vụ lắp đặt khung nhôm, vách kính, các loại cửa	12.525.129.103	2.564.426.112
- Giá vốn dịch vụ khác	10.711.047.227	20.446.710.405
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	83.168.695.108	10.481.509.559
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.955.718.986	(9.318.579.653)
	3.468.239.577.996	2.948.923.198.514

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.801.201.304	11.743.479.157
Cổ tức, lợi nhuận được chia	85.652.957	114.202.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	980.464.346	433.035.388
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	667.119.454	254.659.361
Lãi bán hàng trả chậm	838.903.008	1.302.727.337
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.908.408.647
	23.373.341.069	15.756.511.890

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	89.043.511.954	131.004.806.939
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	15.663.969.483	4.099.972.796
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.997.341.025	1.066.579.060
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	705.468.596	313.605.821
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(700.017.929)	2.504.148.580
Chi phí tài chính khác	1.442.924.460	204.168.851
	108.153.197.589	139.193.282.047

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.624.430.022	3.967.541.170
Chi phí nhân công	27.156.096.937	39.985.185.069
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.099.444.728	4.088.648.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	614.976.279	3.778.246.665
Thuế, phí và lệ phí	-	20.810.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.322.656.678	128.848.614.854
Chi phí khác bằng tiền	81.094.642.154	40.570.643.726
Chi phí Quảng cáo, hội chợ, quảng bá	1.520.352.260	5.375.508.413
	263.432.599.058	226.635.198.391

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.200.600.039	5.779.366.374
Chi phí nhân công	81.901.687.967	71.470.596.849
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.407.869.236	3.136.395.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.683.544.742	10.715.467.527
Thuế, phí và lệ phí	13.542.556.118	4.100.505.532
Chi phí dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng	41.258.554.967	(8.421.875.579)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.094.383.507	25.841.637.046
Chi phí khác bằng tiền	55.603.969.807	50.199.868.594
Lợi thế thương mại	346.155.766	1.829.896.957
	254.039.322.149	164.651.859.134

33. THU NHẬP KHÁC

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	17.835.909.611	496.272.727
Thu nhập từ bán vật tư cho công trình	9.737.345.814	2.584.951.734
Thu nhập từ bán dầu Diezel, dầu máy, dầu thủy lực	191.717.085	214.577.562
Chuyển nhượng giá trị tài sản Nhà máy Phú Xuyên	-	20.813.946.364
Thu từ bán phế phẩm, thanh lý vật tư	1.412.869.051	995.486.638
Thu từ xử lý công nợ	224.436.996	362.144.903
Thu nhập từ hoàn nhập chi phí của Dự án Hoàn Sơn	-	3.853.835.898
Thu nhập từ hoàn nhập khấu hao tài sản	-	2.582.449.493
Hoàn nhập khấu hao của TSCĐ không cần dùng bàn giao về nhà nước	-	6.163.194.487
Tiền thuê đất được miễn giảm	383.817.459	1.027.702.537
Thu từ các dịch vụ điện, nước khác	6.815.185.694	7.325.400.199
Thu nhập từ miễn giảm lãi tiền vay	1.142.600.271	4.784.468.180
Thu nhập khác	2.711.392.135	3.197.802.833
	40.455.274.116	54.402.233.555

34. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý	12.938.751.185	535.253.119
Chi phí chuyển nhượng Nhà máy Phú Xuyên	-	12.847.945.701
Chi phí bán phế phẩm, thanh lý vật tư, công cụ không sử dụng	10.231.883.375	1.077.809.096
Giá vốn của vật tư bán cho công trình	9.576.424.010	2.578.178.799
Chi phí bán dầu Diezel, dầu máy, dầu thủy lực	-	214.577.562
Khấu hao tài sản cố định không sử dụng	1.677.995.339	348.227.370
Phạt hợp đồng, phạt hành chính, truy thu thuế	2.978.986.665	9.593.224.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi khác trong giai đoạn ngừng sản xuất	1.422.743.593	15.789.412.062
Chi phí lãi chậm nộp thuế, chậm nộp Bảo hiểm	2.382.319.520	20.440.655.113
Chi phí bù vỡ sản phẩm từ năm 2004 - 2010	-	365.785.410
Chi phí các dịch vụ khác	3.693.664.725	6.514.377.104
Chi phí khác	3.835.460.677	4.890.541.217
	48.738.229.089	75.195.987.053

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

35.1. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Công ty mẹ	41.676.408.881	10.669.764.461
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm	1.752.520.146	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Viglacera	172.142.777	255.546.170
Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera	811.711.773	723.658.881
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	5.580.209.380	2.243.752.727
Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera	1.066.978.802	1.343.604.360
Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải	339.241.153	662.334.232
Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera	-	51.682.607
Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì	236.807.014	667.603.142
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	12.001.459.016	11.816.573.888
Công ty Cổ phần Vinafacade	143.159.366	38.044.257
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	243.048.023	193.949.971
Chi phí thuế TNDN hiện hành	64.023.686.331	28.666.514.696

35.2. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	247.728.846	-
	247.728.846	-
	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/01/2014 đến 21/07/2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(247.728.846)	-
	(247.728.846)	-

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014
	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	210.495.095.046
Các khoản điều chỉnh :	
- Các khoản điều chỉnh tăng	794.690.494
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	211.289.785.540
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	264.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	799

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		22/07/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.026.375.030.780	-	810.974.355.340	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.235.794.686.494	(96.058.719.361)	1.291.241.087.824	(54.800.164.394)
Các khoản cho vay	2.423.949.094	-	14.282.300.000	-
Đầu tư dài hạn	10.280.986.297	(2.106.722.725)	10.176.866.337	(2.806.740.654)
	2.274.874.652.665	(98.165.442.086)	2.126.674.609.501	(57.606.905.048)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	22/07/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	2.508.211.877.234	2.732.702.077.998
Phải trả người bán, phải trả khác	1.703.089.832.299	1.564.663.744.514
Chi phí phải trả	1.292.204.719.524	1.721.607.203.932
	5.503.506.429.057	6.018.973.026.444

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản

lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.026.375.030.780	-	-	1.026.375.030.780
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.135.685.967.133	4.050.000.000	-	1.139.735.967.133
Các khoản cho vay	2.423.949.094	-	-	2.423.949.094
Đầu tư dài hạn	-	-	8.174.263.572	8.174.263.572
	2.164.484.947.007	4.050.000.000	8.174.263.572	2.176.709.210.579
Tại ngày 22/07/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	810.974.355.340	-	-	810.974.355.340
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.232.390.923.430	4.050.000.000	-	1.236.440.923.430
Các khoản cho vay	14.282.300.000	-	-	14.282.300.000
Đầu tư dài hạn	-	-	7.370.125.683	7.370.125.683
	2.057.647.578.770	4.050.000.000	7.370.125.683	2.069.067.704.453

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	1.514.928.290.350	993.283.586.884	-	2.508.211.877.234
Phải trả người bán, phải trả khác	1.671.324.722.541	31.765.109.758	-	1.703.089.832.299
Chi phí phải trả	1.292.204.719.524	-	-	1.292.204.719.524
	4.478.457.732.415	1.025.048.696.642	-	5.503.506.429.057
Tại ngày 22/07/2014				
Vay và nợ	1.431.665.836.686	1.301.036.241.312	-	2.732.702.077.998
Phải trả người bán, phải trả khác	1.531.276.305.449	33.387.439.065	-	1.564.663.744.514
Chi phí phải trả	1.721.607.203.932	-	-	1.721.607.203.932
	4.684.549.346.067	1.334.423.680.377	-	6.018.973.026.444

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38. THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm lập báo cáo này, Tổng Công ty đang tiến hành các công việc để Quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (0h ngày 22/07/2014) theo các hướng dẫn tại Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính.

Ngày 28/10/2014, Tổng công ty đã được UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 31321000076, tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phong Điền - Viglacera. Mục tiêu và quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phong Điền (phần mở rộng), quy mô sử dụng đất khoảng 290ha, tổng vốn đầu tư 1.100 tỷ VND; Thời gian thực hiện 50 năm. Tiến độ dự án chia thành 5 giai đoạn từ tháng 2/2015 đến tháng 12/2020.

UBND Tỉnh Bắc Ninh đã ban hành văn bản số 3207/UBND-XDCB ngày 27/12/2014 về việc đồng ý về chủ trương cho Tổng Công ty Viglacera làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thuận Thành I, Huyện Thuận Thành với diện tích khoảng 250ha.

39. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại văn bản số 60/TTg-KTN ngày 13/01/2015, Thủ tướng chính phủ đã đồng ý chủ trương đầu tư Dự án “Dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng” do Tổng Công ty Viglacera - CTCP làm chủ đầu tư như đề nghị của Bộ Công Thương và ý kiến của các Bộ với mục tiêu là ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất kính tiết kiệm năng lượng sử dụng trong các công trình xây dựng; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi quy định tại Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

UBND Tỉnh Phú Thọ đã ban hành Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 27/01/2015, về việc thành lập khu công nghiệp Phú Hà, giai đoạn I, với các nội dung chính như sau:

- Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật: Tổng Công ty Viglacera - CTCP;
- Địa điểm: Thuộc địa giới hành chính các xã: Hà Lộc, Phú Hộ và Hà Thạch, Thị Xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ;
- Diện tích: 350,09ha (diện tích này được chuẩn xác tại các quyết định thu hồi và giao đất cho Tổng Công ty Viglacera - CTCP của UBND tỉnh Phú Thọ);
- Tính chất: là khu Công nghiệp hỗn hợp đa ngành, công nghệ cao, chủ yếu là Công nghiệp điện tử, vật liệu xây dựng cao cấp, chế biến thực phẩm, đồ uống, các mặt hàng cơ khí, dược phẩm...

Ngày 10/02/2015, tại văn bản số 275/BXD-KHTC, Bộ Xây dựng đã đồng ý chủ trương đề Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long, doanh nghiệp do Tổng Công ty Viglacera - CTCP sở hữu 51% vốn điều lệ được di dời từng phần, theo giai đoạn Nhà máy gạch ốp lát Thăng Long từ Phường Phúc Thắng, Thị Xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc và đầu tư tại Khu Công nghiệp Phú Hà, Tỉnh Phú Thọ.

Ngày 16/03/2015, tại văn bản số 1761/UBND-KT của UBND Thành phố Hà Nội đã cho phép khấu trừ chi phí hạ tầng kỹ thuật tạm tính của các ô đất chức năng trường học, nhà trẻ, mẫu giáo (THPT, TH, THCS, NT1, NT2) thuộc Dự án Khu đô thị mới Đặng Xá 2 huyện Gia Lâm với số tiền là 207.795.230.590 VND vào tiền sử dụng đất phải nộp của Dự án và chủ đầu tư không bị phạt chậm nộp đối với số tiền tương ứng khoản chi phí hạ tầng kỹ thuật khấu trừ vào tiền sử dụng đất của các ô đất chức năng nêu trên.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

40. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Nhóm bất động sản và xây dựng		Nhóm Kính, sứ, sen vôi, phụ kiện		Nhóm gạch ốp lát		Nhóm gạch, ngói đất sét nung		Các bộ phận khác		Loại trừ nội bộ		Tổng cộng toàn Doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.482.170.730.663	1.133.973.785.203	941.059.839.427	750.376.954.121	904.730.613.107	120.637.390.818	-	4.391.889.473.912						
Giá vốn của hàng bán	1.138.482.542.101	941.059.839.427	568.287.698.069	182.089.256.052	188.336.524.804	104.015.410.096	-	3.468.239.577.996						
Lợi nhuận gộp từ hoạt động KI	343.688.188.562	192.913.945.776	372.761.741.358	568.067.698.069	716.394.088.303	16.621.980.722	-	923.649.895.916						
Tổng chi phí mua TSCĐ	57.884.485.124	12.234.452.007	42.735.835.938	30.124.824.330	68.081.818	-	-	143.047.679.217						
Tài sản bộ phận	8.411.343.379.180	1.865.962.104.657	1.154.907.073.413	1.335.799.022.809	291.856.188.406	(1.062.372.680.155)	-	11.997.495.088.310						
Tài sản không phân bổ								222.196.496.104						
Tổng tài sản	8.411.343.379.180	1.865.962.104.657	1.154.907.073.413	1.335.799.022.809	291.856.188.406	(1.062.372.680.155)	-	12.219.691.584.414						
Nợ phải trả của các bộ phận	5.984.865.167.560	1.657.299.779.140	990.000.189.225	979.353.706.369	203.594.534.329	(528.085.118.628)	-	9.287.028.257.995						

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, hoạt động xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Từ 22/07/2014	Từ 01/01/2014	
	đến 31/12/2014	đến 21/07/2014	
	VND	VND	
Bán hàng, cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết	210.113.200	-
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	-	27.584.091
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	550.849.645	1.158.275.925
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	150.000.000	-
Cổ tức được chia			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	-	404.471.000
Công ty Cổ phần Cầu Xây	Ảnh hưởng đáng kể	85.652.957	114.202.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Mối quan hệ	31/12/2014	22/07/2014	
	VND	VND	
Phải thu			
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Công ty liên kết	3.874.419.560	3.902.594.423
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	375.407.000	300.051.500
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết	165.407.388	60.350.788
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	9.609.247.435	9.532.793.144
Công ty Cổ phần Viglacera Hợp Thịnh	Ảnh hưởng đáng kể	4.166.626.362	4.039.184.547
Đầu tư tài chính ngắn hạn (Tiền gốc vay phải thu)			
Công ty Cổ phần Giấy Tây Đô vay	Ảnh hưởng đáng kể	2.100.000.000	2.100.000.000
Phải trả			
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	2.604.740.295	2.945.486.733
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	Ảnh hưởng đáng kể	594.436.668	594.436.668

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 22/07/2014	Từ 01/01/2014
	đến 31/12/2014	đến 21/07/2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	1.834.562.673	2.708.993.854

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Tổng Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Công ty cổ phần vào ngày 22/07/2014, do vậy giai đoạn từ ngày 22/07/2014 đến ngày 31/12/2014 là kỳ kế toán đầu tiên của Tổng Công ty Viglacera - CTCP. Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 21/07/2014 của Tổng Công ty Viglacera (Công ty TNHH Một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu) đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên báo cáo này đã được phân loại lại cho phù hợp để có thể so sánh với số liệu kỳ này, cụ thể như sau:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
A/ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Phải thu khách hàng	131	1.003.959.117.811	994.527.207.220
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	9.431.910.591
Phải trả người bán	312	1.097.154.252.765	1.096.536.759.125
Phải trả nội bộ	317	-	617.493.640

Số liệu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 21/07/2014 trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 21/07/2014 của Tổng Công ty Viglacera (Công ty TNHH Một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu) đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu này được trình bày không nhằm mục đích để so sánh với kỳ kế toán này mà nhằm tuân thủ hướng dẫn về việc trình bày báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Nguyễn Anh Tuấn



TỔNG CÔNG TY VIGLACERA

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16-17, Tòa nhà Viglacera, Số 1, Đại lộ Thăng Long, Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04. 35536660

Fax: 04. 35536671

Website: <http://www.viglacera.vn>